

TIỂU THUYẾT VÀ VĂN CHƯƠNG VÕ PHIÊN



Doãn Quốc Sỹ: Nghị về Võ Phiến • Cao Huy Khanh: Tiểu thuyết tân truyền kỳ • Nguyễn Mộng Giác: Thề giời của Bồn Thôi • Đặng Tiến: Đọc Thư Nhà • Tám tác giả: Đọc Võ Phiến



Con Sồn Dương trong hồ nước ngọt: VÕ HỒNG • Thơ
Tình: HOÀNG BÌNH HUY QUAN . LÊ VĂN NGẪM . HÀN
DÃ THẢO . NGUYỄN BỨC NHÂN . MƯỜNG MÀN .



Sáng lập NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

Chủ trương MAI THẢO

Giao thiệp NGUYỄN THỊ TUẤN

Nội dung:

Đặc biệt: Nhà văn Võ Phiến

Văn	1	Tiểu sử và tác phẩm Võ Phiến
Cao Huy Khanh	3	Kết cấu tiểu thuyết Võ Phiến: Tiền thuyết tân truyền kỳ
Doãn Quốc Sỹ	18	Nghĩ về Võ Phiến
Nguyễn Hải Chi	22	Hý họa
Võ Phiến	23	Đôi ba ý nghĩ về truyện
Tám tác giả	28	Đọc Võ Phiến
Nguyễn Mộng Giác	41	Thế giới của Bốn Thời
Đặng Tiến	52	Đọc Thư Nhà
Võ Phiến	63	Xem sách (trích văn)
	72	Cái còn lại (trích văn)

Sáng tác mới

Lê Văn Ngân	78	Xuyến và vịnh diệt
Hàn Dã Thảo	79	Sáng thành
Võ Hồng	80	Cơn sơn dương bên hồ nước ngọt
Hoàng Đình Huy Quan	91	Thơ tình
Nguyễn Đức Nhân	91	
Mường Mán	92	

Giới thiệu ấn phẩm mới • Hộp Thư • Bài nhận được
Chân dung Võ Phiến và mẫu bia của Trần Cao Linh

Chi phiếu, bưu phiếu đề tên cô Nguyễn Thị Tuấn
38 Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn 2 — Đ.T. 23.595

Tiểu Sử Và Tác Phẩm Võ Phiến

Tên : Đoàn Thế Nhơn

Sinh năm 1925 tại Bình Định

Bút hiệu : Võ Phiến

Tràng Thiên

Về bút hiệu Tràng Thiên, có điều đáng lưu ý. Tạp chí Bách Khoa số 306 ra ngày 1-10-1969, nơi mục Hộp thư, có minh xác như sau : « Tạp chí Bách Khoa có những bút hiệu mà có thời kỳ dành chung cho tất cả các anh em trong tòa soạn như : Thế Nhân, Tràng Thiên, Thu Thủy. Riêng bút hiệu Tràng Thiên trước 1963, đã dùng chung cho các anh em viết về mục « Điểm sách » hay « Qua các hàng sách », rồi từ 1964 trở đi, nhất là từ 1965, ông Võ Phiến thường dùng bút hiệu đó để viết các bài về văn học và trong mục « Sinh hoạt », nên tòa soạn đã dành bút hiệu này cho riêng ông. Do đó mà trước năm 1964 có nhiều bài với bút hiệu Tràng Thiên mà thực ra là của nhà văn Nga Í, Vũ Hạnh hay những văn hữu khác không muốn để bút hiệu thực của mình. Thí dụ bài « Điểm sách » trên số 99 (15-2-1961) trang 113 (...) là của ông Vũ Hạnh, dưới bút hiệu Tràng Thiên. »

TÁC PHẨM

— Truyện :

Chữ tình

1956

Người tù

1957

Mưa đêm cuối năm

1958

(Giải thưởng Văn chương toàn quốc 1959-1960)

<i>Đêm xuân trăng sáng</i>	1961
<i>Giã từ</i>	1962
<i>Thương hỡi ngàn năm</i>	1962
<i>Một mình</i>	1965
<i>Đàn ông</i>	1966

— *Tùy bút :*

<i>Thư nhà</i>	1963
<i>Tạp bút (3 tập)</i>	1964 — 1966
<i>Ảo ảnh</i>	1967
<i>Phù thế</i>	1969
<i>Tạp luận</i>	1973
<i>Đất nước quê hương</i>	1978

— *Tiểu luận :*

<i>Tiểu thuyết hiện đại</i>	1963
<i>Chúng ta, qua cách viết</i>	1973
<i>Văn học Nga-Xô hiện đại</i>	1985

— *Dịch thuật :*

<i>Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà</i> (dịch của <i>Seymour Zwarg</i>)	1963
<i>Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại</i> (dịch của <i>André Maurois</i>)	1964
<i>Truyện hay các nước</i> (2 tập, cùng dịch với <i>Nguyễn Minh Hoàng</i>)	1965

HOẠT ĐỘNG

— *Chủ trương nhà xuất bản Thời Mới : từ 1962 tới 1972*

cao huy khanh

Tân Truyền Kỳ

Tiểu thuyết Võ Phiến có một khía cạnh độc đáo, ấy là cái ý hướng xây dựng một cốt truyện cùng những nhân vật có thể gọi là « truyền kỳ » khá tân thời trong giòng tiểu thuyết Miền Nam : một cốt truyện gần như có tính cách liên tục và thống nhất xuyên qua nhiều tác phẩm có liên hệ với nhau xoay chung quanh một nếp sinh hoạt xã hội chung được lồng giữa khung cảnh (thiên nhiên) và một bối cảnh (lịch sử) nhất định; và những mẫu nhân vật rất quen thuộc thường thấy xuất hiện nhiều lần từ tác phẩm này sang tác phẩm khác, những nhân vật này chừng như định mệnh này và đời sống đã gắn liền với một khu vực địa dư, một môi trường sinh hoạt cố định trải những thăng trầm của lịch sử : nào là những ông Ba-Thê-Đồng-Thời, ông Bác-Đại-Cước, ông Bốn-Tản, ông Hoa-Lan, ông Bál-Công, Bà-Hề, Học-Thạch, Hải-Thọ, Tám-Linh, Hai-Nhiên, Thập-Tam, nào là những bà Thái-Hưng, bà Năm-Tốt, bà Ni-Nà, nào là những anh Bốn-Thời, gã Trần-Hùng, chàng Lê-Nọ V V...., tất cả cái đám đông nhân vật phức tạp mà người đọc luôn luôn có nhiều dịp gặp thấy trong nhiều tác phẩm nối tiếp nhau, thường thấy xuất hiện và sinh hoạt một cách đều đặn, từ trang này qua trang khác từ tác phẩm trước đến tác phẩm sau, trong khu vực lãnh thổ nhỏ bé của làng An Quý và đôi khi có thể được nói rộng nham vi hoạt động ra tận thị xã Qui Nhơn. Hơn thế nữa, người ta

còn thấy mỗi một nhân vật như vậy, vốn được lấy ra từ trong cái đám đông người lố nhố hỗn độn đó, kèm theo cái biệt danh độc đáo của riêng họ như đã thấy, luôn luôn có cả một lô tiểu sử lý kỳ rất đáng để dương danh và đó là điều mà tác giả đã làm với tất cả nhiệt tình, cả sự chân thành lẫn lòng triu mến. Đó chính là khởi điểm xây dựng nên nghệ thuật kết cấu của tác phẩm Võ Phiến, những tác phẩm tuy được tách rời với nhau về mặt hình thức nhưng thực sự có một nội dung không hoàn toàn độc lập với nhau (1).

Thật vậy, mỗi truyện ngắn của Võ Phiến có giá trị thật chẳng khác nào một bảng liệt kê và trình bày thật tỉ mỉ vấn đề lai lịch, gốc gác của một mẫu nhân vật đặc biệt với đầy đủ các chi tiết vừa phong phú vừa độc đáo về mọi khía cạnh như gia cảnh, tính tình, nghề nghiệp, tài sản, công danh sự nghiệp, cả sự sinh lẫn sự tử, cả quãng đời quá khứ, hiện tại lẫn những bước đường tương lai có thể có của y — nói tóm tắt ấy là một bảng-kê-khai-mục-lục-chi-tiết về « tiểu sử » của nhân vật. Mà tiểu sử, nói một cách khác ấy cũng chính là một cái lịch sử nho nhỏ của một đời người. Bởi vậy từ đó người ta có thể tìm thấy cái khía cạnh lịch sử đầu tiên và chính yếu nhất trong tác phẩm Võ Phiến : lịch sử của những cá nhân được đặt trong một khung cảnh xã hội (nông thôn) và một bối cảnh lịch sử chung (chiến tranh) — chẳng hạn : đây là lịch sử cuộc đời ông Ba-Thê-Đồng-Thời, nhà trí thức lỗi thời và bất lực chuyên môn xây dựng cuộc đời trên một đồng cát-vi-dit càng ngày càng cao như núi; đây là lịch sử cuộc đời Nguyễn Văn Áo, người lính viễn chinh lạc loài giữa một trận đồ quốc tế đầy rối rắm, trên đất khách quê người, đến nỗi quên mất cả đường về, để rồi cuối cùng làm một màn tình nguyện « xin nhận nơi này làm quê hương »; đây là lịch sử cuộc đời ông Bắc-Đại-Cuộc, nhà chính trị độc nhất vô nhị của làng An Quý còn sống sót sau

(1) Đặc biệt là đối với những tác phẩm được viết ra trong giai đoạn sáng tác đầu tiên của sự nghiệp tác giả : trong khoảng thời gian từ 1956 — 62.

hai cuộc thể chiến (GT) (2); đây là lịch sử cuộc đời anh Bốn-Thời nhà vô địch lấy vợ xuyên qua hai mươi năm khói lửa chiến tranh; đây là lịch sử cuộc đời Thập-Tam người nông dân bị chiến tranh dồn đuổi, từ năm này qua năm khác, từ nông thôn lên thành thị, khiến một sớm mai chợt bàng hoàng tỉnh giấc đã thấy một mình bơ vơ đứng giữa một kinh thành xa lạ, đã đánh lạc mất rồi nẻo về quê nhà mà cũng chẳng hiểu tại sao nữa (TN : tr. *Lại Thư Nhà*) ; đây là lịch sử cuộc đời ông Bốn-Tân, kẻ tứ cố vô thân suốt đời chạy dọc bên lề lịch sử, mặc kệ những kẻ qua người lại, một mình cặm cùi « đuổi bắt theo một lũ châu tượng tượng » (ĐXTS : tr. *Lễ Sống*); đây là lịch sử cuộc đời Hùng-Thiện-Thủ, người công chức quen bị bỏ rơi bên dòng lịch sử và còn hơn thế nữa bị lịch sử vùi dập tan nát khiến phải sống cuộc đời không ra gì và rồi cuộc chết một cái chết cũng không ra gì nốt (GT tr. *Cái Mũ Chảo Mào*); đây là lịch sử cuộc đời ông Tư Từ Lân, nhà khảo cổ trứ danh nhưng không may bị thất cơ lỡ vận hơn nửa đời người (Đ Ô/AT)....

Như thế, lịch sử cuộc đời của nhân vật ở đây chính là tiểu sử của một người, của một đời người. Mà tiểu sử của một người hay một đời người là gì nếu không phải là tổng số của bao nhiêu biến cố lớn nhỏ khác nhau, phong phú, đa tạp, đặc thù vốn là những yếu tố sống động tạo nên cái hoàn cảnh sống riêng tư của mỗi người.

Những biến cố này có thể được phân ra làm hai loại : những biến cố chung hay bên ngoài vốn thuộc về xã hội và lịch sử nhằm

(2) Tác phẩm Võ Phiến, trích dẫn : a) TRUYỆN NGẮN : *Chữ Tình* (CT, Bình Minh xb, 1956), *Người Tử* (NT : không ghi tên nhà xb, 57), *Mưa Đêm Cuối Năm* (MĐCN : Tự Do xb, 58), *Đêm Xuân Trăng Sáng* (ĐXTS : Nguyễn Đình Vượng xb, 61 — Thời Mới tb thành hai cuốn riêng rẽ : ĐXTS và *Về Một Xóm Quê*, 66), *Thương Hoài Ngàn Năm* (THNN : Bút Nghiên xb, 62), *Giã Từ* (GT : Bách Khoa xb, 62), *Thư Nhà* (TN : Thời Mới xb, 62), *Đàn Ông* : trích trong tuyển tập « Ảo Tượng » của nhiều tác giả (ĐÔ/AT : Lá Bối xb, 66, tb 71), *Phà Thề* (PT : Thời Mới xb, 69) — b) TRUYỆN DÀI : *Một Mình* (MM : Thời Mới xb, 65)...

tác động vào đời sống cá nhân ; và những biến cố riêng hay hẳn trong thì phát xuất từ cái đời tư riêng biệt của mỗi người và dĩ nhiên thường chỉ có ảnh hưởng đối với riêng cá nhân đó mà thôi. Và hồn phách của tiểu thuyết gia ở đây chính là tìm cách thu thập tất cả những chi tiết cần thiết có liên hệ đến những biến cố đó (chẳng khác nào một cuộc sưu tra tài liệu lịch sử) rồi sau đó tìm cách kết hợp chúng lại thành một toàn khối thống nhất theo những ý hướng sáng tác khác nhau (tùy theo sự đặt nặng vai trò quan trọng vào một trong hai loại biến cố chung và riêng kể trên) và trình bày lại tất cả trên trang giấy, bằng những chữ nghĩa, thành tác phẩm nghĩa là với một nghệ thuật từ chương khả hữu (điều phân biệt công việc làm của tiểu thuyết gia với các sử gia hay tiểu sử gia : biến một công cuộc sưu tra tài liệu lịch sử hay tiểu sử thành một tác phẩm văn chương nghĩa là tìm cách tiểu thuyết hóa cái tiểu sử đó một cách linh động hơn gấp bội chứ không chỉ giới hạn vào việc ghi chép một cách máy móc những chi tiết, hoàn toàn có tính cách « giáo khoa » như ngày sinh tháng đẻ, quê quán, dòng dõi v.v...). Tất cả cái quá trình cấu tạo và hình thành một tác phẩm tiểu thuyết đó đem lại điều mà người ta gọi là văn chương : một công trình tái tạo đầy lòng kiên nhẫn (và tùy theo sự chọn lựa ý hướng sáng tác căn cứ vào vai trò được xem là quan trọng nhất của một trong hai loại biến cố trên, sự tái tạo này sẽ hoặc là một sự tái tạo cuộc đời cá nhân — khía cạnh tiểu sử — hoặc là một sự tái tạo xã hội hay lịch sử). Và đồng thời cũng chính cái quá trình cấu tạo và hình thành đó là mấu chốt để giúp xây dựng nên kết cấu cho một tác phẩm tiểu thuyết.

Kết cấu của tiểu thuyết Võ Phiến cũng được xây dựng khởi đi từ đó với một ý hướng duy tiểu sử hơn là duy lịch sử. Nói dễ hiểu hơn là ông đã đặt nặng vai trò chi phối của loại biến cố riêng thuộc lãnh vực đời tư của cá nhân lên trên vai trò của loại biến cố chung thuộc về lãnh vực của xã hội : Võ Phiến đã dùng sự mô tả thật chi tiết về tiểu sử hay cuộc đời toàn vẹn của từng nhân vật từ đầu đến cuối để làm khởi điểm xây dựng nên kết cấu của tác phẩm, và rồi chính khởi đi từ cái mô hình tổng quát về sự thành lập nên tiểu sử của mỗi một

hai cuộc thể chiến (GT) (2); đây là lịch sử cuộc đời anh Bốn-Thời nhà vô địch lấy vợ xuyên qua hai mươi năm khói lửa chiến tranh; đây là lịch sử cuộc đời Thập-Tam người nông dân bị chiến tranh dồn đuổi, từ năm này qua năm khác, từ nông thôn lên thành thị, khiến một sớm mai chợt bàng hoàng tỉnh giấc đã thấy một mình ngơ ngác đứng giữa một kinh thành xa lạ, đã đánh lạc mất rồi nẻo về quê nhà mà cũng chẳng hiểu tại sao nữa (TN : tr. *Lại Thư Nhà*) ; đây là lịch sử cuộc đời ông Bốn-Tân, kẻ tứ cố vô thân suốt đời chạy dọc bên lề lịch sử, mặc kệ những kẻ qua người lại, một mình cặm cùi « đuổi bắt theo một lũ cháu tướng tượng » (ĐXTS : tr. *Lễ Sống*) ; đây là lịch sử cuộc đời Hùng-Thiện-Thủ, người công chức quen bị bỏ rơi bên dòng lịch sử và còn hơn thế nữa bị lịch sử vùi dập tan nát khiến phải sống cuộc đời không ra gì và rồi cuộc chết một cái chết cũng không ra gì nốt (GT tr. *Cái Mũ Chảo Mào*) ; đây là lịch sử cuộc đời ông Tư Từ Lân, nhà khảo cổ trứ danh nhưng không may bị thất cơ lỡ vận hơn nửa đời người (Đ.Ô/AT)....

Như thế, lịch sử cuộc đời của nhân vật ở đây chính là tiểu sử của một người, của một đời người. Mà tiểu sử của một người hay một đời người là gì nếu không phải là tổng số của bao nhiêu biến cố lớn nhỏ khác nhau, phong phú, đa tạp, đặc thù vốn là những yếu tố sống động tạo nên cái hoàn cảnh sống riêng tư của mỗi người.

Những biến cố này có thể được phân ra làm hai loại : những biến cố chung hay bên ngoài vốn thuộc về xã hội và lịch sử nhằm

(2) Tác phẩm Võ Phiến, trích dẫn : a) TRUYỆN NGẮN : *Chữ Tình* (CT, Bình Minh xb, 1956), *Người Tù* (NT : không ghi tên nhà xb, 57), *Mưa Đêm Cuối Năm* (MĐCN : Tự Do xb, 58), *Đêm Xuân Trăng Sáng* (ĐXTS : Nguyễn Đình Vượng xb, 61 — Thời Mới tb thành hai cuốn riêng rẽ : ĐXTS và *Về Một Xóm Quê*, 66), *Thương Hoài Ngàn Năm* (THNN : Bút Nghiên xb, 62), *Giã Từ* (GT : Bách Khoa xb, 62), *Thư Nhà* (TN : Thời Mới xb, 62), *Đàn Ông* : trích trong tuyển tập « *Ảo Tưởng* » của nhiều tác giả (Đ.Ô/AT : Lá Bối xb, 66, tb 71), *Phù Thế* (PT : Thời Mới xb, 69) — b) TRUYỆN DÀI : *Một Mình* (MM : Thời Mới xb, 65)...

bền hơn đó chính là xã hội. Nói đến xã hội là nói đến vai trò của cái đa số, cái tập thể quần chúng đã kết hợp tạo nên nó; vậy nên cái xã hội được tạo hình nên trong tác phẩm Võ Phiến cũng chính là do sự kết hợp của cái đám đông nhân vật vốn đã từng được tác giả cân thận và tỉ mỉ tô điểm từng nét tiêu sử trước đó. Nói dễ hiểu hơn thì mỗi truyện ngắn của Võ Phiến có ý nghĩa trình bày tiêu sử của một nhân vật chính nhưng nhiều truyện ngắn như vậy lại có liên hệ mật thiết với nhau tới độ khiến tất cả có thể kết hợp lại tạo thành một toàn bộ tác phẩm liên tục và thống nhất có ý nghĩa bao gồm sự hiện diện của nhiều nhân vật chính có giá trị ngang nhau trong cùng một lúc. Từ sự kết hợp *tuy gián tiếp (bởi chúng được phân chia ra thành nhiều truyện riêng rẽ với nhau)* nhưng thực sự phải được xem là hợp lý đó căn cứ vào tính chất thống nhất về mặt bố cục và phân cảnh cũng như sự thuần nhất về mặt tâm lý nhân vật như đã thấy xuyên qua nhiều truyện khác nhau (3), sự hiện diện của đám nhân vật lẻ tẻ và tưởng chừng như rời rạc trong những truyện ngắn đó phút chốc bỗng trở nên thường trực hơn bao giờ hết trong một thứ truyện dài trường thiên. Thế là vô hình dung nhân vật của truyện ngắn được biến thành nhân vật của truyện dài, nhân vật của truyện ngắn được vĩnh cửu hóa bằng không khí của truyện dài một cách gián tiếp. Thế nhưng đây không phải là thứ truyện dài thông thường, cũng không hẳn là thứ truyện dài đặc biệt như thể loại tiểu thuyết trường thiên mà là một thứ truyện dài còn

(3) Chính vì thế mà sự phân biệt những loại thể tài không được rõ rệt lắm nơi những tác phẩm của Võ Phiến: trường hợp có thể được xem như một loại « truyện vừa » bao gồm sự kết hợp của nhiều truyện ngắn hơn là một truyện dài đúng nghĩa; và *Thư Nhà* lại có thể được xem như những truyện ngắn hơn là tùy bút. Ngoài ra, cũng trong ý nghĩa này người ta thấy những truyện ngắn khác nhau này đều có thể hoặc là được gộp lại hoặc là tách ra thành những tuyển tập riêng rẽ mà thực sự vẫn không làm hại đến hay làm thay đổi cái ý nghĩa toàn bộ (hay toàn « pho » ?) của nó: điều mà chính tác giả đã làm đối với cuốn ĐXTS trong lần tái bản.

đặc biệt hơn nữa. Tạm xem đó là thể loại Tiểu thuyết Truyền kỳ.

« Truyền kỳ », ấy là một chữ dùng cổ điển đã từng được dùng từ xưa để chỉ định cho loại truyện cổ bình dân thường có nội dung trình bày những giai thoại ly kỳ về cuộc đời của những nhân vật đặc biệt (danh nhân võ tướng đạo sĩ giai nhân, ma quỷ...) vốn đã từng xảy ra và nổi tiếng trong một vùng địa phương riêng biệt được nói từ đó về sau thường được dân gian trong vùng đó truyền tụng với nhau từ lâu đời. Chữ dùng đó nay có thể được tạm dùng lại để chỉ định cho cái thể loại tiểu thuyết khá đặc biệt của Võ Phiến. Vì quả thực như đã thấy, những mẫu nhân vật độc đáo của Võ Phiến đều đã được xây dựng theo một cách thể kết cấu đặc biệt lồng trong những mẫu cốt truyện có liên hệ với nhau) khiến cho cuối cùng tất cả những nhân vật đó chừng như đều trở thành những mẫu người vừa có tính cách độc đáo mà lại vừa tỏ ra rất quen thuộc với tất cả mọi người: đi đâu cũng đụng đầu với họ, đi đâu cũng nghe thiên hạ đồn đãi về họ. Làm như tất cả đều đã trở thành những nhân vật của huyền thoại, không, nói đúng hơn là của những giai thoại luôn luôn luôn được dân gian truyền miệng kể cho nhau nghe chơi những khi rỗi rảnh hoặc trầm trồ chỉ cho nhau thấy mỗi khi họ thoát ần thoát hiện trong cái xã hội được tiểu thuyết hóa đó. Và cũng đừng quên cái địa phương tính của loại giai thoại này, vốn là một yếu tố cần thiết luôn luôn gắn liền với sự hình thành và bền vững của một giai thoại: giai thoại về những nhân vật của Võ Phiến chỉ có thể (trước hết) xảy ra trong một vùng địa phương nhất định và (sau hết) có thể được truyền tụng trong vùng đó mà thôi. Địa phương đó, hẳn mọi người đều đã biết, chính là Miền Trung nói chung hay làng An Quý và thành phố Qui Nhơn nói riêng. Như vậy rõ ràng tiểu thuyết của Võ Phiến đã hội đủ hai điều kiện thiết yếu nhất của thể loại Tiểu thuyết Truyền kỳ (được hiểu theo một nghĩa khá linh động ở đây): dùng một nghệ thuật kết cấu đặc biệt để biến tiểu sử những nhân vật của mình thành những sự tích nhân vật (diễn đạt trong ngôn ngữ-viết — còn được phát biểu trong ngôn ngữ-nói thì đó là những *giai thoại*); và gán cho những sự tích đó một

địa phương tính rõ rệt và nhất định xuyên qua mọi sự đổi thay của thời gian và lịch sử (4).

Sự mới mẻ trong tác phẩm Võ Phiến, trên phương diện kết cấu (tạo nên cái thể loại, khác với cái thể tài, của tác phẩm), như vậy chính là cái tính chất truyền kỳ của nó: thể loại Tiểu thuyết « Tân truyền kỳ », tạm gọi là thể. Sự mới mẻ này có thể được hiểu theo nhiều cách: trước hết cái ý hướng sáng tác theo thể loại truyền kỳ ở đây được thực hiện dưới hình thức của loại thể tài tiểu thuyết tân thời trong khi những truyện cổ truyền kỳ cổ điển thì được sáng tác theo thể loại Truyện kỳ (ghi chép bằng chữ Hán, dùng cách kết cấu của loại tản văn, bút pháp tuân theo luật đối xứng biến ngẫu...); sau nữa, đối chiếu theo lịch sử tiểu thuyết Việt Nam nói chung (trước Võ Phiến đã có Tô Hoài cũng theo đuổi một ý hướng sáng tác như vậy với những cuốn như *Quê Ngoại*, *Ở Chuột*) cũng như so sánh trong nền văn chương miền Nam nói riêng (bên cạnh Võ Phiến còn có Nhất Linh với cũng cùng một ý hướng sáng tác đó trong những cuốn như *Mối Tình Chân*, *Thương Chồng*, *Xóm Cầu Mới*) (5) thì Võ Phiến vẫn là một khuôn mặt văn chương nổi bật hơn cả, chẳng những vì cái tính chất hiếm hoi và đòi hỏi nhiều nỗ lực sáng tác kiên nhẫn và liên tục của cái thể loại văn chương mà ông đã chọn lựa, mà còn vì cái nghệ thuật diễn đạt nói chung của ông (trên nhiều phương diện: tâm lý, kết cấu, kỹ thuật, bút pháp, — thuộc phạm vi của một bài luận khác...) đã tỏ ra đặc sắc và mới lạ hơn hẳn những người đi trước. Đó cũng là một điều dễ hiểu bởi vì nên nhớ Võ Phiến từ lâu

(4) Ý nghĩa của loại Tiểu thuyết « (Tân) Truyền kỳ » được dùng ở đây khác với quan niệm gần đi của Vũ Ngọc Phan (Xem: « Nhà Văn Hiện Đại », quyển IV, Thăng Long tb, Saigon, 1961, từ tr. 956 trở đi) và Thanh Lăng (Xem: Tạp chí Đại Học số 3, năm thứ IV, tháng 7/61. bài « Tiểu thuyết Việt Nam thế hệ 32-45 »).

(5) So với trường hợp của Võ Phiến thì toàn bộ tiểu thuyết « Tân truyền kỳ » của Nhất Linh được khởi thảo trước (từ 1948 đến 1950: MTC và TC) nhưng dường như lại được hoàn tất trong một khoảng thời gian lâu hơn (1962: MCM).

văn xứng đáng được xem như là một trong những nhà văn tiên phong trong cái lịch sử khai phá đầy mới mẻ của nền văn chương miền Nam ; hay nói cách khác đây là một trong những nhà văn trẻ nhất và tiến bộ nhất của thập niên 50, được thúc đẩy và chịu ảnh hưởng của những biến cố lịch sử cùng những luồng văn hóa mới của hậu bán thế kỷ 20, so với những gì mà chúng ta đã có được trong nền văn chương Tiền chiến và Hậu Tiền chiến (6).

.....

Ngoài cái giá trị đóng góp chung kể trên, loại tiểu thuyết « Tân truyền kỳ » của Võ Phiến còn nêu lên một giá trị riêng khác đó là việc làm nổi bật một sắc thái văn chương địa phương (Trung kỳ) trong nền văn chương miền Nam vào những giai đoạn phát triển đầu tiên.

Thật vậy, xét trên bình diện tổng quát, giới nhà văn tiên phong của nền văn chương miền Nam thường có một xu hướng chung là dùng văn chương để ngợi ca quê hương, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp : sắc thái văn chương địa phương Bắc kỳ (7) nổi bật nhất với cái tâm sự tha hương cực kỳ bi đát của giới nhà văn di cư (thường tập trung trong các nhóm Sáng Tạo, Quan Điểm, Văn Nghệ...) ; sắc thái văn chương địa phương Nam kỳ hiện diện với những nỗ lực vẽ lại những trang sử hào hùng của cuộc khẩn hoang vĩ đại tại vùng đất mới miền Nam (Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh...). Riêng về sắc thái văn chương địa phương Trung kỳ, người ta thấy có sự góp mặt của những Vũ Hạnh,

(6) Vì khuôn khổ có hạn của một bài báo, đến đây chúng tôi tạm bỏ bớt một đoạn giữa — CHK.

(7) Việc dùng lại các danh từ cũ như « Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ » ở đây chỉ có một mục đích duy nhất là để giúp phân biệt với các địa danh tổng quát hơn ứng dụng trong tình cảnh hiện tại là « Miền Bắc, Miền Nam » chứ thực sự hoàn toàn không hề mang một ẩn ý nào hết.

Võ Hồng (tập trung trong nhóm Bách Khoa) nhưng đặc biệt tiêu biểu hơn cả thì phải kể đến Võ Phiến.

Để hiểu rõ cái giá trị biểu lộ địa phương tính nổi bật trong tác phẩm Võ Phiến, thiết tưởng cũng cần nên phân giải một vài ý nghĩa cốt yếu về cái vai trò của địa phương được dùng trong tác phẩm. Về vấn đề này, nên nhớ rằng, nói một cách tổng quát thì không thể có một tác giả nào có thể tránh khỏi được sự chi phối của cái yếu tố địa phương trong tác phẩm mình vì đó là một yếu tố thiết yếu gắn liền với cái ngôn ngữ diễn đạt và cái bối cảnh tất hữu của cốt truyện; mà cái bối cảnh này lại thường có liên hệ ít nhiều với cái hoàn cảnh sống riêng tư, cái môi trường sống tự nhiên của mỗi tác giả nghĩa là cái vùng đất quê hương nào mà tác giả tỏ ra gắn bó với nhiều nhất, nơi mà một phần lớn đời sống đáng ghi nhớ nhất của tác giả đã trải qua (vai trò của mỗi ám ảnh quá khứ và kỷ niệm trong nỗi ước mơ viết của mỗi nhà văn). Do đó chữ « quê hương » ở đây nên được hiểu theo một nghĩa linh động trong tác phẩm văn chương, ý nghĩa của mỗi hoài vọng về quê hương nơi tác giả thường gắn liền với « quê quán » của tác giả với điều kiện cái quê quán đó phải được chính đương sự cảm nhận bằng những kinh nghiệm sống sâu xa nhất của đời mình, nếu không phải bằng cả trọn vẹn đời mình thì ít ra cũng là bằng một phần đời đáng ghi nhớ nhất và bắt buộc phải ghi nhớ mãi của mình (là sự chẳng thể-quên ấy : đây thường là phần đời còn mới tinh và tươi mát cho nên cực kỳ yêu dấu của thời thơ ấu và lứa tuổi thanh xuân của tất cả mỗi người mà trong đó nhà văn thực sự chỉ là một trường hợp thông thường mà thôi. Vậy nên mọi tác phẩm không ít thì nhiều đều bắt buộc phải ghi dấu cái màu sắc quê hương quê quán hay nói rõ hơn là cái địa phương tính đương nhiên của tác giả) cũng như thế nói rằng có nhà văn nào mà lại vô tổ quốc?).

Thế nhưng cái địa phương tính được xem như tất hữu (ắt có) của mỗi một tác phẩm như trên thực ra lại có thể được thể hiện bằng những đường lối khác nhau, hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp. Đường lối thông thường nhất là đường lối gián tiếp theo đó cái địa phương tính của tác giả được bộc lộ qua ngôn ngữ (vốn

truyện. Trong trường hợp này, yếu tố địa phương được giới hạn vai trò của một bối cảnh không hơn không kém nghĩa là chỉ thể hiện một vai trò thứ yếu dùng làm một cái nền không gian, một thứ cảnh trí được phối hợp lại để trên đó trình bày cái phần cốt yếu nhất của câu truyện là tiểu sử cuộc đời (những động tác, diễn tiến, chuyển biến) của các nhân vật chính và phụ. Bởi thế cái địa phương tính ở đây khi được thể hiện thường chỉ có tính cách tiềm ẩn một cách ngấm ngấm trong tác phẩm, biểu lộ bằng bạc và mờ hồ xuyên qua toàn thể cốt truyện mà thôi. Đây là trường hợp thể hiện địa phương tính của loại Tiểu thuyết Thông thường vốn có yếu tố nòng cốt để xây dựng kết cấu là tiểu sử của cá nhân. Đến loại Tiểu thuyết Trường thiên thi sắc thái địa phương đã tương đối biểu lộ ra rõ rệt hơn vì như đã biết, trong thể loại tiểu thuyết này ý hướng sáng tác của nhà văn đã vượt ra khỏi phạm vi mô tả giới hạn về những mẫu tiểu sử cá nhân để bắt đầu hướng ngòi bút về sự mô tả, một cách toàn diện hơn, về nếp sinh hoạt cộng đồng của cả một tập thể rộng lớn, và dĩ nhiên từ sự mô tả hướng về tập thể đó cái địa phương tính của tác phẩm sẽ có nhiều cơ hội để xuất hiện hơn. Tuy nhiên trong trường hợp này, cái hình ảnh địa phương khi xuất hiện lại tỏ ra mang một tầm vóc quá rộng lớn vì có giá trị gồm thâu cả một xã hội tổng quát, hướng về cái lịch sử toàn diện của cả một quốc gia đến độ chừng như vượt ra khỏi cái phạm vi ý nghĩa có phần giới hạn của chữ « địa phương ». Do đó, cuối cùng nếu muốn tìm kiếm một sự thể hiện địa phương tính rõ nhất trong tác phẩm bất hủ người ta phải nhờ đến loại Tiểu thuyết Truyền kỳ vốn là loại tiểu thuyết có ý hướng biến tiểu sử nhân vật thành những sự tích nhân vật phổ biến trong một vùng địa phương riêng biệt, và đồng thời từ đó, như đã biết, đưa đến một hậu quả khác là xây dựng nên nếp sinh hoạt tập thể của cái đám đông những nhân vật truyền kỳ đó giới hạn trong một vùng địa phương nhỏ bé và nhất định kể trên. Vì vậy, trong loại tiểu thuyết này, yếu tố địa phương có thể được xem như đã đóng một vai trò đóng góp tích cực hơn vào việc xây dựng nên kết cấu của tác phẩm đến độ chừng như nó đã vượt quá khỏi cái vai trò khiêm nhượng của một thứ bối cảnh thông thường (như đối với hai loại tiểu thuyết

kia) để trời bật lên trở thành như thể một thứ « nhân vật » lớn và bao quát hết thấy những nhân vật chính thức khác. Nhờ đó cái địa phương tính của tác phẩm được biểu hiện một cách rõ rệt, liên tục và thống nhất hơn bao giờ hết. Ấy chính là trường hợp thể hiện địa phương tính bằng đường lối trực tiếp của Võ Phiến trong toàn bộ cái pho truyện « Tàn truyền kỳ » của ông : không ở đâu hơn ở đây cái hình ảnh về một địa phương nhỏ bé (làng An quý và thành phố Qui Nhơn) lại được làm cho hiện diện một cách thường trực, đầy đủ và đậm đà đến như thế !

Làng An Quý và thành phố Qui Nhơn : đó là một địa phương thuộc về miền Trung. Vậy điều hiển nhiên là khi dùng tác phẩm của mình để ngợi ca vùng đất địa phương kể trên thì một cách gián tiếp đồng thời Võ Phiến cũng đã làm nổi bật cái sắc thái văn chương địa phương Trung kỳ nói chung (8) hơn hẳn những người bạn đồng hương với mình (Vũ Hạnh, Võ Hồng, Phan Du...) bởi cái ý hướng (kết cấu tiểu thuyết) truyền kỳ (theo những điều đã chứng minh trên) bên cạnh sự nổi bật độc sáng hơn cả của cái sắc thái văn chương địa phương Bắc kỳ (không phải nhờ vào ý hướng kết cấu nhưng là nhờ vào nghệ thuật diễn đạt và số lượng tác phẩm — có một thành phố còn trời bật vượt bậc hơn cả thành phố Qui Nhơn của Võ Phiến trong nền văn chương Miền Nam : Hà Nội, một huyền thoại lớn) và sự hiện diện thường xuyên của cái sắc thái văn chương địa phương Nam kỳ cùng đối chiếu trong cái lịch sử chung của nền tiểu thuyết Miền Nam.

(8) Một lưu ý nhỏ : chữ « Trung kỳ » (Nam Việt) ở đây thực sự chỉ có ý nghĩa giới hạn trong Khu-vực-Quảng (gồm các tỉnh Nam-Ngãi-Bình-Phủ, với hai trung tâm văn hóa chính là Hội An và Qui Nhơn) khác với khu vực Huế (Quảng Trị, Thừa Thiên); riêng sắc thái văn chương địa phương của khu vực sau này, trong những giai đoạn khởi đầu của nền văn chương Miền Nam còn tỏ ra rất yếu kém (với một mình Phan Du) và chỉ bắt đầu bộc phát mạnh mẽ hơn trong những giai đoạn sau (với sự xuất hiện của Nhã Ca) song song với sự phát triển ảnh hưởng đều đặn của giới nhà văn cũ và mới thuộc Khu-vực-Quảng.

Bởi thế, làng An Quý và thành phố Qui Nhơn : ấy là những địa danh thật có một định mệnh thật may mắn trong văn chương, nhờ văn chương.

Nếu những Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn (...) có Hà Nội, Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc có những Cà Mau, Rạch Giá, Nhã Ca và Tuý Hồng có Huế thì cũng giống như vậy, Võ Phiến có Qui Nhơn — như thế phải chăng mỗi người đều có riêng cho mình một thành phố yêu dấu và mỗi nhà văn có riêng cho tác phẩm mình một thành phố yêu dấu ? Vâng Qui Nhơn là thành phố yêu dấu của Võ Phiến, cũng như An Quý là ngôi làng thân yêu của ông (như trường hợp làng Nghĩa Đô của Tô Hoài) cũng như những ông Ba Thê Đồng Thời, ông Bắc Đại Cuộc, ông Bốn Tản, ông Hoa Lan, Tám Linh, Hai Nhiên, Bái Công, Bá Hề, Hải Thọ, Học Thạnh, những bà Năm Tốt, bà Ní Nà, bà Thái Hưng những anh Bốn Thời, gã Trần Hùng, chàng Lê Nọ v.v... Tất cả vốn đều là những người bạn đồng hương thân thuộc với tác giả. Bởi vì như đã nói, quê hương ở đây cũng đồng thời chính là cái quê quán của tác giả và từ đó sáng tác cũng là một cách thể tự thuật với ít nhiều tưởng tượng : « Tôi tưởng như mình đang cái hôn trên cái dĩ vãng gồm toàn những chuyện đau lòng ngổ ngàng. Vừa hôn vừa ngạc nhiên không hiểu tại sao mình làm như thế » (GT, 117) Bởi thế viết văn đối với Võ Phiến có lẽ cũng là một cách thể bày tỏ gián tiếp tấm tình yêu quê hương chân thành nhưng kín đáo của mình. Nhất là khi tấm chân tình đó được đặt vào trong cái hoàn cảnh sống hiện tại của riêng tác giả (hoàn cảnh chung của những người nhà quê Việt Nam vì lý do sinh kế hay vì lý do chiến tranh thường bắt buộc phải ra đi, phải đành đoạn và dứt áo ra đi để một lần nữa từ nông thôn cất bước lên thành thị) thì nó sẽ biến thành một nỗi lòng tự hương thiết tha của một người nông dân đang lạc lõng giữa thành thị, những chân tình thầm thiết xin được gọi về cho những làng mạc ruộng vườn, những đồng cỏ bờ đê, những ao hồ và đùm cát, con sáo diều và lũy tre xanh yêu dấu của non nước tôi : « Tôi nhìn từng vết thương trên cây cối, từng dấu tích tàn phá sửa đổi trong vườn cổ đoán ra những

hoạt động xảy ra trong những năm tôi vắng mặt, lòng buồn ngủi... (GT, 107) — tâm sự của chính tác giả, người đi nhưng không bao giờ xa ! : Xem TN, tr. *Ngày Xuân Êm Dềm*).

Như vậy, hiển nhiên người ta đi đến một kết luận sau đây nói về cái nguồn gốc sáng tác của loại Tiểu thuyết Truyền kỳ : Tiểu thuyết Truyền kỳ thường bắt nguồn từ một xu hướng tự thuật do đó tác phẩm dễ có khuynh hướng biến thành một thiên tự truyện dài, nhưng được trình bày một cách gián tiếp, về chính cuộc đời tác giả. Nghĩa là tuân theo cái nguyên tắc sáng tạo chung của loại thể tài tiểu thuyết nói chung, loại Tiểu thuyết Truyền kỳ đã mượn chất liệu từ những sự thật của đời sống để từ đó tiến tới việc tái tạo làm thăng hoa chính nó (nhào nặn, tô điểm, thêm bớt) nhờ sự phối hợp với trí tưởng tượng sáng tạo của riêng mỗi tiểu thuyết gia. Do đó tiểu thuyết chính là sự hình thành của một công trình phối hợp giữa một bên là sự thật (những sự thật của đời sống, xã hội, lịch sử) và một bên là trí tưởng tượng thăng hoa của nhà văn theo một tỉ lệ phối trí linh động áp dụng cho hai loại yếu tố này : Tiểu thuyết có thể được định nghĩa là một công trình tưởng tượng hóa những sự thật tinh ròng lấy ra từ thực chất của đời sống. Và trong trường hợp của loại Tiểu thuyết Truyền kỳ đang được đề cập ở đây thì cái sự thật vốn được xem như chất liệu căn bản để trên đó tiểu thuyết gia áp đặt những nỗ lực tưởng tượng hóa của mình là một sự thật có vẻ thật nhất, một sự thật ở gần với chính sự thật nguyên thủy nhất bởi lẽ nó là một sự thật gắn liền với đời sống và bản thân tác giả, là sự thật của chính tác giả. Trong ý nghĩa đó có thể nói nhà văn là kẻ làm chứng cho chính (đời sống) mình vậy.

Hơn thế nữa, nhà văn còn là một chứng nhân cho (đời sống) những người đồng hương và đồng bào của mình, là chứng nhân cho cả xã hội và lịch sử, dấu là hiệu theo cái nghĩa khiêm tốn nhất của nó.

« Tôi muốn kể chuyện đau bề của xóm tôi nhưng quả rằng xóm quê tôi lắm thương chẳng phải nơi linh địa. Cho đến những điền dâu bề cũng lắm thương nhạt nhẽo, chẳng thành chuyện ra hồn. Chỉ nghe một cái gì buồn rã rịch lừng giọt từng giọt của

trận mưa dai dẳng kéo dài, kéo dài qua... qua cái gì? Qua suốt mười mấy năm dài chưa dứt sao? » (ĐXTS 328).

Vậy nên có thể nói, loại Tiểu thuyết « Tân truyền kỳ » của Võ Phiến là một bản chứng tích thành văn về xã hội và lịch sử làng An Quý và thành phố Qui Nhơn (người dân Qui Nhơn bây giờ nếu rồi rảnh có thể dùng tác phẩm Võ Phiến để vẽ lại một cái bản đồ sơ sơ về làng An Quý và thành phố Qui Nhơn đảm được lắm chứ chẳng phải chơi! — lưu ý là thành phố Qui Nhơn ngày xưa, một Qui Nhơn của « nhà văn trẻ » Võ Phiến trong thời vàng son, vốn không phải được phát triển thành ra rộng lớn như bây giờ, như điều mà tác giả đã nhiều lần nhắc nhở đâu đó trong các tác phẩm. Bởi vì chính tác giả của nó cũng đã là một trong những thành phần nông cốt kết tạo nên cái xã hội nho nhỏ đó, đã có mặt thường xuyên từ đầu tới cuối trong suốt cái lịch sử nhiều thăng trầm của cả một tập thể, đã trực tiếp tham dự vào nếp sinh hoạt chung của cái đám đông người lao nhao lổ nhổ tiêu biểu cho cái thế giới nhân loại được thể hiện ngay trong tác phẩm của mình, kẻ đã từng ở trong cuộc để cùng khóc cười theo với vận nước nổi trôi, để chừng như lắng nghe chính đời sống mình cũng lên lên xuống xuống theo cùng với nhịp thịnh suy của lịch sử, sự thăng trầm gián đoạn của cuộc sống nhân gian, sự đẩy đưa của giòng đời trôi chảy bất tận (mà tất cả trên lý thuyết) vốn đều là những sản phẩm phát xuất từ sự sáng tạo của tinh thần qua một công trình tưởng tượng hóa, tiểu thuyết hóa: vai trò tuy thụ động nhưng vô cùng quan trọng của loại Đại danh từ ngôi thứ nhất (« Tôi ») được dùng ở đây.

Cho nên điều cuối cùng đáng đề ghi nhận ở đây ấy là nếu cần phải thêm vào cho cái bảng danh sách (cực kỳ phong phú) những mẫu nhân vật truyền kỳ rất độc đáo của tiểu thuyết Võ Phiến thì cái nhân vật truyền kỳ cuối cùng ấy, cũng đồng thời là nhân vật truyền kỳ đáng được kể là đóng vai trò quan trọng nhất trong toàn « pho » tiểu thuyết này, chính là tác giả vậy.

Cao Huy Khanh

doãn quốc sỹ

Nghĩ Về Võ Phiến

Tác phẩm đầu tiên tôi đọc của Võ Phiến là *Giã Từ* và cũng kể từ đây anh thuộc số những tác giả mà gặp bất kỳ một bài văn ngắn, dài nào tôi cũng đọc đến nơi đến chốn. Tôi tìm đọc anh như tìm đến một niềm hạnh phúc dịu mát và sâu xa.

Cá tính Võ Phiến, tôi muốn nhấn mạnh, là nụ cười hóm hỉnh sâu sắc, nụ cười, tôi vẫn quen dùng hình ảnh, của một ông già nhìn đàn con trẻ chơi đùa mấp míu trong những triền phộc của cõi đời phù du này. Tinh thần hài hước của anh như vậy lại được diễn đạt thành những lời trịnh trọng một cách tỉnh bơ càng nhấn mạnh cái tội nghiệp con người là tù nhân của thành kiến và ảo vọng của chính mình. Vào thế giới của anh, vào vùng hào quang của nụ cười đó, mọi sự đều được hóa giải, những ba hoa mũ măng, những cuồng tín huênh hoang.

Vào những năm gần đây anh không viết truyện ngắn, truyện dài nữa, anh viết tạp bút, nhưng vẫn là Võ Phiến với nụ cười dí dỏm và bao dung trên. Đọc vui lạ! Thoải mái lạ. Vui và thoải mái ngay trong những ngang trái tỉnh bơ, con tàu nghiêng ngã mà hóa giải thành con vồng đu đưa.

Đặc biệt tôi muốn ghi nhận về kỹ thuật viết truyện ngắn của Võ Phiến. Hầu hết những truyện ngắn của anh đều như thể một thứ nửa tùy bút, nửa truyện ngắn, ý tôi muốn nói, tinh tiết thường trầm xuống ở phần nắn sức suy tư, nhẹ ở phần uần sức động tác, do đó nhiều khi tôi nghĩ truyện ngắn của anh như một biến thể mới của tùy bút. Với Võ Phiến, một truyện vừa như

Già Từ, một truyện ngắn như « Thác Đổ Sau Nhà » là loại « có chuyện » nhất của anh, còn hầu hết đều như không có chuyện, đều như những biến thể của những tùy bút, đoản văn : « Thư Nhà », « Ngày Xuân Êm Đêm », « Xem Sách », « Người Chồng Bất Thường ». Luôn luôn chúng ta chứng kiến những hình ảnh « mâu thuẫn thống nhất » ông già thành tâm như trẻ thơ, trẻ thơ trịch trọng như ông già (« Về Một Xóm Quê »). Tất cả đám chúng sinh trong thế giới của Võ Phiến đều lắm cảm một cách chân thành và vô hại. Ôi, tôi yêu những nhân vật đó biết ngần nào, tôi đã tìm được niềm vui trọn vẹn với những tâm hồn điên điên khùng khùng nhưng thuần phác đó để đánh thắng bằng với những chứng kiến lọc lừa, tham sân, bất nhân, bất nghĩa, vô liêm sỉ trên mặt nổi của cả hai miền Nam, Bắc. Đọc anh, tôi luôn luôn giữ được nụ cười trên môi, đôi khi bật thành tiếng cười bất ngờ với chính mình.

Ngày 19 tháng 5 vừa rồi tôi tới Quy Nhơn, đã từ lâu tôi ao ước dừng chân tại tỉnh này, quê hương của Võ Phiến. Phi trường của thị xã Quy Nhơn đặc biệt nhất Việt Nam, có nghĩa là đặc biệt nhất thế giới, nằm chính lnh giữa thị xã. Bước chân ra khỏi cổng phi trường là đã thấy mình ở ngay trung tâm thành phố, cái thành phố mà Võ Phiến đã tả là có hình thù một trái tim chung tình, xa một quả tim trần nằm giữa lênh hênh giữa bề chũu dựng bao nhiêu là sóng gió mà không hề chuyển lay... » (« Ngày Xuân Êm Đêm »).

Vì ngày 19 tháng 5 là ngày sinh nhật họ Hồ, nên đêm hôm trước thành-phố-trái-tim-chung-tình đó nhận được mấy quả pháo kích phóng ra từ một địa điểm sườn núi nào đó của phía bên kia để kỷ niệm ngày họ Hồ lọt lòng mẹ chào đời. Ngay chiều hôm đó tôi gặp ông bạn già trong giáo giới, vị thầy khả kính cũ của Võ Phiến, ông đưa cho tôi xem bài thơ thất ngôn bát cú có nhan đề ghi con dấu thời sự, tôi xin được trích bốn câu cuối :

Đi Thăm Hai Nạn Nhân Chết Sau Trận Pháo Kích Sáng
19-5-74 Tại Quy Nhơn.

Nỗi giống nữ gieo thù tận diệt
Anh em dành rảo họa tương tàn

Lời thề « uống máu phanh thây » (1) đó
Sống núi diên linh vọng tiếng vang.

Hoành Sơn Ngu Sĩ

Qui-Nhơn 19-5-1974

Làm sao mà tôi không bàng bạc ôn lại những nụ cười của Võ Phiến trước hoàn cảnh bi hài ngang trái đó ?

Và cũng đặc biệt lần này, vào ngày 20-5-1974, sau khi đã tới Bình Khê thăm quê hương vua Quang Trung trên quốc lộ 19, tôi trở lại quốc lộ 1, qua Bình Định tới Đập Đá thăm làng Võ Tánh.

Tới Đập Đá tôi nhìn Quốc lộ 1 hua hút ngược đường tới Phù Cát, rồi quê Võ Phiến, Phù Mỹ, nơi đã là kho bối cảnh hầu như vô tận cho tất cả những loại sáng tác dài, ngắn, có chuyện, hay tùy bút của anh. Tôi thực tình muốn thẳng đường tới Phù Mỹ, tới đó để thăm quê bạn mà như chính thăm bạn, nhưng cũng là để vừa ngắm Phù Mỹ vừa mừng tượng đến những nhân vật Qui Nhơn của anh, những Ông Sáu, Tư Tái, Ba Thê Đồng Thời (Giã Từ); ông Bốn Tẩn (chính quê ở Quảng Nam, tôi tản cư nơi đây), cô Tư Lớn (« Lẽ Sống »); chị Hai, ông Bái Công, chú Ký (« Về Một Xóm Quê ») v.v. Nhưng không được nữa rồi, quê anh, quận Phù Mỹ này, hoặc có những vùng đã nằm hẳn trong vòng ảnh hưởng của những kẻ « Bất Trễ Đồng Xanh », hoặc xôi đậu hạng nặng. Một lần anh đã nói với tôi : « Quê tôi bây giờ nào có hơn gì quê anh miền Bắc ! »

Một lần nữa trở lại chuyện văn của Võ Phiến. Lần đó anh cùng ăn cơm thân mật với tôi ngoài khoảng sân gác bần lộ thiên của nhà tôi. Nhân khi họa sĩ Võ Đình tính chuyện dịch « Một ngày để tùy nghi » của anh sang Anh văn, anh có nói với chúng tôi, văn ngoại quốc anh khoái A la Recherche du Temps Perdu của Marcel Proust, còn văn tiền chiến anh khoái Nguyễn Tuân. Liên tưởng giữa anh và Marcel Proust tôi có đặc biệt nghĩ đến kỹ thuật của anh trong « Về Một Xóm Quê ». Nhập đề truyện ngắn này anh viết :

(1) « Thề phanh thây uống máu quân thù » — lời bài « Tiến Quân Ca » thuở toàn dân kháng chiến chống Pháp.

» Vậy là yên phận của chị Hai rồi. Còn mười đám ruộng nữa thì tôi về đến nhà. Và tôi sẽ thuật lại với ông tôi những giờ phút cuối cùng của chị. »

Và trong khoảng mười đám ruộng bước tới đó, Võ Phiến đã ôn lại không những cái chết của Chị Hai, còn nhắc lại lại lịch thăng trầm bi hài ngộ nghĩnh của cả một xóm quê — quê hương tác giả — suốt mười mấy năm trường, kinh qua từ thuở tiền chiến, qua kháng chiến, tới ngày đó.

Liên tưởng giữa anh và Nguyễn Tuân tôi có nghĩ đến cách hành văn như nhấm nháp của anh, cách người ta hỏi anh về việc chẻ sợi tóc làm tư, và anh đáp lại rất tiếc không thể chẻ sợi tóc làm tám.

Thật tình tôi vốn kỵ cách nói nhà văn này chịu ảnh hưởng của nhà văn nọ. Chịu ảnh hưởng là lẽ đương nhiên của thể văn vật tượng quan, nhưng khi nói vậy người ta quên mất phần tối quan trọng khác là phần đồng hóa những gì tự ngoài vào thành của chính mình. Đề cập đến vấn đề này Paul Valéry đã nói là sự tử lớn lên bằng những thịt cừ được đồng hóa. Nụ cười di dỏm thông minh, đôn hậu, viết văn như nếm, như nhấm nháp, tất cả những cái đó ở Võ Phiến có chết Võ Phiến riêng biệt hẳn. Võ Phiến là một trái núi riêng có đường cong thung lũng nổi liền với những trái núi khác : Marcel Proust, Nguyễn Tuân... xa gần.

Tôi nghĩ vậy, bần thần hương về phương Bắc Quốc lộ số 1, ngày tôi tới Quy Nhơn, lúc tôi tới Đập Đá, sắp đi bộ hai cây số rưỡi qua tháp chàm Cánh Tiên vào thăm lăng Võ Tánh, cũng là nằm trong vùng xói đậu giữa những người quốc gia với những kẻ « bắt trẻ đồng xanh ». Từ Đập Đá qua Phù Cát, tới Phù Mỹ, quê hương Võ Phiến chỉ còn khoảng chục cây số nữa thì phải. Vậy mà không tôi được, thật tiếc !

Doãn Quốc Sỹ



Nhà văn Vô Phiến
Hội họa của Nguyễn Hải Chí

võ phiến

Đôi Ba Ý Nghĩ Về Truyện

làm việc

Hồi tôi còn học ở Huế, có lần trong một giờ vẽ họa sĩ Ng. Đ. C. vui miệng kể lại với học sinh một mẩu chuyện về cách làm việc của bạn ông, tức tùy bút gia Ng. T. Ông nói một hôm hai người cùng đi chơi, dừng lại nghỉ chân ở một quán nước. Trong khi chờ chủ quán pha trà, nhà văn chợt đề ý đến ấm nước đang sôi trên lò và rút ngay sổ tay ra ghi chép. Họa sĩ tò mò đòi xem, và được thấy bạn ông ghi đại khái: « Tiếng nước sôi trong ấm ri rầm nghe như một người đọc kinh. »

Chúng tôi tăm tắc trầm trở với nhau về một lẽ lối làm việc cần thận.

Chuyện ấy xảy ra hồi tôi mười lăm mười bảy tuổi gì đó. Một đôi chục năm sau, khi tự mình cũng tập tành viết lách, tôi có dịp nhận ra rằng cái nghề này có những đòi hỏi thật gắt gao. Khi đã dấn thân vào nghề rồi, ta bị nó chiếm trọn vẹn; trí thức, tình cảm, những kỷ niệm riêng tây sâu kín nhất cũng như những xúc động mong manh nhất, những kinh nghiệm sống của bản thân ta cũng như những chuyện đời tư, tính nết, phong cách, thói hư, tật kín v. v... của ông bà nội ngoại, của anh em, vợ con, của kẻ thân người sơ... Tất cả, Nào ai biết có cái gì của ta mà không có một lúc nào đó bất thình lột vào tác phẩm? lột vào hoặc nguyên hình, hoặc biến dạng?

Mọi khác, cái số thì giờ trong đời ta bị nó chiếm cũng khủng khiếp lắm. Ai có thể nói một người viết truyện mỗi ngày làm việc mấy giờ? Bất quá chỉ biết được lúc nào người ấy cầm bút ngồi vào bàn mà thôi. Ngoài ra còn bao nhiêu lúc khác: lúc người ấy mường tượng đề tài trong đầu, lúc âm thầm suy nghĩ, sắp đặt, bố trí, tìm nhân vật, tìm chi tiết v.v... Những công việc ấy vừa ăn vừa tiến hành, vừa uống vừa tiến hành, vừa trò chuyện vừa tiến hành, vừa đi chơi với bạn bè vừa chân ở quán nước vừa tiến hành... Không có lúc nào gọi là lúc thực sự nghỉ ngơi của người viết văn. Lúc này bàn tay làm việc lúc trí óc làm việc lúc này trí thức làm việc lúc khác tiềm thức làm việc. Ít có trường hợp nào chữ làm việc « toàn thời » được dùng sát đúng như thế. Sát đúng một cách cay nghiệt.

Và cũng là sát đúng một cách mỉa mai. Bởi vì có những trường hợp kẻ viết văn « làm việc » có vẻ trơ trẽn. Ghi nhận tiếng nước sôi trong ấm: cái ấy có thể cho bạn xem được lắm. Nhưng còn có những « ghi nhận » khác, tự động, ngoài ý muốn, ghi nhận vô ý thức, không có sờ tay nào cả, mà cũng không tiện tiết lộ cho ai hay. Chẳng hạn trước cảnh tượng người thân yêu đang quần quai hấp hối, trong lúc đau đớn xót xa tự dưng người viết văn có thể bất thần bắt gặp mình đang... ghi nhận! Phân tích chính lòng mình hay nét mặt người thân lúc ấy đều chẳng những trơ trẽn, lại còn có gì bất nhẫn. Lại chẳng hạn khi đặt cái hôn lên môi người yêu, khi hôn mê tiếp xúc, khi cùng người yêu ái ân nồng nàn v.v., người viết văn cũng rất có thể tự bắt gặp mình... ghi nhận. Tệ đến thế là cùng.

Và đó là « làm việc » cả đấy. Cho nên nói đến cái sự làm việc của người viết truyện thì càng nói càng thêm kỳ cục.

cuộc sống

Những « ghi nhận » không ngừng, cực khổ và trơ trẽn như vậy là vì lý do nghề nghiệp cả chăng?

Có lẽ không hẳn chỉ vì yêu nghề, mà là vì yêu cuộc sống.

Người viết văn — ít ra là viết truyện — ngày đêm rình rập

cuộc sống, nghe ngóng nhất cử nhất động, nghe ngóng từng hơi thở của cuộc sống... Không có một lòng say mê, không thể làm như vậy suốt đời. Không phải chỉ mê nghề mà mê ngay cái lối tượng của nghề nghiệp : là đời sống. Không phải chỉ say mê theo dõi cuộc sống, mà còn say mê dựng lại cuộc sống. Và mê truyện là mê cuộc sống được dựng lại.

Có một hồi đọc truyện tôi ham tìm cái « ý nghĩa », ham rút ra một bài học, ham suy đoán diễn tác giả muốn « nói lên ». Dần dần, thứ tiểu thuyết luận đề hiện ra một vẻ giả tạo, một vẻ « gian », đáng ghét. Dần dần chỉ còn ham cuộc sống mà quên mất chuyện ý nghĩa.

Cách tạo dựng cuộc sống trong truyện, nó kỳ quá chừng : *Quê hương* của Nguyễn Tuân là truyện mà *Cửa cha* và người của J. Steinbeck cũng là truyện : đều hay cả, nhưng chúng khác nhau xa biết bao ! Sao mà chúng có thể khác nhau dữ vậy cả ? Truyện là cả một thế giới muôn hình nghìn vẻ. Nói đến qui tắc tiểu thuyết là nói một chuyện vô lối, vô văn, bực mình. Các bậc thầy trong thiên hạ, họ thật lắm phép, cơ hồ họ muốn làm gì cũng được.

Cuộc sống phản ánh trong tác phẩm của Tolstoi như hàng dương liễu trên bờ soi mình xuống mặt hồ lặng im trong vắt, tự ngấm rõ từng chót lá li ti. Cuộc sống trong Proust được soi sáng ngược xuôi đủ chiều, theo dõi đến mọi góc ngách... Còn trong Hemingway, chúng ta lại dựng nhằm một cuộc sống tươi rói, giòn giòn. Đọc Hemingway, có cảm tưởng từ trong sách thoát ra những tiếng khụt khịt, ậm à ậm ờ, tiếng lạch, tiếng hít tiếng thở, từ trong sách bốc lên mùi mồ hôi, mùi máu huyết, mùi tinh khí... Sách ấy chắt chứa sự sống nóng hổi nôi. Hemingway không có vẻ trí thức như S. Zweig, như A. Moravia ; truyện ông tưởng chừng không có vấn đề gì được đặt ra. Nhưng nó có cái sinh lực, tinh khôi. Sự sống ở đây không cần có phân tích, nhận định, suy cứu, dựng lại dựng đi, đào sâu đào cạn gì ráo : là sự sống, thế thôi. Sự sống nguyên chất.

Tiếp xúc với thứ truyện như thế, tự nhiên cảm thấy chuyện ý nghĩa không thành vấn đề, mà tưởng như kỹ thuật xây dựng cũng không thành vấn đề. Cái ông bá tước Greffi nào đó chỉ

đến trong *Giã từ vũ khí* độc có một lần đề tột bi-da với vai chính, rồi biến mất. Lãng nhách ! Ông ta không sợ làm hỏng cả cái cấu trúc của tác phẩm, cả kỹ thuật kết cấu, bằng sự xuất hiện vô cơ vô duyên như vậy sao ? — Không ! Ông ta bất cần, ông ta không đếm xỉa đến mọi sự cật vấn theo kiểu đó. Tác phẩm có thể dung nạp đủ các thứ kỳ quái lãng nhách, không cần biện minh, miễn nó ngôn ngôn sự sống thế kia.

Chỗ này nhắc về Hemingway có hơi nhiều, không phải vì Hemingway mà là vì vai trò của sự sống trong tác phẩm tiểu thuyết.

truyền thống

Người làm thơ, người viết kịch tuồng, người soạn nhạc v.v..., ở Việt Nam có thể nương theo một truyền thống, trông chờ ở những kinh nghiệm của các đấng tiền nhân, thừa hưởng một đường hướng tinh thần. Người viết tiểu thuyết ở xứ ta không được cái may ấy.

Năm 1918, ông Nguyễn Bá Học viết thiên truyện ngắn đầu tiên, ông học theo lối Âu Tây, và truyện của ông thật ngô nghê. Một người bình dân không học hành gì cả, từ những thể kỷ trước, lúc cao hứng đặt mấy câu ca dao, câu hò, câu vè v.v..., người bình dân ấy không hề bị ngô nghê : thi ca ở ta đã được trau luyện từ nghìn xưa, đã có một truyền thống dẫn đạo vững vàng.

(Hết thấy các truyện ở ta trong các thể kỷ trước đều là truyện thơ, mà sự xây dựng cũng thường thức đều khác với tiểu thuyết. Truyện thơ vừa là truyện vừa là thơ ; có lẽ phần thơ thắng phần truyện : Nguyễn Du là thi sĩ chứ không phải là một phóng tác gia tiểu thuyết ; và ngày nay được học hỏi ở người nhiều hơn cả vẫn là các thi sĩ chứ không phải là người viết truyện.)

Vì Việt ngữ quá phong phú về nhạc điệu, vì văn tự dân tộc xuất hiện và phổ biến quá muộn màng, cũng có thể vì một số lý do khác nữa, nền văn học của chúng ta quá thiên về vận

văn mà nghèo về tả văn, quá thiên về hình thức truyện khẩu mà chậm phát triển các hình thức văn chương ký tải. Thành thử rốt cuộc ông Nguyễn Bá Học lâm cảnh đáng thương. Và những kẻ nổi nghiệp ông Nguyễn vẫn còn chịu nhiều thiệt thòi.

Truyện Tàu có kỹ thuật riêng của truyện Tàu, truyện Pháp có lối xây dựng riêng của truyện Pháp, tiểu thuyết Nga có phong thái riêng của tiểu thuyết Nga, tiểu thuyết Mỹ có không khí riêng của Mỹ. Gần đây, một vài tên tuổi khiến chúng ta chú ý đến tiểu thuyết Nhật, và phần lớn độc giả đã bỏ ngỏ trước một bản sắc độc đáo nữa.

Một bản sắc riêng biệt như thế, thể hệ tiểu thuyết gia ngày nay còn đang gây tạo cho Việt Nam. Chuyện mới gian nan làm sao !

Võ Phiền

III - 1974

*Đã phát hành
tháng này*

ÔM ĐÀN TỚI GIỮA ĐỜI

truyện dài
Mai Thảo

Bạn Ngọc xuất bản

tám tác giả

trích văn

Độc Võ Phiến

Để bạn đọc có một ý niệm rõ rệt hơn nữa về văn chương và tiểu thuyết Võ Phiến, chúng tôi chọn đăng lại dưới đây, hoặc toàn bài, hoặc qua mấy đoạn trích, những bài phê bình, đọc sách của nhiều tác giả về những tác phẩm đã được in ra của Võ Phiến. Đó là những bài viết của Phan Lạc Phúc, Mai Thảo, Viên Linh, Huỳnh Phan Anh, Đỗ Tấn, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Đình Toàn, có Phương Thảo. Từ tác phẩm đầu tay của Võ Phiến là tập truyện Chữ Tình, xuất bản năm 1956.

Phan Lạc Phúc
trường hợp Võ Phiến

● Cách đây mấy năm tờ Nghệ Thuật của Mai Thảo có mở một mục trưng cầu ý kiến về những tác giả được bạn đọc ưa chuộng nhất. Người đọc Nghệ Thuật theo ý tôi, là những người đọc có ý thức, có trách nhiệm và có suy nghĩ. Trong số những tác giả được đọc nhiều nhất có Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn v.v... Dù cuộc trưng cầu ấy diễn ra đã ba, bốn năm nay, tôi bây giờ có thể đã có nhiều thay đổi nhưng các tác giả kể trên, theo ý tôi, vẫn là những người viết có một giá trị chắc chắn nào đó. Sự lựa chọn của độc giả, không phải đơn thuần nhắm vào những người có chức tước « Giải thưởng văn chương ... » một danh hiệu đã tìm thấy trong các tác

giả kể trên cái hơi thở của đời sống họ. Đó là những nhà văn được độc giả sắc phong.

● Là một người thưởng ngoạn văn chương, tôi đồng ý với sự yêu mến kể trên của đa số độc giả *Nghệ Thuật*. Nếu tỉ mỉ làm một cuộc phân tách thì bốn tác giả kể trên, ba người : Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Thanh Tâm Tuyền thuộc vào loại « hơi thở mới », riêng Võ Phiến là người còn sót lại của « hơi thở cũ ». Trong cái phong trào rầm rộ và sôi nổi của Nouveau Roman, Võ Phiến vẫn ung dung đi theo cái lối của riêng mình. Cũ, mới thật ra chỉ là một cách nói; đối với nhà văn, nhà thơ có bản sắc, độc giả đọc thơ, đọc văn của họ mà như đi vào một thế giới riêng. Thế giới « hay » nhất của Võ Phiến là cái hốt hoảng, phân vân, bỡ ngỡ của một khung trời vừa mới « thoát xác » : đang ở trong vùng Cộng Sản, trở thành vùng Quốc Gia. Âm ảnh hãi hùng chín năm chưa quên, lại ngơ ngác trước mọi thời đại mới. Văn của Võ Phiến toát ra một cái « nostalgie » dai dẳng như một người miền núi, dẫu ở đâu chẳng nữa, trong tâm vẫn vang vọng tiếng « thác đổ sau nhà ».

Cái khéo nhìn của tác giả « *Mưa đêm cuối năm* » thật là tinh tế cực kỳ. Có khi cả một cái truyện « vừa » ba mươi, bốn mươi trang chỉ xây dựng bằng « cái chạy loanh quanh của một con kiến vàng trên cái tay đầy những sợi lông măng của nàng ». Cảnh im vắng và hoang tàn của một làng quê đổ nát trong chiến tranh được mô tả bằng ảnh cận bộ xã vừa bị « phục viên », sốt rét ngã nước, nằm yên trong căn buồng vắng. Nhìn xuống chân giường sát vách thấy một hạt thóc vương vãi đã nảy mầm, cái lá non nhỏ nhú lên bay lất phất. Cái thú khi đọc văn Võ Phiến là thưởng thức sự tỉ mỉ của những người thừa thì giờ và kiên nhẫn ngồi vót những thanh tre cứng cối thành những sợi tơ. Văn chương của Võ Phiến chậm rãi, nhưng nhắm theo lối Marcel Proust — điểm thêm sự châm biếm cay nghiệt và thâm thúy của một anh đồ « Nghệ » bất đắc chí.

● Cái tính nhẩn nha tần mẫn của văn phong Võ Phiến khiến anh ít khi chịu viết báo hằng ngày. Cái việc viết của họ Võ là

Một công trình suy tưởng chín chắn. Văn này không ăn sổi hăng ngày mà phải lâu ngày chầy tháng, Tôi có mời Võ Phiến viết cho trang văn hóa và chính trị nhiều lần nhưng anh chỉ cười mà nói rằng «khó quá». Tuy nhiên Võ Phiến không phải là người ngồi trong tháp ngà, anh suy nghĩ lung về thời đại. Bài tham luận «Bắt trẻ đồng xanh» của họ Võ mà «Tiền Tuyến» có hạnh đăng tải là một sự nhận xét hết sức tỉnh, toát ra từ kinh nghiệm máu xương và suy xét thực tiễn sau chín năm sống dưới «ách cụ Hồ». Không những cá nhân tôi mà cả tòa soạn ai cũng phải nhận rằng ít khi có một bài viết gọi là chống cộng một cách cốt tủy đến như thế. Anh đã viết nhiều bài như vậy.

● Có thể nói là với con người văn chương và con người xã hội Võ Phiến là một thứ gỗ quý trong cái rừng Quốc Gia rậm rạp nhiều thứ cây «tầm gửi» và hoa «cứt lợn». Võ Phiến là một trong những người làm thơm cho tập thể mà anh sống, làm sáng cho nhiều cái tối tăm, là giá trị còn lại sau nhiều phân hóa. Nhưng tôi buồn bã và phẫn nộ biết bao nhiêu khi tôi vừa nhận một cái tin: nhà văn Võ Phiến vừa bị khiển trách, trưng phạt, bãi chức Chánh sự vụ Sở Huấn luyện bộ Thông Tin chỉ vì đã ký tên vào bản kiến nghị của một trăm nhà văn đòi bãi bỏ kiểm duyệt.

(Tiền Tuyến, tháng 3-1969)

Tìm đọc

BÉ YÊU

BƯỚC KHẼ TỚI NGƯỜI THƯƠNG

Hai truyện dài mới của Nhã Ca

Đã phát hành toàn quốc

Mai Thảo

chữ tình

Ngay cả ở nơi thiếu vắng hoàn toàn không khí tình khiết và hơi thở thơm lành của thiên nhiên và tự do, đời sống con người vẫn có những thể giới những xã hội riêng. Vẫn có những mâu thuẫn. Vẫn có những thảm kịch. Lê Nọ, Huỳnh Thiện Thủ, Hòe và đến Linh nhân vật duy nhất của Chữ tình, đang ở bên ngoài cửa sắt (nhưng cũng đã nằm trong một nhà tù vô hình) qua những ngày tháng lẻ thẽ, giữa hai hồi kiếng tù, vẫn xao động dầy vò bởi những đau đớn, những đau đớn và những ước vọng như chúng ta. Một người yêu dấu. Một mái nhà cũ. Một giấc mộng đẹp. Những giọng chữ La Mã khô khốc mười của những tờ bản thảo tìm phải máu huyết chưa được in ra. Chưa tới ở chỗ không bao giờ thực hiện được.

Võ Phiến đã sống với những con người ấy. Tôi còn muốn tin là Võ Phiến đã ôm mang cái tâm sự chưa nếm của những con người ấy nữa. Công trình nghệ thuật nói lại những cái đã có thực. Không phải của tưởng tượng. Tiếng văn Võ Phiến trong *Chữ tình* chính là bản truyền thanh trực tiếp tiếng nói đời sống nhà tù. Nhấn nhục một vẻ chịu đựng và yên lặng, cay đắng. Khoảng không gian n uất ngột ngạt đôi khi nở bùng thành giọng bão. Bởi vì ở bên này hay bên kia ranh giới của tự do, con người vẫn cứ đi theo sức xô đẩy của tâm hồn. Và thể hiện thành hành động: Lê Nọ giết thêm một lần nữa. Hy vọng làm Huỳnh thiện Thủ già nua có những biểu tỏ bờ ngỡ ngu dại của trẻ thơ. Giấc mơ là sách thương trực của Linh. Hòe với nguyên vẹn cảm giác điên cuồng của da thịt quyến rũ, huyền hoặc. Đi tới độ tự đánh lừa mình để có cơ bám víu vào cuộc sống đang tuột khỏi, đang rời xa. Rồi giải quyết bằng hành động tuyệt vọng. Có điều là càng tuyệt vọng thì tâm sự càng nung nấu và hành động càng say mê điên cuồng.

Tôi thử đặt một giả thuyết: Nếu những Lê Nọ những Huỳnh thiện Thủ những Linh những Hòe ấy được sống cuộc đời cân đối và bình yên của chúng ta thì họ sẽ ra sao? Điều chắc chắn là đời sống của họ sẽ bớt thiết tha mãnh liệt. Nói thế tôi không cõ

động cho sự làm tội ác để vào tù. Tôi chỉ muốn đi tới một nhận xét : Con người nói chung ở đâu và bao giờ trong bất cứ hoàn cảnh nào, tình cảm vẫn là một thực thể trường tồn và bất khả xâm phạm. Để những tên đao phủ Cộng sản biết chúng không bao giờ thực hiện được âm mưu hủy diệt tình cảm, và chế biến mỗi người thành một cỗ người máy.

Điểm đáng khen ngợi nhất của *Võ Phiến* trong *Chữ tình* không phải ở cốt truyện gay cấn, đặc biệt, mà ở chỗ đã nói lên được tính chất « người » đó, theo ý tôi. Đọc *Võ Phiến* ở đây, bối cảnh, thời và không gian chỉ là thứ yếu. Chính yếu là cái thế giới nội tâm của mỗi nhân vật. Nhà tù chỉ là một bức phông đen thẫm để những con người « vẫn viết những chữ tình » nổi bật lên trong từng ý nghĩ, từng cử chỉ, từng xúc cảm. Những con người hoặc oan uổng, tội lỗi hay đáng thương, nhưng qua cái bề mặt bình thản lạnh lẽo kia, vẫn chứa giấu một ngọn lửa khát khao đời sống. Mất tự do, nhưng cuộc tranh đấu lớn nhất : tranh đấu để tồn tại, vẫn tiếp tục,

Về hình thức, *Chữ Tình* giới thiệu *Võ Phiến* qua một lối hành văn bình tĩnh và chừng mực. Anh điều khiển ngòi bút tinh táo tuy đôi chỗ rời rạc thiếu lời cuốn, và rõ rệt là có dụng ý đi tới một lối diễn tả riêng. Cuối cùng tôi nghĩ đến những vùng đất đai căn cỗi miền Trung. Văn và tâm hồn *Võ Phiến* có nhiều sắc thái địa phương.

(Sáng Tạo, tháng 4-1957)

Đỗ Tấn

giã từ

(...) Thái độ *giã từ* quá khứ của nhân vật cuối cùng bằng cách chôn sâu quá khứ trong lòng đất quê hương, đi đến một nơi thật xa để làm lại cuộc đời là một bài học quý giá cho những người như chúng ta chưa đến nỗi vỡ nợ hoàn toàn trước thời thế, trước những chủ nghĩa chính trị và trước những thành kiến xã hội. Đó là điều đáng nói nhất trong *Giã từ* nên chúng ta không muốn

xác nhận lại một lần nữa rằng Võ Phiến là một tác giả xứng đáng để cho chúng ta hy vọng ở sự nghiệp tương lai của ông, bằng những khả năng đặc biệt như tài nhận xét, óc rí rỏm, sự chững mực và trí sáng suốt của một ngòi bút mỗi ngày một tinh luyện, tế nhị và già dặn

(Ngôn Luận, tháng 4-1962)

Cô Phương Thảo đêm xuân trăng sáng

(...) Võ Phiến, bất cứ ở trong truyện nào, cũng là cây bút tâm tình, thiên về những sự phân tích nội tâm; sự theo dõi cuộc đời, quan sát thực tế đã giúp cho các tâm sự, cho các con người, cho các vấn đề có cái màu sắc rất thực, rất mới, đeo một nhãn hiệu hết sức rõ ràng của hiện tại. Nếu ông Bốn Tản là một nhân vật của thời chiến tranh mang ở trong mình những cái khao khát đã cũ nhưng còn mới mẻ cho đến bao giờ, thì tâm hồn Thảo vẫn là quen thuộc đối với chúng ta nhiều lắm. Vấn đề của truyện *Anh em*, *Thác đổ sau nhà*, *Tuổi thơ đã mất* là những vấn đề thời đại, mang ở trong lòng bao nhiêu u buồn, thắc mắc về các sự kiện xã hội, sự kiện tâm lý và sinh lý nữa.

Người ta có thể tìm gặp qua những truyện ngắn Võ Phiến khá nhiều phản ứng sâu sắc của một tâm hồn — và rộng hơn nữa, của một tầng lớp đối với bao nhiêu biến chuyển chính trị, thay đổi xã hội đã làm rối nát cuộc đời dân sự. Những phản ứng ấy không có một cái bề cao, một cái bề rộng rõ ràng, thực sự, nhưng quả tình có cái bề sâu đáng kể của nó.

Tác giả vốn có cái nhìn bi quan đối với sự việc. Chúng ta không thể đòi hỏi tác giả phải có một lối xử sự khác với bản chất qui định bởi cái cuộc đời tác giả, song chúng ta muốn rõ hơn về nhân sinh quan của người cầm bút. Cái bi quan của Võ Phiến không còn đơn giản, thật thà như nơi các cụ ngày xưa mỗi khi nhìn ngắm sự đời than thở cho lẽ tang thương, cho cái thế thái nhân tình và qua những hơi thở dài sườn sượt,

người ta nhằm đọe được hết bao nhiêu tỉ lệ buồn chán, đau sâu thoát ly, tuyệt vọng. Võ Phiến muốn sống giữa cuộc đời hiện tại cho nên mang nặng hoài nghi đối với mọi sự, trước hết là lòng hoài nghi về bản thân mình, về cái nhận định của mình. Nhà văn ngày nay trong khi quá sức chủ quan đã cảm thấy rằng chủ quan là sự lỗi thời, cho nên phần đông đều không dám tỏ ra cương quyết, dứt khoát đối với sự việc. Xuất phát từ cái sợ hãi tâm lý ấy, Võ Phiến cũng như một số người cảm bất sợ mình bị lừa bởi chính ngay mình. Cho nên giữa kẻ tin tưởng có thể trở thành ngu si, và kẻ hoài nghi để làm một hạng thông minh, Võ Phiến không hề ngần ngại mà tự sắp mình vào hạng thứ hai. Qua các truyện ngắn trong tập *Đêm xuân trắng sáng*, chúng ta gặp được khá nhiều nụ cười diễu cợt. Hầu như không còn cái gì là cao quý nữa, là thiêng liêng nữa, thần tượng ở giữa cuộc đời khốn khó đã phá sản rồi và con người sửa soạn trở thành một thứ quái vật đáng thương hết sức. Một ông lão trên tám mươi trước khi bắn phọt máu đầu vẫn còn ôm giữ mấy cái quần lót và cái xú cheng của con « dĩ già »; một ông chú tuổi tác mà sự cố gắng tập trung tư tưởng hay sự ra công khảo cứu cở thủ chỉ đưa đến cái kết quả cuối cùng là hạn chế vài hình thức bài tiết như hít nước dãi nhiều hai bên mép, lau giọt mồ hôi mấp mé bên thái dương; một anh chàng yêu đương mà mỗi khốn khổ ở trên quăng đường lấy lợi đi đến người yêu là mỗi lo ngại tổn hao sức khỏe. Và còn gì nữa giữa đám người phiến tạp là n nên cuộc đời? Một người con gái bị ép lấy phải người chồng không xứng với mình, lén lút làm đi để tỏ lòng phản đối và sự tình cờ bị bắt đã khiến cô gặp người anh của mình trong khách làng chơi...

Tóm lại đó là bao nhiêu bi kịch ở trong cuộc sống. Và trong cuộc sống ấy những kẻ già cả thật là tội nghiệp, những người đàn ông thực là lỗ bịch và những chị đàn bà vừa đau khổ, vừa khôn ngoan lại vừa tàn nhẫn.

Như thế Võ Phiến giới thiệu với ta một cuộc đời hết sức xót xa, hết sức thảm hại. Đầu mối của bao nhiêu đau lòng là sự áp lực về chính trị, là sự chi phối của những bản năng âm u thao thức trong người. Con người của Võ Phiến giằng giũa giữa hai lần dấy trời tàn khốc, một bên là tổ chức xã hội, một bên là bản

những sinh thực ma quái của giống người, cả hai hợp lại làm **thành một thứ định mệnh** vô cùng khắc nghiệt, khiến cho cái **cảnh « mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm »** lại được trình bày **dưới những khía cạnh** hoàn toàn đổi mới (...)

(Chỉ Đạo, 1959)

Huỳnh Phan Anh

thương hoài ngàn năm

Một sự kiện đáng buồn cho văn nghệ hôm nay là sự xuất hiện ồn ào của nhiều cây viết, phần nhiều là trẻ, đã tổ cáo một tình trạng sơ đẳng của nghệ thuật. Chúng tôi muốn nói tới tác giả của một thứ văn nghệ thoát thai một cách vụng về từ những trào lưu ngoại lai. Ở đây chúng tôi không phủ nhận những ảnh hưởng trong nghệ thuật. Bởi vì nếu con người luôn bị phân ly trong những vấn đề thuộc chánh trị hay ý thức hệ, thì trái lại nghệ thuật là con đường luôn dẫn dắt họ về sự gặp gỡ. Người ta không thể quan niệm được một nghệ thuật đóng kín trừ khi nào người ta gán cho nó một sứ mạng thực nghiệm nào. Ở đây chúng tôi chỉ muốn lưu tâm tới tình trạng của cuộc cười hời không mấy tốt đẹp trên phương diện nghệ thuật. Người ta đã gương gáo tạo nên trong tác phẩm mình những cuộc sống sa đọa, những nhân vật nổi loạn một cách vô lý, những thảm kịch hoàn toàn xa lạ đối với đời sống. Những mô tả cạn cợt và độc đoán trên đây đã chỉ nói lên một sự giản lược đời sống cũng như một sự lĩnh hội hấp tấp, cầu thả về những trào lưu văn học đến từ bên ngoài, nhất là trào lưu Hiện Sinh.

Trong bầu không khí văn nghệ ngọt ngào hiện giờ, Võ Phiến là một nhà văn hiếm hoi. Người ta tìm thấy ở Võ Phiến nét độc đáo của một nhà văn độc lập, độc lập ngay cả khi ông chịu một ảnh hưởng nào.

« *Thương hoài ngàn năm* » là một tập truyện ngắn mới xuất bản gần đây của tác giả, gồm ba truyện ngắn và mỗi truyện

gần như có một sắc thái riêng biệt. Những mẫu người trình bày trong tác phẩm Võ Phiến là những mẫu người của đời sống hàng nhật. Có thể là ta đã gặp gỡ họ, đã va chạm với họ và không còn nhớ gì đến họ ! Họ thuộc đám đông. Nhưng điểm đặc sắc của Võ Phiến là đã vượt qua lớp mặt ngoài có vẻ đơn giản của con người, đi vào những tấn kịch ẩn náu trong chính nội tâm của họ. Dưới ngòi bút Võ Phiến, những mẫu người quen thuộc gần như không lý lịch đã trở thành nhân vật quan trọng. Có lẽ đó là một sự tình cờ khi chúng ta tìm thấy ở Võ Phiến những nhân vật làm ta nhớ tới nhân vật của Maurice Blanchot. Nhân vật của nhà văn này không nổi loạn, không cách mạng, nhưng người đọc có thể nhìn thấy thâm kịch của đời sống ngay ở nội tâm, ở cử chỉ hằng ngày, ở mối liên lạc ràng buộc nhân vật đó với những kẻ xung quanh và cả những lời đối thoại mà nó trao đổi với họ (...)

(Mai, tháng 5-1962)

Viên Linh giã từ

Ông Võ Phiến cho một người bạn ông hay rằng ông sắp đi xa, người bạn ông kêu ủa rồi mời ông đánh chén một bữa tiệc tiễn biệt. Bữa tiệc biệt này sẽ có mặt vài ông bạn nữa, trong đó có ông Ba Thê Đồng Thời là quan trọng hơn cả, tay này, từ đó (trang 13) sống nghênh ngang trong truyện của Võ Phiến cùng vợ ông ta, thằng Toàn, thằng Phơng, con Loan (các con ông ta), theo Võ Phiến lớn lên, lớn dần, to dần từ viễn ảnh tới cận ảnh, cho tới khi Võ Phiến giã từ. Câu chuyện đại khái diễn ra theo sự hồi tưởng. Nhân vật chính tự xưng tôi : ông Võ Phiến kể truyện mình, lấy mình làm phương trình để giải hoàn cảnh đã sống. Trong hoàn cảnh này vợ chồng, con cái ông Ba Thê nặng bồng hơn cả. Tôi trang 47 người tình của Võ Phiến lên cận ảnh ngồi với ông. Từ đây cuộc đời ông xoay hẳn ra hướng khác. Trang 52, nàng lý sự : « Anh tưởng em không làm được gì hả ? Em sắp sửa đi cứu

thương, không ở đây nữa đâu ! » Nghe thế ông cũng lý sự : « Nàng đi cứu thương, tôi ở nhà đan áo gửi cho nàng sao ? » Than ôi đây là lý do ông Võ Phiến đi lính. Trên trận địa ông gặp lại Toàn con ông Ba Thê, anh ruột Loan, người thanh niên này ăn ực vì mặc cảm gia đình hèn hạ từng thiếu. Sau chết trận.

Khi buông súng trở về, Loan đã lấy chồng mà không thêm nói trước một lời; vợ Toàn lấy một gã Lê Dương; Phong, em Toàn và Loan, cướp giết bị tù thành ra người bỏ, chỉ còn lại mình tôi trơ trọi lại.

Ở lại với ai, với lớp người cũ già : vợ chồng Ba Thê, ông bác già, những người sống bằng cách tán chuyện như vua Quang Trung mang quân sang giúp Minh Trị Thiên Hoàng đánh Tàu, và Hồ chí Minh bỏ mạng lâu rồi... rồi anh Tổng trưởng này sắp đồ, anh Thứ trưởng kia lung lay... và « terip terip ».

Bởi thế, ông chán họ, chán dĩ vãng, chán ông bác. « Tôi mong sẽ sống một giai đoạn mới ».

Giã từ.

Tôi chịu cái ý thức đó của Võ Phiến, mặc dầu cái ý thức đó còn nhạt. Ông có lẽ là một tác giả lớp 40 mà tôi còn có thể, với tư cách một người trẻ tuổi — ngồi nói chuyện với ông được. Dĩ vãng của tuổi ông thật là nặng quá, nặng quá lặn, nhưng với Giã từ nó đã nhẹ đi nhiều lắm, nhiều lắm lặn.

Ở Việt Nam người già nhiều hơn người trẻ, nhưng ông nội hơi thừa, may mà còn một Võ Phiến trẻ trung.

Giã từ nặng những hình bóng quá khứ, nhẹ cái hình dạng Võ Phiến, nhân vật tôi. Ông mở đầu bằng lời kể : Tôi, nhưng ông lánh mặt hay chỉ hiện ra thoáng từ đầu tới chót cuốn truyện mà thôi. Ông ít ra mặt mặc dù ông có mặt. Người ta có thể hiểu ông rụt rề quá, tham dự lẽ ra là tham gia, cuốn truyện đó một chút nữa là chuyện gia đình ông Ba Thê.

Câu chuyện bị lạng đi từng hồi dài — những khúc phim quá khứ trong những hồi dài đó — khuôn mặt tài tử chính lại lu mờ và cái phương trình tôi của Võ Phiến mất cân bằng vì hụt và vì thừa. Thừa vì nhiều phương trình nhỏ xen vào đó : ông công chức già về hưu.

Phần khác tôi yêu một nhân vật của *Giã từ*. Không phải cô Loan, không phải vợ Toàn, không phải là Ba Thê. Đó là một nhân vật phụ, một figurant chỉ ở viễn ảnh, mờ nhạt ít xao động không hiện diện, nhưng lại đậm nét, sáng và sống hơn hết: đó là Phong. Rồi rạc trong truyện tác giả chỉ nói về nhân vật này nhiều lắm là tám dòng. Phong không hề đối diện với mọi người lần nào cả. Chàng sống như một cái bóng. Người ta chỉ biết ông Ba Thê có một cậu con út tên Phong. Hằng chục năm sau, người ta tình cờ biết Phong bởi một lọ giả Tây đen đi ăn cướp, và tù. Sau rốt thấy Phong sống với một người đàn bà ở một căn phòng. Và người ta nói đến chàng bằng câu kết luận này: *Phong thành ra người bỏ*.

Chỗ đáng tiếc tôi muốn nói với tác giả *Giã từ* là Phong không thể đứng trong hàng ngũ những người bị *Giã từ*. Vì hiện nay Phong đang sống. Phong thành ra người đáng yêu (...)

(*Văn Nghệ*, tháng 2-1962)

Nguyễn Quốc Trụ *thế giới truyện ngắn Võ Phiến*

Người viết bài này có một ý định táo bạo là thử phân chia những truyện ngắn của Võ Phiến ra làm ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất tạm gọi là thời kỳ tiền truyện ngắn. Thời kỳ thứ nhì là truyện ngắn chính chuyện, và sau hết là thời kỳ hậu truyện ngắn của Võ Phiến. Trong giai đoạn tiền truyện ngắn, những sáng tác của ông gồm những tác phẩm tiêu biểu như *Chữ Tù*, *Người Tình*.

Như đã nói, những tác phẩm này giống như những phản ứng tức khắc đối với thời đại. Trong đó, phần thực tế lẫn ít phần giả tưởng, ý định dẫn giải biện minh cho một vài thái độ sống của một số nhân vật vượt ra ngoài phạm vi văn chương. Giai đoạn tiếp theo, đối với cá nhân ông Võ Phiến một quá khứ đã được thanh toán (Nhà văn chỉ có một cách độc nhất để thanh toán quá khứ, kỷ niệm là viết những quá khứ, những kỷ niệm đó ra. Như thế ít ra, những kỷ niệm, những quá khứ đó đã được một lần giải quyết. Chúng có thể chưa hết nhưng chúng sẽ xuất hiện dưới một hình thức khác, trong một tác phẩm khác). Võ

Phiến nhà văn lúc này mới hoàn toàn sáng tỏ, trí tưởng tượng bây giờ mới bắt đầu hoạt động (Một nhà phê bình Tây phương đã cho rằng nhà văn chỉ là nhà văn từ cuốn thứ nhì. Cuốn thứ nhất của mỗi người đều là tự truyện. Dấu tích của đời sống còn quá rõ rệt ở trong đó). Những truyện ngắn do ông sáng tác trong giai đoạn này chứa đựng rất nhiều ý hướng văn chương và ông cũng bắt đầu « ban phát » cho mỗi nhân vật của ông một đời sống riêng biệt « khác lạ » với những đời sống của chính tác giả. Mượn một câu của Faulkner « Những tác phẩm lớn chỉ xuất hiện khi nỗi lo sợ tạm ngưng » để làm sáng tỏ thêm vấn đề : Những truyện ngắn của Võ Phiến như *Kẻ trong đêm khuya*, *Thương hoài ngàn năm* (luôn cả truyện ngắn *Đêm Trăng* trong tập *Phù Thế*, tác giả đã viết nó khoảng năm 1960) đã xuất hiện vào khoảng những năm 1960-1963 những năm mà đất nước tương đối yên tĩnh, miền Bắc chưa bắt đầu phát động cuộc chiến tranh « thống nhất, giải phóng » và miền Nam còn tin tưởng tình trạng chia cắt sẽ còn kéo dài. Cứ nhìn nước Đức thì rõ. Không bị bận tâm vì những vấn đề thời cuộc, nhà văn yên trí sáng tác, bình tĩnh tìm cách khêu gợi trí tưởng tượng chài chuốt câu văn.

Giai đoạn sau cùng có thể được coi như giai đoạn « phá hủy » ở nơi Võ Phiến truyện ngắn. Đó là trường hợp của những cuốn *Tạp Bút I*, *Tạp Bút II*, *Tạp Bút III* và *Áo Ảnh*. Hết bị bận tâm vì thời cuộc nhà văn Võ Phiến bây giờ bị bận tâm vì chính những vấn đề của văn chương và đặc biệt, của truyện ngắn. Ông tự hỏi phải làm sao ?

Phải trung thành với thể văn truyện ngắn, có đầu, có đuôi, có biến động, có khúc mắc hay là phải từ bỏ nó, phải tìm ra một thứ truyện ngắn mới linh động hơn, ít bị gò bó hơn, một thứ truyện ngắn giống như một « đoạn văn chương », đoạn này tiếp đoạn khác.

Câu chuyện thì hoặc chẳng có gì hết cho nên truyện ngắn sẽ mất đi cái vẻ khép kín « có đầu có đuôi » của nó. Từ những ý nghĩ đó, *Áo Ảnh* và *Tạp bút* lần lượt xuất hiện. Cực điểm của loại văn chương này theo tôi, là tập *Áo Ảnh*. *Phù Thế* đã đề lộ ra những sa sút, những dễ dãi buông thả của nhà văn Võ Phiến. *Phù Thế*, ngoài truyện *Đêm Trăng* được sáng tác khoảng năm 1960,

những truyện ngắn, giống như trong *Ảo ảnh*, đã được tác giả đặt tên là đoản văn, gồm có: *Một ngày để tùy nghi*, *Một chỗ thật tịch mịch*, *Thần xác*, *Lúc dừng nghỉ*, *Chim và Rắn*, tất cả những truyện ngắn đều biểu lộ cùng một vẻ « snob ».

(*Tiền Tuyến*, tháng 12-1969)

Nguyễn Đình Toàn

giã từ

(...) Trên báo chí, phê bình truyện của Võ Phiến, có người đã cho rằng ông viết thật tỉ mỉ. Người đó thêm vào ba chữ « quá tỉ mỉ ». Người khác cộng một nhận xét : chính vì sự quá tỉ mỉ, quá chú trọng đến chi tiết đó, mà tác phẩm của Võ Phiến trở nên cồng kềnh và sự cồng kềnh này đã làm ông chậm chạp đi khá nhiều.

Nhưng không ai phủ nhận Võ Phiến có một bút pháp tinh vi. Tất cả những khía cạnh nhỏ nhất trong truyện ông, bằng cách lựa chọn, xử dụng ngôn ngữ tài tình, ông đã biến chúng trở nên hấp dẫn, đủ để cho người đọc phải theo dõi ông từng dòng, từng chữ. Một cảnh sắc không có gì buồn hết nếu người ta « nhìn » và « hiểu » bằng tưởng tượng. Nhưng cùng cảnh ấy Võ Phiến sẽ làm cho nó trở thành buồn khi ông dùng « chữ » nói đến. Dĩ nhiên cả hai đều ở trong trường hợp phù hợp với tâm lý hoàn cảnh của cuốn sách. Truyện Võ Phiến rất nhiều những cảnh tương tự như thế. Nên mỗi lần đọc hết một tác phẩm của ông, người đọc thường có cảm tưởng buồn phiền, mất mát, bàng bạc trong tâm hồn. Một cảm giác mệt mỏi, lười biếng pha lẫn thích thú, chán nản và người ta không nghĩ thêm gì được nữa hết. Nhân vật Võ Phiến đủ sức chiêu dụ chứ không ám ảnh người đọc. Mới « gặp » những nhân vật này, người ta tưởng họ gần gũi với mình, nhưng khi « làm quen » rồi, người ta thấy họ xa lạ ! Ngược hẳn lại trường hợp những nhân vật của Stefan Zweig, (nhiều người cho Võ Phiến chịu ảnh hưởng Stefan Zweig, cũng có người cho Võ Phiến viết hay hơn Stefan Zweig), vậy đối với nhân vật Stefan Zweig, mới đọc người ta thấy xa lạ nhưng đọc rồi lại thấy chúng gần gũi với mình.

(*Tự Do*, tháng 4-1962)

nguyên mộng giác

Thế Giới Của Bốn Thôi

« Ngót hai mươi năm trời rồi, gần như hồi nào anh cũng phải cầm vũ khí trong tay : anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ... và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào *tuồng* như cũng rầu rầu, *nguyệt* lạnh như một người ngoại cuộc.

Vậy mà những hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở. Ở Hoa Thịnh Đốn, ở Mạc Tư Khoa, ở Bắc Kinh, Tân Đê Ly, Vọng Các, Ba Lê... ở khắp các nơi trên thế giới người ta theo dõi anh, bàn tán về anh. Người ta đem anh ra so sánh với người dân Đức ở Bá Linh, người dân Lào ở Vạn Tượng... người ta dòm ngó, dò xét cử chỉ của anh, cân nhắc, đánh giá sự can đảm của anh, tài nghệ của anh. Xung quanh hành động anh chắc chắn có những cuộc mặc cả, những trù hoạch bố trí, những mưu mô âm thầm giữa nước này nước nọ. Và cũng có cả những lời hô hào, cổ vũ, những tuyên bố lớn tiếng về nhiều vấn đề quan trọng, lý tưởng cao đẹp. »

(Thư Nhà)

Đấy, cuộc đời của Bốn Thôi, nhân vật tiêu biểu nhất của Võ Phiến. Người nông dân cục mịch có nét mặt buồn hiu lạnh lẽo, thiếu hẳn sự vô vập mãnh liệt, nhưng trong lòng, chất chứa không biết bao nhiêu khát vọng tội nghiệp. Người nông dân ấy không có cái bề ngoài coi được. Anh xấu trai, nghèo nàn, chậm

chạp, vụng về. Thú vui độc nhất cho cả một kiếp đời dài là trưa trưa, tìm một chỗ dừng chân thật lịch thiệp, ghéch mũi lên không mơ màng mẩn mò nhỏ từng sợi lông mũi. Bao nhiêu người đàn bà ghé tạm, cùng anh đi chung một đoạn đường. Họ đã bỏ đi rồi. Anh không oán, không trách. Anh đều đặn, cần mẫn thăm nom lo lắng cho gia đình nhà vợ cũ, trong khi vẫn âm thầm quờ quạng tìm lấy một chút tình thân mới. Anh đi tìm hoài, lòng xao động khắc khoải, hồn lo âu hồi hải mà nét mặt vẫn « rầu rầu, ngội lạnh như người ngoại cuộc ». Thế mới kỳ! Trừ chị Lộc chịu khó ở lại với anh, chịu khó lấy dầu rái lau yếm quét vào các vết nứt tẻ thấp trên bàn chân anh (vết nứt chai lại lành hẳn nhưng cái chết của chị để lại một vết nứt còn sâu còn thấm trên cuộc đời anh hơn nhiều) còn những người vợ khác to mồm mà đến, rồi lặng lẽ bí mật bỏ đi. Nếu không có chị đàn bà góa ham ăn thịt ếch lở mồm lở miệng, không ai biết anh mang chứng bất lực về sinh lý. Bảy giờ người ta mới hiểu anh, thương hại cho anh, mới hiểu thái độ nôn nả chạy đôn chạy đáo đi tìm những hình bóng đàn bà quanh quất, với nét mặt ơ hờ. Tâm lý học gọi anh là một kẻ ẩn ức. Anh bất thường. Cuộc đời đáng lẽ chảy xuôi theo một dòng, từ ngọn suối cao đổ xuống sông dài xuôi êm ra bể, đột nhiên bị chặn lại. Nước nổi — Mặt nước lặng nhưng dưới đáy sâu cuộn cuộn biết bao sóng xoáy, vung phá, xói lở. Chính nguồn sóng nội tại ấy hướng dẫn cuộc đời Bốn Thôi, giúp anh kiên nhẫn liên tục chạy theo cái bóng hạnh phúc phát phơ đầu đó, khéo léo né viên đạn bên này, tránh ngọn roi bên kia. Sóng ngầm sai khiến anh, xúi giục anh. Vẫn với nét mặt rầu rầu, anh vâng theo. Người đọc theo dõi cuộc đời Bốn Thôi lấy làm ngạc nhiên. Nhưng quanh anh còn có cả một thế giới. Một tiểu thế giới « đặc biệt » chẳng khác nào tiểu thế giới của Don Camillo.

Bốn Thôi có nhiều bạn, người nào cũng có nét mặt « rầu rầu, ngội lạnh như một người ngoại cuộc » nhưng bên trong, sâu tận hố thăm của tiềm thức mù mịt, luôn luôn có nguồn sóng bạo tàn thúc giục, réo gọi.

Đó là tiếng sóng dậy ở nơi xa, rất xa, ám ảnh nhân vật chính trong truyện *Lỡ Làng* :

« Hồi còn nhỏ, nằm ngủ với mẹ, nhiều đêm thức giấc giữa

khuya, y nghe tiếng vịt cựa trong chuồng, kêu lít chít nhỏ nhỏ. Và nghe tiếng i ằm, y ngạc nhiên hết sức. Làm sao nghe được tiếng sóng? Nhà y ở chân núi, cách bề lĩ ra cũng mười lăm cây số, làm sao y nghe được tiếng sóng vỗ giữa đêm khuya yên tĩnh không có tý gió? Không biết. Y rụt rè e ngại sẽ lay mẹ dậy hỏi: Cái gì đó mẹ? Mẹ y bảo: Động trời rồi. Sóng dậy đó con ạ.

Đó là tiếng thét « Ầi ầm, quan hầu nhập yết nhập yết » của người ông trong *Về một xóm quê*, tự đứng mà nổi lên, bùng vỡ cơn giận cùng nỗi sợ hãi không giao trống trải vắng vẻ cứ bám riết lấy đời sống ông già, không chịu cho ông bay bổng như ý. Và cũng giống như Bốn Thôi, người ông thét lên « Ầi ầm » với một gương mặt rầu rầu bình thản:

« Giọng thét dồn dập đầy nỗ khí vang lên trong một ngôi nhà vắng lặng, bỗng dừng phát lên rồi bỗng dừng dứt hẳn, làm cho chung quanh tung hứng sững sờ. Chúng tôi lại càng thấy cảnh nhà vắng vẻ và trống trải thêm. Có khi một lát sau nghe tiếng guốc lép kẹp của ông tôi bước xuống. Tôi rụt rè ngẩng đầu lên thì thấy nét mặt ông tôi lại bình thản, đôi khi có một vẻ lạnh tanh ngao ngán, chẳng còn đâu là dấu vết của cái nỗ khí bùng lên trong giọng hát vừa rồi ». (*Về một xóm quê*)

Âm thanh cuồng nỗ huyền bí ấy đã từng khiến Bốn Thôi không ngớt khổ công tri chí chạy theo đám vợ con để tìm hơi ấm gia đình, rồi cũng chính âm thanh ấy đẩy Trần Kỳ Vỹ chạy theo cái rạo rức xác thịt tưởng tượng (*Người Tù*), xúi ông Bốn Tàn bỏ nhà ăn nhậu chạy theo lũ cháu bợ vợ (*Lẽ Sống*) Giữa khung cảnh lạnh lẽo xơ xác, nghèo khó tro tro, những người bạn của Bốn Thôi mang bộ mặt lạnh lùng rầu rầu. Người ta tưởng họ hiền lành, chất phác. Hoặc như một từ ngữ địa phương nơi quê hương Bốn Thôi, người ta tưởng họ « *thàng* ». Không — Đừng lầm. Họ đều dữ. Họ đều bạo. Nguy hiểm hơn nữa, họ dữ, bạo một cách bất ngờ, vào những lúc không đề phòng, với nét mặt thản nhiên. Họ bạo tàn theo một lối không giống ai. Như Bốn Thôi đã làm.

« Cứ mỗi lần nào có da khô ở gan bàn chân, anh lại lựa những lúc ngồi gần vợ để tước xé mảnh da ra. Anh gây đau đớn cho mình, kinh hãi cho người vợ. Và anh thưởng thức một thứ

sung sướng tình quái. Những tiếng kêu bối rối « Ái. Ghê quá. Ái. Dễ sợ chua. » phá vỡ sự cô đơn. Và kiếp nhân sinh lại có một thứ ý vị kỳ quặc nữa. » (Thư Nhà)

Người mẹ vợ ông Ba Thê phá vỡ cô đơn và mối thù hận bằng cách truyền thụ tất cả phong thái cư xử con nhà dòng dõi cho đứa con gái nhỏ là vợ ông Ba Thê (Giã Từ), Toàn đồn tất cả phần nộ bất mãn lên trên mấy tấm danh thiếp bắt đầu bằng hai chữ « cher ami » của cha (Giã Từ).

Dù là cậu bé hay ông già luống tuổi, dù là người đàn bà tàn lặt hay cô gái mười sáu dậy thì, họ có một lối tàn bạo riêng. Tàn bạo lạnh lẽ. Như một hình thức khổ dâm. Người ta bảo Bốn Thôi bị bất lực sinh lý. Bảo Trần Kỳ Vỹ, Bốn Tản, Ba Thê, Bái Công, Ba Càng Cua, Sáu Ty v.v... là những nhân vật kỳ quặc, bất thường. Đời họ không xuôi dòng. Cuộc sống của họ như sóng ngầm. Lạnh lẽ, bất trắc, quá khích, hiu hắt đến ngao ngán. Vũ Hạnh đưa ra nhận xét : « Hầu như trong đời các nhân vật không còn những gì cao lớn và chỉ là những thấp hèn. Cuộc đời họ đó không chỉ là sự vô lý mà còn đáng buồn cười và đáng thương hại không biết chừng nào. » (Bách Khoa số 99)

Chẳng những đời sống nội tâm của họ mất quân bình, mà cả đến gương mặt của họ, cử chỉ hành động của họ cũng mất cả cân đối. Không có nhân vật nào của Võ Phiến có một gương mặt bình thường, « coi được ». Hoặc đôi mắt lộ quá. Hoặc cái đầu hơi quá. Hoặc gò má cao quá. Hoặc bộ răng hô quá. Thân hình ốm yếu quá. Nước da tái quá. Nếu họ đủ ăn mập mập, thì cách ăn mặc lại dơ dáy cầu thả quá. Nếu ăn mặc đàng hoàng thì lối nói, lối cười, lối chấp, lối nuốt thô tục quá. Nếu không thô tục thì lại tủn mủn chi li quá, mất cả vẻ hào hoa phóng khoáng. Cả đến cô Hạnh hiền thực, nàng tiên chơn vờn mê hoặc trong truyện Tâm Hồn, tuy khuôn mặt bầu bĩnh, mắt sáng đa tình, mỗi khi làm duyên thường cắn môi dưới, e lệ cúi đầu, vẫn cứ có « màu da tái tái và cái trán hơi dô ».

Trời hỡi ! Vì sao đám bạn bè của Bốn Thôi phải bị đầy đoạ truân chuyên như vậy ? Qua mười lăm năm lưu lạc, Vương Thúy Kiều vẫn còn quá đẹp và dù đời sống có trôi nổi bấp bênh, vẫn

góc nhỏ của niềm hy vọng. Dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng. Của tin còn một chút này làm ghè. Trong góc nhỏ quý giá ấy, Thúy Kiều ăn nói mạnh dạn, đi đứng đàng hoàng, ăn nói tự tin. Bạn bè của Bốn Thôi không được như vậy. Họ hăm hiu hơn nhiều, quá nhiều.

Họ ít nói. Hoặc cuộc sống của họ phẳng lặng, vô vị quá, không có gì vĩ đại, quan trọng để nói ra. Cả trong tình yêu, « *chàng* » và « *nàng* » chỉ nói cộc lốc, nói giống một.

« — Nóng nực quá.

Một lát sau, tôi hỏi tiếp :

— Tôi lâu chưa ?

Cô ta vẫn cúi đầu, gác cằm lên đầu gối :

— Vừa tới.

— Đi một mình ?

Cô ta mỉm cười không trả lời. Tôi lại hỏi :

— Trọ ở gần đây, phải không ?

— Tại sao biết ?

— Không lẽ đi xa mà không có nón ?

— Giỏi ! »

(Đêm Trăng — Phù Thế)

Hoặc họ bị tước đoạt quyền lên tiếng. Họ bị ghen, âm thanh đời nơi cuống lưỡi. Do đó mà đám bạn bè của Bốn Thôi chỉ âm ừ khó hiểu. Họ nhìn nhau, trong lặng lẽ, người nọ thấy người kia chẳng khác nào những hình bóng múa may, cử động kỳ dị vô nghĩa như trên một cuốn-phim-nói bị hỏng âm thanh. Chính bằng cái nhia lo ngại, đầy sự sợ hãi ấy mà Toàn đã qua sát các « *cher ami* » của cha trong Giã Từ. Toàn thấy người « *bạn hữu thân ái* » nào của ông Ba Thê cũng có điệu bộ lơ lửng, tí tiện. Đi lóm thóm, cưỡi nham nhỡ. Hươ tay múa chân vô nghĩa. Giống y các hình nộm cử động do tài điều khiển của một tay làm trò xiếc hạng tồi.

Thành thử nhân vật Võ Phiến lặng lẽ âm thầm, đi đứng ngại ngùng. Không được nói, họ chỉ còn biết « *nhìn* ». Không đủ lòng tự tin tối thiểu của Thúy Kiều, đám bạn của Bốn Thôi đành phải « *nhìn lăm lét* ».

Không có chút gì thái quá nếu chúng ta bảo nhân vật của Võ Phiến những người bè bạn của Bốn Thôi đã dồn tất cả sinh lực vào thị giác. Họ lặng lẽ, vụng về Họ rụt rè, do dự. Nhưng mắt họ luôn mở lớn. Gan lì thì họ nhìn lom lom như kẻ trước mình là thức ăn hợp khẩu hay một hiện tượng lạ mắt. Rụt rè thì họ nhìn lấm lét trong nỗi lo sợ bị bắt gặp, kẻ phía trước cũng kỳ quái đến lạ mắt. Nếu muốn tìm một điểm « nhất dĩ quán chi » cho toàn thể văn nghiệp Võ Phiến, thì điểm nhất quán ấy là cái nhìn soi mói của nhân vật.

Võ Phiến đã từng đổi thay khung cảnh và điều kiện sinh hoạt của nhân vật. Trước tập *Giã Từ*, chúng ta gặp những người nông dân nghèo khổ bệnh hoạn ở một miền trơ trọi xơ xác của Trung Việt, miền đất bị bỏ quên của Thượng đế, gần bên sườn núi cần cỗi và cách bờ xa biển động. Sau tập *Giã Từ*, nhân vật của Võ Phiến là những chàng công chức cạo giấy các nha sở thủ độ, bị chìm trong cuộc sống huyền ảo vô tình.

Thái độ, quan niệm trước cuộc đời của ông cũng đổi thay. Trước, ông dùng giọng châm biếm mỉa mai. Sau, ông bàn khoản trầm tư. Sự thay đổi quan niệm nhân sinh đưa đến đổi thay của bút pháp : từ truyện kể, Võ Phiến chuyển sang đoản văn (Ảo Ảnh, Phù Thế). Duy chỉ có cái nhìn của nhân vật là bất biến.

Từ ban đầu, ông đã thất vọng về cái làm, thường của hình hài con người. Chỉ trừ có đôi mắt :

« Thực tình vừa nghĩ tới cặp mắt hôm nọ, tôi thấy còn một cảm tình đặc biệt với cặp sinh vật bé bỏng, rụt rè và tha thiết ấy — nhưng hôm nay tiếp xúc với con người tâm thương của hắn thì hết cả. » (Dung — Bách Khoa số 11).

Đôi mắt tách ra khỏi thân thể của nhân vật, trở thành một « cặp sinh vật bé bỏng, rụt rè và tha thiết » — Cái nhìn trở thành độc lập, sống đời sống riêng. Vì thế bạn bè của Bốn Thôi đối đãi với nhau, giao tiếp với nhau không bằng lời nói, mà bằng những cái nhìn, khi len lén, khi dõn dác, thiếu hẳn lòng tự tin. — Ngay trong tình vợ chồng, nhân vật vẫn nhìn nhau với tất cả e ngại, rụt rè :

« — Sắp xong rồi.

Nhà tôi mỉm cười không nói. Như thế tự nhiên lại xác nhận cảm tưởng của tôi là hiển nhiên. Tôi lắng nghe lại cái dư vang của ba tiếng tôi vừa thốt ra, và lấy làm ngạc nhiên. Thoạt tiên, nó có cái giọng reo vui, thế mà sau khi tôi để ý đến sự yên lặng xác nhận của nhà tôi thì ba tiếng « sắp xong rồi » lại như có giọng phàn vân nghi vấn. Có gì đâu. Công việc giặt vải bạch bạch sắp xong rồi, tôi sắp được đi dạo dưới trăng, chuyện giã đi rõ ràng như thế, có gì mà tôi phải nêu lên chờ một sự xác nhận mới vững lòng.

Tôi mỉm cười về sự « ngại ngợ nghĩnh » của mình. Lần này, đến lượt nhà tôi lên nhin tôi ngờ vực » (Lẽ Sống).

Đôi mắt người chồng đưa về phía vợ, vợ vọt thẩn nhiên nhưng thật ra là rình rập nghi nan. Và đôi mắt của người vợ nhìn chồng cũng hồ nghi lên lút. Liên hệ giữa người với người thành ra khó khăn. Ngay cả cách tự mình nhìn mình, cách chàng công chức tên Thảo tự nhin châu dung của mình qua cuộc phiêu lưu tình ái vật, một chiều mưa đập xe đập từ Huế về Dương Nỗ, cũng có nhiều điểm khác thường khó khăn quá ! Mặt mày nhàu nhú đến khổ sở. Và quả nhiên, cuộc sống méo mó, biến dạng :

« Mà không những chỉ nhìn thấy tâm trạng mình, Thảo như còn đang trông thấy bao quát được cả cuộc đời mình, từ những chi tiết vô nghĩa như những món thuốc ngựa cảm mà anh sẽ đòi uống đêm nay, sự săn sóc chọn rợn của Liên xung quanh anh đêm nay, cho đến cảnh sống bao nhiêu năm đã trôi qua, và bao nhiêu năm sắp đến. Anh trông thấy tất cả như thế, rần rần nhiên và hơi khinh bỉ như là chứng kiến cuộc đời của ai đâu xa lạ, và trong trí anh cũng nghĩ rằng đáng lẽ đó không phải là cuộc đời anh » (Tâm Hồn).

Kẻ nhìn đi ngờ ngác hoảng hốt. Kẻ nhìn lại nghi ngờ theo dõi. Bận bề quê mùa của Bốn Thôi không ngớt làm cho cuộc đời mình trở thành bất trắc gian lao bằng cái nhìn của nhau. Rồi bằng đi gần mười năm, những biến đổi của thời thế chồng chất. Thế sự điên đảo. Lớp này tản cư về thành. Lớp kia kẻ chốt kẻ lên núi. Thế lực này vừa ngã xuống, thì cũng vươn lên

một thế lực khác. Một buổi chiều đẹp trời nhìn mây ngũ sắc biến đổi trên nền trời phía sau làng xóm quê cha, nhân vật chính của truyện Về một xóm quê liên tưởng đến kiếp phù vân. Mười năm sau, những người bạn thị thành của Bốn Thôi ăn mặc khác, ở nhà cửa khác, bận tâm với những vấn đề khác. Nhưng họ cứ ngay ngáy bất an trước cái nhìn của nhau :

« Có gì đâu ! Chỉ nhìn thôi, kẻ khác đã khiến ta bất an. Xã hội mỗi ngày mỗi đông đảo, sự gặp gỡ tiếp xúc đụng chạm với đồng loại mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi chặt chẽ. Ai nấy luôn luôn bất an ».

(Lúc dừng chân, Phù Thế)

Cô gái xa lạ suýt bị hai người lính cỡi xe gắn máy tông ở một ngã tư. Cô ta rùng mình, nhưng chỉ dám liếc mắt nhìn xiêng xuống chiều bánh xe hung hăng để tránh móc. Vì sao vậy ? Cô sợ cái nhìn của kẻ khác. Một nữ sinh định leo lên một chiếc xe lam đã chặt, thất vọng trượt xuống đứng bên đường, đưa tay che miệng khẽ ho. Cô bé đâu có ho thật. Giả vờ đấy ! Cô bé cố làm mọi cái gì, bất cứ cái gì, để che giấu cảm giác khó chịu, vì cô bé biết khách trên xe lam đang chú ý nhìn mình. Như vậy thì tia nhìn của đám đông ở chốn thị thành này đan thành chiếc lưới lớn, chụp lên cuộc đời ta, bó chặt thân thể ta. Cô gái ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ, cô bé huy chuyển xe lam, hai người bạn nhỏ thị thành của Bốn Thôi, họ cũng cùng chung một nỗi khổ tâm với người bạn lớn quê mùa chất phác. Cuối cùng, vào một đêm trăng, nhân vật của Võ Phiến khám phá được lối thoát : hãy xa hẳn mọi liên hệ ràng buộc của người, và trở về với cái cô độc lạnh lẽo mà an toàn của vô tri :

« Ừa ? Khu phố của chàng đây sao ? Nó đầy ư ? Quanh năm chàng quen thấy nó hừng hực, nhể nhại, nó say mê thiết tha, nó chán chường phờ phạc. Đêm nay, nó vụt lột cỡi hết mọi tình người : Gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi. Xi măng, hắc ín, ngói, vôi... hiện nguyên hình. Và chàng cảm thấy an lành thoải mái bên cạnh vật vô tri ».

(Lúc dừng chân — Phù Thế)

Cuộc đời các nhân vật Võ Phiến sao mà lạnh lẽo, tội nghiệp. Họ không được quyền đẹp đẽ. Không được quyền ăn nói vui vẻ. Nhất là không được quyền tự tin. Tìm những từ ngữ cho họ, ta chỉ thấy : *mon men, ngại ngùng, lấm lét, dớn dác, rầu rĩ, thấp thỏm*. Và lạc loài, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Bốn Thôi và tất cả bạn bè của anh luôn luôn « *rầu rầu nguội lạnh như một người ngoại cuộc* », lạnh lẽo đứng đưng, rụt rè lóm thóm như những người khách trọ. Họ trải qua hơn mười lăm năm lưu lạc, và cũng đã nếm bao nhiêu nỗi nhục nhã đoạn trường chẳng thua gì Vương Thúy Kiều. Họ không tìm được vườn Thúy rồi từ đó về sau chỉ biết

Vui là vui gương kẻ là

Ai tri âm đó mặn mà với ai.

Hãy trở lại con đường lưu lạc của họ, từ đầu. Tiếng sấm động ầm ầm ở một nơi xa thật xa trong kỷ niệm nhân vật chính của truyện *Lỡ Làng* báo hiệu các biến động dồn dập của tiếng sấm huyền bí ấy, lớn lên, đã hiện. Cậu bị ném vào cơn lốc của cách mạng. Bạn bè của Bốn Thôi cũng vậy, ngỡ ngàng chưa quen với vận hội mới. Cách mạng có nhiều điều mới lạ quá.

« Cô Bốn tôi chạy về mách với bà tôi nửa kiêu hãnh, nửa ngượng ngùng rằng cô đã hóa thành bà quân sự rồi. Chao ôi ! Thực là mâu nhiệm. Nếu không có cách mạng đổ ai biết được dựng Bốn tôi có tài thao lược để đảm nhiệm chức ủy viên ngoại giao. Cứ thế mỗi làng đều có đủ ủy viên văn hóa, ủy viên xã hội... ».

(Về một xóm quê)

Suốt chín năm dồn dập biến cố, tình tiết rối rắm, thế sự thăng trầm đến nỗi ai nấy đều bị quay cuồng điên đảo. Họ không hiểu mình đang làm gì, gào thét đập phá trong lúc bêu tai không ngớt oang oang các từ ngữ lớn. Nhưng vào những lúc tĩnh lặng, một mình nhìn lại chính mình, họ giật mình. Giữa bộ máy lý trí đồ sộ, họ thấy cái phức tạp huyền nhiệm của tình cảm. Giữa những mơ ước phi thường, họ mon men tìm lại nét đẹp bình dị. Những xúc động vụn vặt, những mơ mộng yếu mềm ấy đủ làm cho người chiến sĩ Cộng Sản tên Lung lạc loài :

« Y nhớ mùi thơm cay cay nồng nồng trên ngực áo Cúc. Cúc mà y đã ôm trong tay, đã xô y ra, nhưng nhất định sẽ là của y nếu y không bị bắt sau lần gặp gỡ thứ ba. Y băn khoăn tự hỏi : y đã đến chờ Cúc với cái tâm trạng của kẻ đến chờ phương tiện để thỏa mãn một nhu cầu, còn Cúc đến với y với ý nghĩ gì ? Thân thể của Cúc có lúc mềm yếu đi vì rung động hay vì phục tùng nhiệm vụ ? Dù sao thì ở Cúc cũng có cái gì phức tạp hơn những ý nghĩ hăm hở và đơn giản của Lung lúc ấy, ý nghĩ cộc lốc như một nhu cầu... Trên mười đầu ngón tay của Lung như còn cái cảm giác trơn trơn êm dịu của lúc áp trên làn áo lụa. Y nghĩ đến sự đau khổ của Ngọc, đến sự lộn tành cờ, đến con kiến len lỏi trên cánh tay Cúc, giữa những sợi lông vàng óng ánh... Sao đến lúc này y mới thấy tha thiết đến cuộc sống tầm thường, đến những tình cờ, những chi tiết nhỏ nhặt của cuộc đời đến thế ». (Mưa đêm cuối năm)

Nhân vật của Võ Phiến, trong suốt thời kháng chiến, chứng nghiệm được ý nghĩa của những cái vụn vặt, tầm thường, tình cờ, bình dị. Chứng nghiệm được ý nghĩa của cuộc sống, và quyền được sống với những cái vụn vặt, tình cờ, bình thường. Họ thức giấc, nên trở thành kẻ nguy hiểm cho chế độ. Nhiều người bị sỉ nhục, bị bêu riếu, bị tù tội. Nhiều người bị khai trừ — Họ thành kẻ lạ, kẻ ở trọ.

Kịp đến khi hiệp định Genève được ký kết, họ thở phào mừng rỡ, vội vã lén lút trốn vào vùng quốc gia kiểm soát. Họ tự nhận là « những người thiện chí », từ anh chàng Thông mặc bộ đồ bà ba màu xám tro, ông già Đỗ Mạnh Kỳ mặc quần đen vải tám và cái áo xa tanh đen rất cũ đã thủng ở cùi chỏ, cho đến ông già Hoàng Gia Lộc vận quần sọt ka ki vàng và sơ mi vải ta nhuộm đà, Phùng Văn Nước mặc pyjama cũ do người bạn làm bồi lắng lại (xem truyện Lỡ Làng). Họ tưởng đã gặp được « anh em », tìm được hoàn cảnh lý tưởng để « làm việc với nhau ». Ăn nhờ, ở đậu, họ vẫn hằng bái bản soạn kế hoạch, kiểm soát sơ đồ tổ chức, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc. Nhưng một lần nữa, những « người thiện chí » mau chóng thấy mình là kẻ « lỡ làng ». Một người trong đám bạn bè của Bốn Thôi đã tự thú :

« Còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong tám chín năm của tôi cho ông ta nghe được. Thái độ hướng lạc vô tư thân nhiên của ông ta, thái độ hờ hững đó như một cách lãng mạn nặng nề tàn nhẫn. Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã hội xao động dữ dội này vẫn còn có những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phủ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đẩy đi xa cảnh thái bình an lạc và lạc mất đường về ».

(Thác đổ sau nhà)

Và một lần nữa, đám nhân vật tội nghiệp của Võ Phiến trở thành người khách trọ — Họ tiếp tục mon men, lấm lét, dáo dác, rầu rĩ. Tiếp tục thấp thỏm. Tiếp tục lạc loài. Cái nhìn kẻ khác tiếp tục tra khảo họ, úp chụp lên đời họ. Thất vọng làm mờ đôi mắt họ. Họ biết nhia hau háu để tìm đề tài chế diễu, hài hước. Họ nhắm mắt để trầm tư, hoặc chỉ dám lặng lẽ đối diện với cung trăng, « thao thức tay đôi trong vắng vẻ, đối diện im lìm không nỡ rời » (Phủ Thố) Cứ thế tiếp tục, tiếp tục. Một ngày qua, một ngày khác,, đến lúc : « Nước mưa thấm vào đất, âm thầm len lỏi qua nhiều lớp đất, như một cái phin vĩ đại. cuối cùng đến mặt áo quan. Nó dừng lại một chút, lưỡng lự, ngập ngừng, thăm dò. Nhưng áo quan đã mục; nó được phép. Bèn có những giọt nhỏ xuống : một giọt bên phải, một giọt bên trái, một giọt. Thôi, Đứng rồi ! Đứng vừa nơi trước kia vốn là trái tim của chàng. Chàng tê buốt cả người, rồi tinh thần tỉnh táo như vừa mới tiếp nhận sinh khí. Đã lâu, mòn mỏi chờ đợi, mới lại được tiếp xúc với một chút lợi từ trên kia xuống, một chút trần gian »

(Giọt cà phê. Áo ảnh)

Nhưng đã quá muộn rồi ! Chút trần gian mòn mỏi chờ đợi ấy, không thể ở kiếp này cho Bốn Thôi và đám bạn bè của anh, « Tiền thế giới » của Bốn Thôi, sao mà buồn quá đổi !

Nguyễn Mộng Giác

Qui Nhơn, đêm 16-9-73

đặng tiến

Độc Thư Nhà

Chúng tôi kết thúc loạt bài trình bày hiện tình truyện ngắn, bằng một tác phẩm không phải là truyện ngắn. *Thư Nhà* theo lời ghi chú của tác giả là một cuốn *Tùy bút*. Thật ra, *Tùy bút* là một danh từ khó định nghĩa. Trong văn chương; nhất là văn chương bây giờ, cái gì mà lại không tùy bút.

Thật ra các tác phẩm Võ Phiến đã cho in từ trước đến nay đều có ít nhiều tính cách tùy bút. Những truyện ngắn góp lại thành một tác phẩm có một cá tính nào đó khiến tác phẩm không còn hoàn toàn là truyện ngắn, có lẽ đó là trường hợp Võ Phiến, từ *Chữ tình*, *Người từ và Đêm xuân trăng sáng* hay *Giã từ*.

Võ Phiến có một lối hành văn rộng rãi, phóng túng, đưa truyện ngắn đến một lần mức nào đó, mà lúc đã vượt qua, tác phẩm sẽ không còn là truyện ngắn.

Thư nhà quả là một tác phẩm khó xếp loại, nếu người đọc chưa hài lòng với danh từ « tùy bút » hơi dễ dãi. Dường như người Pháp hay gọi các tác phẩm như *Thư nhà* là « récit », chúng tôi tạm dịch là tiểu truyện.

Tác phẩm chia làm ba phần, có liên lạc với nhau.

Ngây xuân êm đêm kể lại đời sống của tác giả tại Qui Nhơn. Trong một thị xã nhỏ mọi người đều là láng giềng, và có một nhân vật nào đặc biệt là thu hút ngay một dư luận, bí danh, ví dụ : ông Ba Hai là ông « Kinh tế khó khăn » ông Quách là « Người xây dựng trường », chị Lan là cô « Yếu lá phổi » (tr. 18) và tác giả bị gọi là « Người đi xa » vì luôn luôn chuẩn bị rời Qui Nhơn về

một tình khác. Ba mươi trang giấy mô tả sinh hoạt của làng giếng Võ Phiến đã ghi lại cả đời sống gần bó lẫn nhau của người dân tỉnh lẻ, luôn luôn làm quà cho nhau những giai thoại dí dỏm và thân mật.

Thư nhà, phần thứ hai của tác phẩm kể chuyện nhân vật Mạnh ở Sài Gòn. Võ Phiến đổi câu chuyện sang ngôi thứ ba, nhưng Mạnh chỉ là một hình bóng của cái tôi Võ Phiến. Phần hai bắt đầu bằng lá thư của người em trai viết từ Qui Nhơn, mô tả cảnh gia đình sau khi người anh đi vắng. Tiếp theo là đời sống của Mạnh ở Sài Gòn, giữa các bạn bè phần đông là văn nghệ sĩ.

Võ Phiến vẫn giữ nguyên hành văn, nhưng đoạn này nhẹ nhàng, vui tươi hơn.

Phần ba của tác phẩm quan trọng nhất: *Lại thư nhà*. Từ món ăn « mắm cua chua » Võ Phiến gọi lại sinh hoạt của gia đình mình, tác giả gợi hình ảnh một quê hương điêu đứng qua các biến cố, từ 1945 cho đến những xao động hiện còn đang tiếp diễn. Diễn hình cho người dân lam lũ, nạn nhân của đời sống kham khổ, đang đưa theo những đợt sóng thời cuộc là anh Bốn Thôi. Người nông dân chất phác này có đến những sáu đời vợ, bốn người bỏ đi hoang vì anh Bốn bất lực sinh lý, chỉ còn người vợ thứ hai, chị Lộc, âm thầm chịu đựng cái kiếp làm vợ không phải là vợ, mà vẫn thiết tha, âu yếm người chồng không phải là chồng, chị Lộc lại chết đi vì mụn nhọt trên mặt. Người vợ thứ sáu lại chấp nhận « *chẳng tu mà cũng như tu* » (tr. 121) là để ngoại tình và có con với một người đàn ông khác. Như vậy mà giặc già rồi giặc già. Bốn Thôi luôn luôn: *phải cầm vũ khí trong tay: anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ...* (tr. 148)

Tác phẩm của Võ Phiến chấm dứt trên những buồn thảm của giai đoạn. Dường như viết xong cuốn sách Võ Phiến còn chờn vờn trong ký ức: *hình ảnh những nhân vật rầu rĩ lơ lửng, không hứa hẹn một vinh dự gì cho quê hương.* (trang cuối)

Phần cuối tạo nên cảm giác đắng cay chua xót, và lẫn át cả hai phần đầu như một loại khai từ khá dài dòng.

Tác phẩm thứ bảy của Võ Phiến đã kết tinh những đặc tính của sáu tác phẩm trước kia. Trong *Chữ tình và Người tù con*

người bị thời cuộc dày xéo, đè bẹp. Sang đến *Đêm xuân trắng sáng, Giã từ...* con người đã lớn hơn giai đoạn, đã vượt quá thời cuộc nhưng vẫn bị hoàn cảnh mĩa mai, châm biếm.

Nói một cách đại lược, *Thư nhà* có hai tính cách; đầu tiên là một *Tiểu truyện địa phương*, thứ đến, là một *Tiểu truyện thời đại*.

Thư nhà, *tiểu truyện địa phương* hàm xúc những tình cảm nồng nàn, thấm thiết tợ những tiểu thuyết đầu tiên của Jean Giono. Ngôi bút của Võ Phiến sắc bén, linh hoạt khéo chọn lựa những hoàn cảnh sống động nên người đọc nhìn trực tiếp vào nhân vật bầu vịu lấy nhau, gần bó lấy nhau trong một khung cảnh tầm thường, man dại nhưng đượm những màu sắc địa phương đậm đà, âm cúng.

Thường thường văn chương vốn gọi là « phong tục » những tập quán đè bẹp con người. Võ Phiến, trái lại gọi những phong tục mãnh liệt mà vẫn để các nhân vật sống thông thả.

Trong *Thư nhà*, chữ quê hương dường như đồng nghĩa với dĩ vãng; và Võ Phiến gọi lại những ngày xuân êm đềm của đời mình qua hình ảnh của bà nội luống tuổi, mà Võ Phiến luôn luôn nâng niu chiều chuộng trong ký ức..

« Bà tôi kiêu hãnh kể rằng bà đã từng có thể dùng bột trắng pha màu rực rỡ bắt hình bánh cổ đồ bắt bữa: bả rượu, cây bút, cái tù-và... đã từng luộc những con gà và sửa soạn cho chúng nó thành hình ngư, tiều canh, mục..., đã từng làm những chiếc bánh tét nhân chữ hạnh, chữ thọ, màu đỏ, màu xanh, đã gói cuốn chả mà cắt ra mỗi lát đều có hình hoa đỏ hoa vàng, v. v...) (trang 83).

Có lẽ về tài nội trợ, đàn bà các vùng khác còn khéo léo hơn người đàn bà Bình Định của Võ Phiến, nhưng giọng kể của Võ Phiến thấm thiết quá, cảm động quá nên người đọc chợt thấy trong ký ức hay tiềm thức của mình hé mở cả một thế giới u trầm, mông mị. Không thể đọc *Thư nhà* mà ngăn được lòng mình chìm lắng xuống một nỗi luyến nhớ mơ hồ, u hoài xa vắng. Và theo giòng, tình cảm người đọc sẽ bị cuốn theo những đợt sóng xót xa, chua xót.

... đã hát hân. nó bề như liêu, canh mục.. chẳng qua

khó. Mỗi lo lắng thường trực trong đời bà tôi thực ra là cơm với mắm, mắm muối là một ám ảnh đeo đuổi mãi cho đến nỗi khi về già trí óc suy nhược của bà không đủ sức rời nỗi nỗi nó nữa... (tr. 147)

Võ Phiến đã dành một địa vị quan trọng của Thư Nhà cho mắm muối, nhất là thứ mắm cua chua được mô tả rất kỹ lưỡng. Khi gấp sách tôi còn mừng tượng một mùi vị oi nồng phảng phất sau lưng :

Món ăn tiêu biểu này làm bằng cua đồng. Cua đồng thì khắp trên đất nước Việt Nam có lẽ nơi nào cũng có... Nhưng chỉ riêng thứ mắm cua chua mới có tính cách địa phương...

Cua bắt về người ta rửa sạch, giã ra vắt lấy nước, đổ vào hũ, cho thêm muối vào rồi đem hũ ấy vùi bên bếp lửa ba ngày ba đêm.

Trong phương pháp làm mắm cua chua được đời đời truyền lại có những chỗ mơ hồ, khiến cho những phương pháp ấy biến thành một thứ bí thuật. Giã một cân cua phải pha bao nhiêu lít nước ? Mỗi lít nước bỏ vào bao nhiêu muối ? Đối với những chi tiết như thế không có sự chỉ dẫn nào rõ rệt ; khi vắt nước của người ta chỉ được vè : « đặc một chút » hoặc « lỏng hơn một chút nữa », khi cho muối vào chỉ có những lời khuyên « nặng tay » hoặc « nhẹ tay » một tí, thế thôi...

Bởi vì không có một cách thức rõ ràng minh bạch, người làm mắm cua chua nhiều khi không thành công. Mỗi lần hỏng như thế người ta liền tìm lý do : đồng này nhiều bùn quá nên làm mắm không đỏ, năm nay mưa muộn nên cua bèn chưa kịp lớn nên vỏ nhiều gạch ít ; nhưng lý do trọng yếu nhất là ở nơi bàn tay người làm. Người ta tin rằng có những bàn tay sinh ra có thể làm cua chua, và có những bàn tay bất hạnh chỉ làm thối mắm mà thôi.

Vậy thì trong một miền nghèo cực như miền lỏi nển đa phần dân bà sinh ra đều ao ước « bắt được » một bàn tay làm mắm cua chua, thì điều mơ tưởng ấy dĩ nhiên suy ra không có vẻ cao xa nhưng cũng lạm hợp lẽ. (tr. 71-72-73)

Ấy thế mà có một người đàn bà có biệt tài làm mắm cua chua là chị Lộc, người thứ hai trong số sáu người vợ của Bốn

Thôi, người đàn bà duy nhất đã yêu thương anh chồng bất lực một cách trọn vẹn. Bằng ngòi bút Âu yếm, Võ Phiến đã phác họa những nét đẹp hiền hậu, dịu dàng của người đàn bà quê mùa, chất phác; các nhà văn lúc nào cũng tả nữ nhân vật của mình một cách lý tưởng, ở Võ Phiến, có cái giọng thiết tha chân thực, đủ từ lực để truyền cho người đọc những cảm giác êm đềm thoải mái.

Trên thân người nữ nang ấy, mọi hình nét đều có vẻ rộng rãi, dịu dàng. Ngửng tầm mắt lên một thân người như thể người ta cảm thấy một cảm tưởng yên ổn trong tâm trí. Mặc dù khoảng ngực của chị có thể mở rộng và đầy, người nhìn đến không hề thấy bị kích động mà chỉ cảm thấy một thích thú thoải mái như là nghỉ ngơi. Trong âm thanh của tiếng nói, trong cái ngược mặt chậm chạp mà chắc chắn không ngừng có một vẻ gì vừa hiền dịu vừa nhẩn nại, vừa vững chãi vừa ổn định. (tr. 90)

Một người như chị Lộc nhất định phải mang lại sung sướng cho tất cả người nào gần gũi, kể cả anh chồng bất lực là Bốn Thôi. Võ Phiến đã sưỡi ăm tác phẩm bằng không khí nồng cháy yêu thương của đôi vợ chồng bệnh hoạn. Bốn Thôi sau khi mất người vợ đầu tiên đã đợi trời khuya, vác cuốc đi thăm nước ngoài đồng, nhìn những con đom đóm bay lập lòe gõ nhẹ móng tay vào cán cuốc, và ngheu ngao hát nho nhỏ một mình, âm thầm, hiu quạnh. Người đàn ông lầm lì ấy thường lần trốn cô đơn bằng cách vật lông mũi, một cách « lặng lẽ tự xoa mình ».

Lối mòn mò vớ vẩn của anh chỉ có một người hiểu là chị Lộc. Chị săn sóc cho anh từng vết nứt nẻ trên bàn chân thô kệch và « bên cạnh thái độ khoan hòa ấm áp của người vợ lạ lòng, anh Bốn Thôi lần hồi tin cậy ở cuộc sống. (tr. 98)

Chị Lộc chết đi, dù Bốn Thôi có cưới nhiều vợ khác, niềm tin sẽ không bao giờ còn trở lại. Bốn Thôi lại lang thang ra đồng để tìm dấu vết người yêu: anh tìm vết chân của chị Lộc liền bưng đem về thờ phụng.

Thật là một kỷ niệm xúc động: trước đây mấy ngày, chị còn tiến từng bước ở chỗ này, lom khom tìm cái ăn về cho gia đình, dấu tích rãnh rãnh lượm như còn nóng hơi người... Ngoài bàn chân chị Lộc ra, còn có thể nhận thấy dấu chân một loài chim, chắc

chấn là một con cò hay con vạc nào đó, và những đường nhỏ kéo dài loằng ngoằng mà tôi đoán là do những chiếc ngoe của đề lại. *Chị Lộc, cô và cua!* Tất cả dồn vào trên mười lăm vuông, tôi nghĩ không còn bản bị kỹ nào tóm tắt lại lịch một cuộc đời, phác họa hình ảnh và thuật lại hoạt động của một nhân vật, mà vừa gọn ghẽ, vừa cụ thể, rõ ràng đến chừng ấy. (tr. 102)

Một vết tích đau thương như vậy mà Võ Phiến chỉ gọi là « gọn ghẽ, cụ thể, rõ ràng »! Võ Phiến dường như cố dồn ép tình cảm tạo ra một giọng dửng dưng, lãnh đạm, như muốn lãnh trọn phần cảm xúc cho mình. Nhưng chính cái giọng dửng dưng ấy dày vò, dằn vặt độc giả, đến nỗi đôi lúc phải gấp sách lại đợi cho cảm xúc quá đi.

Từ trước đến nay, đa số tác phẩm của Võ Phiến đều nghiêng về khuynh hướng tình cảm gia đình, và nhân vật đàn bà thường hay lấn át khí hậu của văn phẩm. Vũ trụ trong tác phẩm Võ Phiến là vũ trụ đàn bà, vũ trụ của những người vợ. Thái độ Võ Phiến thường ngoái lại. Ông là nhà văn của dĩ vãng, của ký ức và *Thư nhà* đã kết tinh cá tính ấy của Võ Phiến. Trong *Thư nhà*, truyện tình thâm thiết hơn trong *Đêm xuân trăng sáng*, một tác phẩm tình cảm, nhu cầu tình cảm của người dân quê được trình bày một cách linh động và tha thiết hơn và quê hương cũng đậm đà hơn trong *Giã từ* một tác phẩm địa phương.

Thư nhà còn cô đọng thêm một cá tính khác của văn Võ Phiến là lối mỉa mai chua sớt. Trong các tác phẩm trước ông chỉ mỉa mai các nhân vật do mình dựng lên, nên giọng văn còn nhẹ nhàng, dễ chịu. Đến *Thư nhà*, Võ Phiến mỉa mai thời đại mà mình phải chịu đựng, nên giọng văn trở thành tàn nhẫn, cay độc đến nghẹt thở.

Thư nhà, tiểu thuyết thời đại không nêu ra chiều dài hay trọng lượng một giai đoạn đang lấn át, đè bẹp con người. Thời đại ở đây chỉ là những kẻ hờ hững số mệnh, vừa đè con người sống ngoắc ngoải, như trong *Cung oán* :

Trẻ tạo hóa dành hanh quá ngán

Chết đuổi người trên cạn mà chơi.

Võ Phiến nhìn cuộc đời bằng đôi mắt mỉa mai, và khám

phá mọi sự vật dưới những khía cạnh phi lý chua xót nhất, ông châm biếm cả sinh mệnh của dân tộc:

Lại còn anh Bốn Thôi nữa. Anh đã có niềm tin tưởng ở cái quấy quẩn ám áp của một nhóm vợ con. Trong đời anh đã trầy lên trợt xuống, nhục nhã nhiều phen vì vợ con, rồi cuộc là đề gây ra cái tập thể nhỏ bé trong đó anh cảm thấy yên tâm không cần biết đến cuộc sống mệnh mông. Thế rồi mãi anh ta vẫn không được yên. Ngót hai mươi năm trôi rồi, gần như hồi nào anh cũng cầm vũ khí trong tay; anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ.. và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào cũng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc.

Vậy mà hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở. Ở Hoa Thịnh Đốn, ở Mạc Tư Khoa, ở Bắc Kinh, Tân Đê Li, Vọng Các, Ba Lê, v.v... Ở khắp các nơi trên thế giới người ta theo dõi anh, bàn tán về anh. Người ta đem anh ra so sánh với người dân Đức ở Bá Linh, người dân Lào ở Vạn Tượng, người ta dòm ngó, dò xét cử chỉ của anh, cân nhắc, đánh giá sự can đảm của anh, tài nghệ của anh. Xung quanh hành động anh chắc hẳn có những cuộc mặc cả, những trò hoạch bố trí, những mưu mô âm thầm giữa nước này nước nọ. Và có cả những lời hô hào cổ vũ, những lời tuyên bố lớn tiếng về nhiều vấn đề quan trọng. lý tưởng cao đẹp.

Mà như vậy phải chứ, việc anh ta làm là nằm trong khuôn khổ cuộc tranh chấp giữa những lý thuyết lớn lao và cao đẹp mà.
(trang 147-148)

Không những Võ Phiến khôi hài cái hiện tại tăm tối của một nhân vật Bốn Thôi, mà đằng sau Bốn Thôi, còn có một khối nông dân nghèo đói, ngu dốt, bị trể tạo hóa đánh hạnh quá ngán. Cuối cùng Võ Phiến đưa cốt ngay lịch sử, nghĩa là cả quá khứ, lẫn hiện tại, lẫn tương lai của một dân tộc đang ngắc ngoải đi tới: Thời kỳ này quan trọng. Công việc của những người như Bốn Thôi có ảnh hưởng tới mai sau. Nói một cách văn hoa, anh ta đang làm lịch sử đấy chứ; lâu nay anh ta vẫn rầu rầu làm ra lịch sử với một vẻ hững hờ, nhẫn nại. (tr. 148 — 149)

Cả tương lai xây dựng trên cái khôi hài của số phận chúng

ta hôm nay. Có thể vài ba thế kỷ nữa, có kẻ sẽ khâm phục những kỳ công về chính trị và văn hóa của chúng ta, mà có biết đâu rằng cái chính trị văn hóa ấy đối với chính chúng ta chưa chắc đã đắt giá hơn những thâu mầm của chua lè và chẳng riêng về quần chúng Việt Nam bị lừa gạt, cả đến nhân loại cũng bị khời hải :

Người đọc nhật báo tò mò muốn xem cái nhân loại có mình trong đó đã làm được những gì đáng lưu ý trong hai mươi bốn giờ qua. Và chao ôi trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, loài người đã làm được nhiều việc lắm : tưởng không có hôm nào mở tờ báo ra mà không thấy có những việc động trời. Thật là kỳ lạ cho cái nhân loại thích sự quay hoạt động (tr. 156 — 157)

Võ Phiến nhắc bằng những sinh hoạt cụ thể của loài người lẫn những giá trị hằng hữu của nhân loại, như văn minh chẳng hạn. Bốn Thôi cười một người đàn bà bị một thứ mọt bắt trĩ ở gót chân, tưởng không đi được. Anh chữa bằng Dagenan lành rồi, người ấy bỏ anh ra đi, và Võ Phiến nhận xét :

Thứ chân chữa bằng Dagenan vẫn không bằng thứ chân chữa bằng rái (tr. 106)

Nhìn ông tú Từ Lâm một người nho học uống cà phê theo lối uống trà, Võ Phiến tiếc rẻ :

Trong hai bên Đông Tây gặp nhau tình cờ ở nơi cái giá nua làm cày, ở những ngày tàn rất tiêu điều của ông tú Từ Lâm, người ta nghĩ thà rằng nó đừng gặp gỡ nhau lại hơn. (tr. 137)

Văn minh là một biến chuyển ; đằng sau, vẫn có một giá trị cố định là đạo lý. Nhưng đạo lý vẫn không được Võ Phiến đề yện. Lúc Bốn Thôi « Không hẳn là vui vẻ sung sướng » nuôi lũ con ngoại tình của vợ, hoặc lúc vợ Bốn Thôi đi ăn hàng nhưng chối là xin nước bún về cho con, Võ Phiến viết :

« Kỳ thực ai cũng biết chị đã mất rất nhiều tiền lúc vào lò bún, mà không phải để uống nước cho khỏe. Bớt nước bún chẳng ai bán bao giờ (tr. 114)

Những lúc ấy tôi tự hỏi : Võ Phiến còn tin cái gì ở đời này ? Nói như thế e bất công, có lẽ phải hỏi lại như thế này ; liệu cuộc đời này còn có gì đáng tin không ?

Mỗi người có một câu trả lời riêng, nhưng câu hỏi ấy hẳn đã đến với mọi người đọc « Thư Nhà ». Một điều lạ, là những ai

quen Võ Phiến đều thấy ông hiền lành, dễ dãi, sao giọng văn vẫn lại có thể tàn nhẫn, cay độc đến thế? Võ Phiến luôn luôn day nghiêng định mệnh bằng một nụ cười. Nụ cười chấp nhận nhưng khinh miệt, hững hờ nhưng cay độc, tưởng cũng hiếm có trong văn chương ngày nay.

Nụ cười ấy thường đến tột điểm cho lối kể truyện của Võ Phiến. Võ Phiến hành văn dễ dãi, truyện địa phương của ông thu hút không những vì đề tài, mà còn vì giọng Bình Định duyên dáng. Võ Phiến không ngần ngại viết những chữ có khả năng gọi lại hình ảnh Qui Nhơn nếu người đọc đã có dịp đi ngang qua đây. Cái lối kể gặp tôi là..., Tôi ngỡ ngỡ tưởng như mình đã..., tức thì ông trở nên khiêm tốn..., tức thì ông Quách đã sôi ruột ghê lắm..., lấy làm nghi ngại đại biểu nhân dân..., khuôn mặt to đẽ sợ..., đổ vào trà mà kho..., chắt hết nước mắt vào lỗ. Võ Phiến dùng những thành ngữ đặc biệt như: trẻ hươu nó ngầy ngà, hay lối lặp lại các tính từ: bắp ba bắp bắp, lặc la lặc lư, những lối nói rất « Bình Định ».

Võ Phiến muốn tạo ra một giọng bình dị, tự nhiên nên đôi lúc trở thành dài dòng, thừa thãi, những tính từ nằm chồng lên nhau, kéo câu văn dài lê thê lếch thếch:

Ý định lỏng bong xê dịch, lưu chuyển, thay đổi... (tr. 12) Ta sẽ ngạc nhiên, lạ lùng, ngỡ ngàng (tr. 35) trước sự đều đặn phi thường, kinh lạ (tr. 36) nhờ gò khổ, cỏ cháy, đất cằn, sỏi sạn... con nghé lạc đàn bơ vơ thất tha thất thểu... bom nổ lửa cháy tại bởi nhà cửa (cùng tr. 39) khắp nơi phừng phừng sôi nổi, điên cuồng... những bước đi đó mà trông rời rạc, buồn tẻ, liên điều ngỡ ngàng làm sao? (cùng tr. 40) Nếu phải kể hết cái dài dòng của Võ Phiến ít ra cũng phải có cái tài dài dòng như Võ Phiến mà tôi thật tình không có cái tham vọng to tát ấy nên khỏi phải làm độc giả sôi ruột. Võ Phiến sợ ngôn ngữ không đủ diễn tả nên cứ kéo dài, kéo dài chưa đủ thì thêm hai chữ vân vân... Đáng lý ra Võ Phiến không nên lo sợ như thế, vì con người không suy nghĩ bằng ý tưởng mà lại suy nghĩ bằng ngôn ngữ, hơn nữa ngôn ngữ đôi khi vượt quá ý tưởng nữa là khác. Khi đọc một tác phẩm văn nghệ, linh tính giúp độc giả hiểu nhiều hơn là chính văn tự của tác giả.

Thêm vào Võ Phiến quá lo dùng chữ nhiều đến không để ý tới âm thanh của câu văn. Học giả Tây phương Margouilles trong cuốn *Histoire de la Poésie chinoise* (Payot) có phân tích nhạc tính của ngôn ngữ đông phương và cho rằng nhạc tính dồi dào của ngôn ngữ đơn âm khiến thơ và văn xuôi không khác bao nhiêu : Khi đọc Võ Phiến :

Bông lau trắng lung lay lung lay. Len lách trong lau trong cỏ thỉnh thoảng lộ ra một vài cái lưng bỏ dỏ (tr. 38) những chữ l dòn lại làm nhớ đến giọng nói lù lù lo lo, lanh la lanh lảnh lững lững lơ lơ của các cô gái Bình Định. Và đọc câu : cái ý nghĩ đẹp đẽ của cảnh sống đang dần lại bước đi đó (tr. 40) nhưng chữ đ gợi lại đối đáp danh đá, đồng danh của người dân Cầu Đồi, Đập Đá chi đó. Xưa kia Voltaire vô ý viết một câu il n'est rien que Nanine n'honneur mà để đời, tưởng Võ Phiến nên cần thận.

Người miền Trung có tục ngữ : Quảng Nam hay cãi, Bình Định hay co, Quảng Ngãi đôi co... Có lẽ Võ Phiến chịu ảnh hưởng ít nhiều tính đối co của người Bình Định nên văn chương ông trở thành vô tận. May mắn là Võ Phiến càng viết càng bớt dài dòng. Nếu Ngũ Tử Tư sống lại, đọc xong *Đêm Xuân Trăng Sáng* có thể đầu sẽ bạc huê râm, nhưng trong *Thư Nhà* lối viết của Võ Phiến càng về sau càng gọn ghẽ.

Trong *Thư Nhà*, nụ cười của Võ Phiến càng hiu hắt, đắng cay. Và hành văn chìm lắng, hững hờ, chán nản :

Chiều vẫn còn mưa nửa trời. Những con én chiều bay lè đã lặn mất vào bóng tối. (tr. 149)

Tác phẩm chấm dứt với giọng nói tắt ngấm trong bi quan, uể oải.

Võ Phiến là một nhà văn bi quan, bi quan đến cái độ có thể cười cợt với tất cả phần tàn nhẫn của số mệnh. Nụ cười của Võ Phiến không có gì chua vắn nổi, và nói theo Hegel nụ cười là ký hiệu một sự đau khổ đến cùng cực, đã vượt quá giai đoạn nước mắt. Khóc than nguyên rủa là vẫn còn ít nhiều luyến tiếc một trật tự nào đó, khi con người bắt đầu cười với chính mình, cuộc đời không còn một trọng lực nào hết như lúc

nhân vật Julien Sorel của Stendhal mỉm cười trước khi lên máy chém.

Võ Phiến viết đều tay, viết đứng đắn. *Thư Nhà*, qua cái dài dòng của đoạn đầu là một tác phẩm ý nhị, kín đáo, đau xót. Võ Phiến là một nhân chứng thời đại, muốn chế riếu cả thời đại lẫn vai trò nhân chứng của mình, chế riếu bằng một nụ cười lạnh lẽ. Và bên kia nụ cười, cuộc đời không còn gì nữa cả.

Đặng Tiễn

Đà Nẵng 16-6-63

HÔN LỄ

truyện của

HOÀNG NGỌC TUÂN

- Sau 8 tác phẩm đã đều đặn xuất bản từ ba năm nay, quyền truyện mới này của Hoàng Ngọc Tuấn nói đến tình yêu dưới những dáng vẻ quyến rũ nhất; với một bút pháp trẻ trung, thi vị, lời cuốn; cùng những ý tưởng độc đáo, táo bạo và bất ngờ.
- HÔN LỄ, tác phẩm dành cho mọi thanh niên thiếu nữ độc thân trong thời đại mới, đang băn khoăn giữa tình yêu mơ mộng và thực tế, giữa ước muốn tình nhân và ước muốn vợ chồng.
- Đối với độc giả thường đọc giải phẩm Văn, HÔN LỄ là một tác phẩm gây thích thú nhiều hơn nữa vì tính chất mới mẻ: Trong số 7 truyện của Hôn Lễ này, chỉ mới có 2 truyện là đã đăng trên Văn.

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

võ phiến

trích văn

Xem Sách

Chàng nhôo dậy, hạ lưng ghế xuống thêm một bậc nữa. Rồi xoay người lại, nằm thử. Bấy giờ thì thật là hoàn toàn thoải mái. Chiếc ghế vải này vừa vặn lắm.

Ở hè nhà, phía ngoài đường lớn, có tiếng rắc rắc đều đều của chiếc tông-dơ hơi tóc đang hoạt động. Người thợ đặt một bàn làm việc nhỏ ngoài hè. Còn phía bên này thì có cái hẻm lát gạch tử tế, hẻm vượt qua nhà chàng là tịt : một ngôi nhà chặn bít nó lại. Ngay trước nhà ấy có chum nước, lâu lâu nghe có tiếng người ra chum múc nước rửa ráy. Tất cả những tiếng động ấy, những hoạt động ấy, đều ở bên ngoài. Tất cả chỉ có củng cố thêm cảm tưởng an toàn của chàng. Chàng hoàn toàn được an toàn lúc này, không còn ngại ngò gì nữa.

Bên ngoài trời lại vừa đổ mưa nặng hạt nữa. Càng tốt. Như thế càng tăng thêm cảm tưởng an toàn. Không nghe tiếng mưa rơi, nhưng khi mưa đã đủ nhiều thì nước từ máng xối đổ xuống lách tách. Chàng đánh diêm châm thuốc. Hút cho ấm, ngả người trên ghế vải, trong một gian phòng đóng cửa thật kín, gian phòng của chàng, bên cạnh kệ sách, chiếc giường, và những áo xống của chàng mắc trên vách...

Trong tấm gương ở mặt tủ, chàng chợt thấy phản chiếu đầu chàng, ngậm pip. Trong gian phòng lơ mờ cái đầu thiếu chi tiết trông quả là giống bức họa của Liêu Hà vừa trông thấy ngoài hè phố. Họa sĩ Liêu Hà là bạn chàng từ ba mươi năm. Hắn ta đã theo dõi khuôn mặt và đầu chàng từ lâu. Trong ba mươi năm,

tùy theo các phong trào nghệ thuật kế tiếp nhau — ấn tượng, siêu thực, lập thể, vô hình dung, trừu tượng v.v... — hẳn đã vẽ nhiều đầu và mặt chàng, khi thì theo lối này khi thì theo lối khác.

Còn chàng, đầu phải vừa. Thoạt tiên, khi mới có thơ đăng báo lai rai, chàng lựa cơ hội đưa ra tấm hình đẹp trai nhất của mình. Cái hình trong đó chàng ăn mặc chỉnh tề nhất và mỉm cười. Về sau, chàng thích được chụp hình với mấy cuốn sách trên bàn. Trên ba mươi tuổi, hồi đó chàng đã vững chỗ ngồi trên thi đàn, tâm hồn đã chín chắn hơn, chàng ăn mặc tự nhiên có chút cầu thả : thường thường chỉ có sơ-mi, không cà-vạt ; gương mặt có nét suy nghĩ thường xuyên. Đến lúc chàng bắt đầu mang kính trắng và hút píp thì Liêu Hà đã kiểu thức hóa cái đầu chàng một cách tài tình bằng ít nét đơn sơ. Trông qua, nhận ra ngay chàng. Điều quý báu hơn nữa là còn nhận được kẻ có khuôn mặt ấy phải là một nghệ sĩ đang có nhiều bản khoản trước cuộc đời. Hai con mắt với cặp kính tròn xoe thao láo nhìn vào một nỗi hoang mang đáng hãi. Đó là chàng, mà đó cũng là một nghệ sĩ nói chung của thời đại, là một biểu hiệu đẹp để dùng chung cho cả giới. Chắc hẳn vì thế mà hình vẽ của Liêu Hà được phổ biến rộng rãi nhanh chóng lắm khi được dùng như một hình trang trí ở mục thi ca các tạp chí. Dần dần, đối với đa số độc giả nó không còn là khuôn mặt chàng, khuôn mặt của một ai nữa; đó là khuôn mặt nghệ sĩ. Chẳng bao lâu, đó sẽ là khuôn mặt của Nghệ thuật.

Ban chiều, lúc đứng chân bên một hàng sách lộ thiên ở đường Lê Lợi, chàng trông thấy cái đầu kiểu hệ thức hóa của mình trên bìa một tờ báo. Đây có vẻ một tờ nội san, ruột in roneo, nhưng bìa in màu tử tế. Trời mưa lác rác, chủ hàng phủ lên sách một tấm ni-lông. Qua tấm ni-lông cũ lấm tấm nước, chàng đứng nhìn khuôn mặt mờ nhòe của mình một lúc.

Không ai biết; người chủ hàng sách, những người qua lại, những người mua sách loay quanh bên cạnh chàng, không ai biết, không ai nhận ra liên hệ giữa chàng và cái hình vẽ trên bìa báo nọ, tuy hình vẫn giống chàng. Rất giống, nhưng giữa một bức chân dung đẹp với một thi sĩ trên năm mươi tuổi già, dưng chiếc

xe gắn máy bên lề đường, dạo xe n sách lộ thiên, mưa rơi trên mái tóc bạc. Một bên đi vào thế giới những trau tượng không suy suyển của nghệ thuật, một bên đang chịu những khốn đốn của một thế xác nặng nề đến thời hủy hoại.

Nhìn khuôn mặt mờ nhòe của chính mình qua tấm ni-lông che mưa, chàng đã nghĩ đến những điều ấy. Chàng cũng nghĩ đến tất cả lòng vòng dài dằng dặc của con đường gian nan đi tới vinh quang, những lo lắng, mưu mẹo, những xung đột, va chạm, những thất bại dọc đường. Dĩ nhiên không có quyền lực nào có thể bắt được chàng đi lại con đường đó, không ai đi lại con đường đời mình hai lần, tuy vậy nghĩ đến chàng vẫn ngại. Dĩ vãng như một công trình quá lớn lao, chàng không đủ sức chịu nổi một ý nghĩ về nó nữa.

May thay, chàng đã nằm trong phòng, gian phòng của chàng. Chàng hút thuốc. Và khói thuốc bay lên trong phòng chàng, thông thả, điềm tĩnh, yên ổn hơn bất cứ bay ở đâu. Chàng đã ở bên những cuốn sách xếp trên kệ, vút trên bàn: đó là những thứ hết sức hiền lành. Bốn mươi năm gần gũi đã cho chàng biết chắc chúng không thể làm gì bất ngờ. Bên cạnh chúng, chàng tha hồ yên tâm.

Chàng chỉ yên tâm được bên lũ sách mình. Không thể yên được ngay cả ở những tiệm nước ba tàu, nơi mọi người vẫn tự do đến tiêu phí thời giờ thừa thãi, tự do ngồi dựa vách lơ mơ hàng giờ, khạc nhổ v.v...

Chàng vào một tiệm như thế. Bàn bên cạnh gọi hai ly cà-phê sữa. Chàng vẫy bồi bàn lại: một chú nhỏ béo bự, con mắt bên trái mang một cái bấu sưng vù bằng quả cam. Mắt bên ấy bị híp mất, có lẽ từ nhỏ. Hứa hẹn, nghiêng người xuống (chàng có tính gọi món ăn món uống giữa chỗ đông người bao giờ cũng kín đáo, nhỏ tiếng). Chàng dặn: một tách sữa nước sôi, cho vào một chút cà-phê, ngần này. Chàng dùng hai ngón tay ra dấu cho hắn thấy rõ: chỉ có một xíu. Dứt lời rồi, chàng lại thêm: « Một tí tí, cho sữa khỏi tanh thôi. Tôi không chịu được cà-phê nhiều: nhưc đầu ». Chàng vỗ nhẹ vào trán, nơi chàng thấy nhưc đầu, rồi cười với chú bồi bàn.

Nghe xong, hắn ngẩng mặt lên, la lớn :

— Hai cà-phê sữa. Một sữa cà-phê !

Chàng nhào lên : nét mặt hắn ta tỉnh khỗ. Hắn đã quay sang phía khác. Tất cả sự cằn dạn tỉ mỉ của chàng bị đơn giản hóa một cách thô lỗ. Chàng cảm thấy bị phản bội. Sự cố gắng dài dòng thân mật của chàng bị hất gạt ra bất ngờ, hóa thành lỗ bịch, lăm căm. Không khí sinh hoạt trong tiệm đột ngột lạnh lùng, tàn nhẫn. Chàng thấy sự trống trải quanh mình, và không muốn ngồi lâu.

Trí chàng mãi không rời khỏi sự việc nhỏ nhặt vừa xảy ra. « Phải, chàng đã chôn vùi tới gây thân thiện. Chàng cần gì phải cắt nghĩa như thế về chuyện nhức đầu nhức óc ? Đó chỉ là do sự tử tế của chàng. Quá đáng với một chú bồi bàn. Thế mà hắn ta... ».

Cái lưng đầy mỡ của hắn, suông đuột từ trên xuống dưới, không eo. Con mắt, thoát người ta chỉ chú ý tới chỗ tàn tật lớn ở phía trái gác choán đầy khuôn mặt, không ai ngờ đến cái lún lỉnh nơi con mắt còn lại..

May thay, cuối cùng chàng lại trở về nằm trong gian phòng của mình, không một phiền hà. Tất cả mọi rầy rà, đều được trút bỏ lại ngoài cửa phòng, như người ta chùi đế giày trên tấm thảm để gạt lại những bùn đất trước khi bước vào nhà. Ở đây chắc hẳn không có một ai khác ngoài chàng. Một sự cô đơn ấm áp.

Giã từ cái dạ con của mẹ đẻ ra ngoài đời, con người vẫn luôn luôn mơ hồ nhớ về cái quê hương nguyên thủy của mình, nơi mình đã trải qua một thời cô đơn trong ấp ủ ấm áp. Một nghệ sĩ già, thỉnh thoảng ngắm nghía mấy nhúm tóc bạc óng ánh như cước của mình, cần được ngắm nghía trong khung cảnh an toàn như thế chứ. Một nghệ sĩ già không vợ, không con, không còn cha mẹ, không còn liên hệ nào với làng quê của mình nữa. Một nghệ sĩ già, sau ba mươi năm vất vả với những cảm nghĩ của chính mình, những đòi hỏi của kỹ thuật thể hiện, những khen chê của đời... Gian phòng, hãy tối lại một chút cho gần với cái âm u trong lòng mẹ thuở nào.

Hai lần bút chiến trong đó có một lần bị thất lý, thua đậm. Một người tình ăn ở với nhau hơn ba năm bỗng bỏ chàng đi theo người khác. Hồi đó chàng mới ba mươi ngoài tuổi và không ngờ đến một trường hợp như thế. Sau khi cãi cọ xô xát, một mình quay về một xóm lao động bên Phú Lâm, chàng không buồn vào nhà, đứng lại xem mấy người đánh *boule*, bên một cây bàng to lớn, dưới đèn điện. Hàng ngày, trưa và chiều hai buổi đi về, chàng vẫn thấy mấy người đàn ông chơi cái trò ném những quả cầu sắt bằng nắm tay ở khoảng đất trống ấy, nhưng lúc này chàng mới có dịp theo dõi trò chơi của họ. Chàng đã xem họ đến một giờ sáng, rồi酣 chán, bỏ về nhà. Trằn trọc mãi không ngủ được, lại ra xem. Hai giờ, ba giờ, đến năm giờ sáng vẫn còn có kẻ chơi. Mỗi lúc mỗi ngạc nhiên, chàng không tưởng tượng nổi một trò như vậy có thể hấp dẫn người ta đến thế. Người chơi có vẻ chăm chỉ, không mừng rỡ, la lối, tranh cãi ồn ào; nhưng lặng lẽ theo đuổi suốt đêm. Và sáng ra — đèn điện ngoài đường tắt màu, rồi tắt — chàng lững thững vào nhà, người mỗi một bã ra, sự đau đớn trong lòng cũng mỗi một tê mê. Suốt ngày chàng nằm, thề xác và tâm hồn thấm thía, hiu hiu, trong một rã rời an ủi. Thế rồi chàng qua khỏi cơn khủng hoảng. Từ đó chàng nhìn những người lao động, giản dị và bền bỉ, trong trò đánh *boule* bằng cái nhìn khác. Gặp những nhóm người tụ nhau dưới bóng cây ở những khoảng đất trống, đó đây trong đô thành, ném bịch bịch những hòn sắt, một xúc động buồn bã dịu dàng khuấy lên trong lòng mà chàng không nhớ ra mối liên hệ mơ hồ nào giữa chàng với quang cảnh ấy...

Hai lần bút chiến. Một lần người yêu đã sống với nhau gần như vợ chồng bỗng bỏ đi. Và lần khác đánh nhau với bạn bè trong tiệm ăn, một miếng chai vỡ cắt đứt gân đầu gối tưởng chừng đến mang tật suốt đời (thực ra đến bây giờ chàng hãy còn nhận ra cái sẹo rõ ràng, dờ sờ bên ngoài lớp vải quần py-jama). Nhưng tệ hơn cả là hôm đó chàng có vẻ bần thiêu quá; báo chí thuật lại om lên, mô tả chàng bị trút cả tô phở lên đầu, thịt và bánh phở dính đầy tóc tai, lọt vào tận bên trong áo, mặt mũi bỗng vêu lên, mình mẩy ướt bầy nhầy.

Một lần người yêu bỏ đi. Một lần đánh nhau với bạn. Rồi lại những hôm ngồi ở tiệm nước bên rạp V. H. chờ mãi, chờ mãi, cô bạn gái không đến, bàn chân nóng nẩy của chàng thịch thoảng đá phải cái ống nhỏ bằng nhôm dưới bàn, khua ồn một tiếng đáng ghét.

Những hôm chờ bạn gái không đến. Rồi một lần, sau tập thơ thứ ba, bằng đi năm năm chàng không in được tác phẩm nào nữa. Và văn giới đồn đãi, đọc giả nghi ngờ, và chàng đâm hoang mang.

Nhưng rồi thi phẩm thứ tư lại ra đời sau đó, rồi cuốn thứ năm, thứ sáu v.v... để cho chàng thành hẳn một thi sĩ địa vị vững vàng như ngày nay.

Những cô bạn gái lỗi hẹn, những bài thơ ra đời khó khăn, những lần kẹt xe ở bắc chờ đợi suốt ngày, những bận đau ốm, có khi nằm ở đồn điền một người quen cả tháng, buồn chết người v.v...

Đề tiến cho tới cái tuổi già năm mươi, trời ! Phải trải qua quá nhiều sự việc, nhiều khổ, nhọc nhằn... Quá nhiều, kể từ cái thời chàng còn sống với bà cô, sau mỗi bữa cơm trưa bà pha một ly nước trà, bắt chàng mang đến một cây tăm, bà kê gối nằm xĩa răng chờ nước nguội ; và bao giờ ly nước cũng không kịp nguội trước khi bà ngủ, ngậm nguyên cây tăm mà ngủ. Những ly nước nguội chậm chạp như thế rồi chiều đến phải đổ tạt ra sân cả, mỗi năm đổ đi ít ra cũng ngót ba trăm rưởi ly nước như thế. Từ cái thời xa lắc xa lơ ấy đến giờ, tóc chàng nhiều sợi bạc, bao nhiêu là sự việc nhiều khổ...

May là rồi cuộc chàng lại nằm được trong gian phòng, của chàng.

Ở đây, có thể hoàn toàn yên tâm.

Vâng, chỉ có sau cánh cửa phòng mình chàng mới yên tâm thực sự.

Bước ra một bước, ai biết được sự bất trắc gì đang chờ mình ?

Cách đây nửa giờ, một cậu bé vừa làm khổ chàng. Chiếc xe gắn máy của chàng không chịu nổ. Nó đã bị đứng ngoài mưa lâu quá, bu-gi lạnh chẳng, hay bu-gi bẩn, đóng khói chẳng? Bất quá vậy là cùng, chàng nghĩ thế. Mở nó ra, cạo cạo mấy cái là xong. Nhưng chàng không có khóa mở bu-gi, chàng đánh mất từ lâu. Ghé vào một cửa tiệm sửa xe, chàng nghĩ nên nói ra sự nhận xét của mình để giúp người ta chữa cho nhanh. Nhưng cậu bé nhiều tự ái quá, coi như chàng muốn xen vào chuyên môn của nó. Mặt nó lạnh như tiền, nó làm như không nghe thấy tiếng chàng nói. Nó ngoe ngoáy tháo cái ốc này, giật sợi dây kia, lung tung. Thằng nó đáng là đứa con thứ năm thứ bảy của chàng, nếu chàng có con. Thế mà trước thái độ của nó, ít ra sao chàng không ngồi yên, mặc xác nó cho yên chuyện. Chàng sợ cái không khí lạnh buốt vì căng thẳng quanh sự lẽ loi của chàng lắm sao? Chàng tiếp tục mấy câu thân thiện làm gì cho nó cắt ngang một cách mất dạy?

Đã vậy mà trước khi ra đi chàng còn tìm một câu nói nịnh cho nó cười được một cái mới yên lòng. Có phải vì mưa đổ rỉ rả hoài suốt cả buổi chiều, một mình ngồi mà không chờ đợi một ai cả ở vỉa hè, cảnh ấy gây ra sự lo âu vu vơ? khiến chàng nài nỉ thân thiện?

May cho chàng, bây giờ thì mặc kệ, mưa cứ tha hồ rả rích trên đường sá đô thành, chiều xuống cứ tha hồ buồn ở các đầu đường, xó chợ, vỉa hè... Chàng đã yên vị trong gian phòng, của chàng.

Một thi sĩ năm mươi tuổi già có dư, mặc dù có một bà cô hay ngủ tỉnh trong buổi ấu thơ xa tít tắp, mặc dù có tỏ phở hất vào người trong cuộc xô xát với bạ bè, mặc dù năm lần mười lần trực trặc trong chuyện yêu đương, mặc dù bao nhiêu ngồn ngang phiền lụy... rồi cuộc vẫn có thể về phục vị, cố thủ trong một gian phòng với lũ sách; và tìm thấy an ninh hoàn toàn. Thật là huyền diệu. Đây là tường đồng vách sắt, là thành quách, là thâm cung của chàng.

Nằm trên ghế vải, chàng với tay lấy cuốn *Tơ tình* của Dư Hoài Nhân. Cuốn sách này chàng vừa ý lắm. Hôm nào chiều chiều, chàng cũng thích xem cuốn này.

Một gian phòng thật là của mình, với những cuốn sách thật quen thuộc: không có gì an ủi hơn.

Chàng bắt đầu lật. Trang 164. Có thể ngừng ở đây được. Vâng, được lắm. Trang này thật là hấp dẫn. Ở góc bên trái phía dưới trang sách, một chữ O nhoèn cười, vui ra phết. Nó chú ý đến chàng hay chàng chú ý đến nó trước tiên? Dù sao cũng thích: hôm nào cũng gặp lại nó. Cái chữ O này lâu linh lắm nhà.

Giữa trang, một chữ N ngúc nga ngúc ngắc. Nó làm như vậy gọi chàng thật gấp. Phải đến ngay với nó chớ. Nó lại làm như dây dằm đâm. Im nào! Nó vẫn còn như là run. Chàng biết: vờ thể chữ run gì!

Lũ chữ đến hay. Chàng biết chúng nó hết mà. Biết kỹ mà. Chúng giở trò gì ra, chàng đều biết tất. Chàng yêu chúng, như một bà góa không con yêu lũ mèo quanh quẩn trong nhà.

Ngưng lại với chúng một lát rồi chàng lật đến trang 268. Đây mới là chỗ nghỉ ngơi lâu. Mọi hôm chàng vẫn thành thói ở đây hàng giờ. Chàng ngắm một bức hình, một phụ bản, của họa sĩ Liêu Hà. Chàng nhận nha ở đây. Trong tranh có một khoảng rừng, có chim, một đàn chim bay đi bay lại. Chàng theo dõi chim bay. Chàng để ý có con bay đi mất, chớ mãi không thấy trở lại. Chàng chịu khó chờ rất lâu, nhưng vô ích. Điều ấy khiến chàng hơi lo lắng.

Trong tranh có đám người khá đông, cãi cọ, dúi kéo nhau. Cứ một người ráng sức lướt tới được một chút lại có người túm kéo giật lùi (Nếu không, chẳng mấy chốc cả bọn sẽ biến mất hết về góc bên phải, phía trên). Thi sĩ nhận ra một hình dáng quen quen. Chàng đưa hình lại gần mắt hơn tí nữa, nhìn kỹ. Người nọ bỗng ngoảnh mặt lại thành hình. Chết cha! Chàng vội ngó tránh đi, nhưng e không kịp. Lính mục X..., ông ta làm gì ở đây? Rõ ràng người ấy là lính mục X..., đeo kính trắng, cái *soutane* của ông bị kéo rách mất một vạt. Hình như hôm ông ta mấp máy nói gì ời ời, ông ta kêu nói gì vậy? Với chàng chàng?

Rút kinh nghiệm, thí sĩ không dám đưa hình sát gần nữa. Tuy vậy rồi một lúc sau chàng vẫn nhận ra một người quen nữa trong đám đông. Một cô giáo. Cô mặc áo Tàu, hở cả cánh tay. Cô giáo cũng bị đẩy tới đẩy lui, cũng múa may náo nhiệt như những người khác. Và đến một lúc, chàng tự bắt gặp mình có ý rình chờ lúc cô giáo giơ cao cánh tay lên, để xem nách cô ta, xem thử...

Chàng toan xấu hổ, nhưng kịp nhớ ra là mình đang tuyệt đối an toàn trong phòng mình. Chàng có thể tự do. Chưa bao giờ chàng thấy mình được sung sướng hơn.

10-1966

Võ Phiền

TIN VUI

Được tin mừng cô TRẦN THỊ NGUYỆT HỒNG
tức nhà văn TRẦN THỊ NGH.
làm lễ thành hôn với anh NGUYỄN HOÀNG NHÀN
ngày 13 tháng 7-1974 tại Sài Gòn

Thành thực chúc mừng tân lang và tân giai nhân
trăm năm hạnh phúc.

Thanh Tâm Tuyền
Mai Thảo

võ phiến

trích văn

Cái Còn Lại

Năm đó chàng độ hăm lăm hăm sáu tuổi. Không chừng đến ba mươi cũng nên. Chàng không nhớ rõ : vào khoảng từ hăm sáu tới ba mươi. Một đêm đầu tháng chạp mẹ chàng trở bệnh. Hai giờ sáng, chàng lấy tờ báo chiều hôm trước ra tìm bác sĩ trực.

— Đường Võ Di Nguy, số chừng ấy, khoảng nào nhỉ Số lẻ, phía bên nào nhỉ.

Cả nhà không ai nghĩ ra. Một danh từ, một con số, không có gì đặc sắc cả, không ai để ý đến, không ai có một ý kiến gì hết.

Khi chiếc tắc-xi ngừng, chàng nhận thấy phòng mạch này cũng có vẻ quen quen, chàng đã đi ngang qua nhiều lần (vả lại ai chẳng nhiều lần đi đường Võ Di Nguy ?).

Thủy đở mẹ xuống xe. Chàng bấm chuông gọi. Đây là lần đầu chàng đến phòng mạch ban đêm. Trước nhà, dưới ô-văng, có một ngọn đèn đặt trong hộp kính mờ, bên ngoài vẽ dấu chữ thập đỏ. Ánh sáng lãnh đạm, buồn hiu. Năm ba con vật li ti có cánh bay lượn vờn. Một con thằn lằn rình trên vách, gần đấy. Làm sao biết có người thức nghe tiếng gọi của chàng vừa rồi ?

Chàng ngần ngại, rồi bấm chuông lần nữa. Một ngọn đèn khác, cũng bóng đục, nhỏ bằng quả bóng bàn, bật sáng ngay phía trên cửa sổ. Bên trong đã trả lời.

Lát sau người y tá mở cửa, mời vào. Lại chờ đến năm phút nữa là ít. Phía trong phòng việc của bác sĩ, người y tá đi lại, mở đèn, khua động. Bên ngoài, chàng nhìn vợ vẫn từ tấm lịch

đến mấy bức tranh cũ trên vách. Vách bầu, đã quá lâu không quét vôi lại. Căn phòng có vẻ không được săn sóc.

Viên bác sĩ lặng lẽ làm việc, hỏi rất ít, nói rất ít, dáng điệu mang nặng giấc ngủ. Ông chích cho mẹ chàng một mũi kim, pha trộn bằng hai thứ thuốc. Ông ta nói với cô y tá vẫn tắt, thấp giọng một cách biếng nhác, thiếu cố gắng. Nhiều lần ông phác một dấu hiệu nhỏ thay cho lời nói. Họ hiểu với nhau. Không phải viên bác sĩ làm việc không cần thận. Lúc ngồi viết toa thuốc cho mẹ chàng, ông ta có lần ngừng lại để nghĩ ngợi, đắn đo. Ngón tay trỏ của bàn tay trái, một ngón tay to lớn đè lên cánh mũi, ấn xuống, buông ra, rồi ấn xuống. Mẹ chàng bận bịu với các khuy áo trong áo ngoài phải cài lại. Thủy và chàng theo dõi ngón tay bác sĩ trong giây phút trở thành nghiêm trọng. Cô y tá nhìn nét mặt chàng, chia xẻ sự lo lắng.

Có lẽ vì sự lo lắng ấy, vì một ngón tay đã ấn trên một cánh mũi đồ sộ của viên bác sĩ, cũng có lẽ vì là một cuộc khám bệnh hai giờ sáng, vì là một cơn bệnh hiểm hoi, cho nên mẹ chàng được cô y tá đưa ra tận lễ đường. Khi chiếc tắc-xi rồ máy, gài số, sắp chạy, chàng nghe cô ta đập gọi ngoài hông xe. Chàng vội mở cửa ra, để được chỉ cho thấy một ché áo dài của mẹ chàng bị kẹt vào cửa xe, ló ra bên ngoài. Chàng nói cảm ơn, cô y tá quay vào không kịp nghe.

Sáng hôm sau chàng lại trở lại phòng mạch. Cô y tá ngồi một mình ở phòng khách, lom khom đưa móng tay. Vóc người rắn chắc, tròn trịa, đẹp. Nước da không được sáng, hai cánh tay phơi trần ngoài tay áo *blouse* có nhiều lông, không phải thứ lông tơ yếu ớt mà là những sợi lông đen khá dài. Nhìn vào mặt, chàng nhận thấy lông mày của người con gái cũng mạnh mẽ, rậm rạp. Hình như trong dòng dõi cô ta có pha một chút máu Ấn Độ? Có lẽ vì vậy nên cô ta có cái mũi tuyệt khéo, sống mũi cao hơn mũi phần nhiều người Việt Nam.

Cô ta vội hỏi: « Cự không bớt đau sao ông? » — « Bớt. Có khá. Nhưng có một thứ thuốc trong toa tìm mua không được. Tôi xin bác sĩ đổi cho thứ khác. » — « Ông chờ tí. Bác sĩ chưa đến » — « Trục một đêm, mỗi một, cô đến sớm nhỉ. » Người con gái mỉm cười, cúi xuống móng tay. Một bà giúp việc, độ trên

bốn mươi, mặc tạp-dề xanh, từ phía sau đi ra trước nhà, băng ngang qua phòng khách. Một lát rồi lại trở vào, băng qua phòng khách, đi luôn vào một phòng nào ở sau.

« Cũ được sáu mươi chưa... ? » Chàng đáp: « Có lẽ chưa tới đâu cô, tôi không nhớ rõ » — « Trông cụ có vẻ yếu đuối... Cô đi đỡ cụ đêm hôm đó là... » — « Cô đoán coi là gì với tôi ? » Người con gái nhếch cười nhưng không nói gì, vẫn cúi xuống móng tay, chờ đợi. Chàng hỏi: « Cô trông nó giống tôi không ? » — « Nếu không giống tôi đã không hỏi. » — « Đàn bà con gái ý tứ thật. Bọn tôi, cứ... thắc mắc là hỏi liền ! » Hai người cười với nhau ; chàng cười xòa, còn người con gái thì hưởng ứng lặng lẽ.

Cô ta hỏi tiếp: « Em kè ? » — « Kè như kè. Nó có con chi, mất từ nhỏ. Chắc nó cũng một tuổi với cô ». — « Cô ấy năm nay bao nhiêu ? » — « Mười chín. » Một chiếc xe chở gạch vừa chạy ngang qua trước nhà, cô y tá không nghe được tiếng chàng nói. Cô ta ngẩng đầu, hơi nghiêng mặt về phía chàng, nhưng mắt lên, nhưng riêng con mắt phía chàng, làm cho vòng mí bên ấy vươn lên cao, cong vòng. Cử chỉ thay thế một câu hỏi tỏ ý bảo chàng lặp lại câu nói vừa rồi. Cô ta tự cho phép một sự thân mật bất ngờ. Con gái khi phải đi bước trước, họ cũng đi một cách tài tình, kín đáo.

Một lát sau, khi viên bác sĩ đến, thì chàng đã kể cho cô gái biết chàng đang theo học ở đâu, tuần trước chàng tập như đạo bị treo xương như thế nào, và cô ta đã kịp nói cho chàng biết cô sắp thôi làm việc ở phòng mạch này, cô không phải là y tá, không biết thuốc men gì cả v.v...

Chàng nói bác sĩ xong, trở ra, phòng mạch vẫn chưa có thêm người khách nào. Cô y tá đứng vịn tay lên cửa nhìn theo chàng. Gọi được xe, chàng dơ tay chào, cô ta yên lặng cười, không làm dấu gì để đáp lại, nhưng tiếp tục cái nhìn săn sóc cho đến khi xe chạy.

Về nhà, chàng bắt đầu tần mẩn đề ý đến vài vấn đề: phòng mạch này không phải là nhà ở, chỉ là một căn phố nhỏ thuê để tiếp khách, viên bác sĩ đến đó để khám bệnh rồi về, vậy những đêm trực chỉ có một ông với cô y tá, họ ở lại như thế nào ? cô ta là gì đối với viên bác sĩ ? một cô em họ ? một cháu gái ? một

người giúp việc? Điều này có liên quan gì tới quyết định thôi việc của cô ta? Và chàng với cô ta sao gần nhau dễ dàng, giản dị quá, việc hai người sẽ thân nhau không có gì tự nhiên hơn, như không sao tránh được.

Nhưng không phải mỗi lúc người ta mới có dịp đi tới phòng mạch bác sĩ.

Một hay hai tháng sau, mua đôi giày ở một tiệm gần đấy, chàng sức nhớ, ghé vào xem thì quả phòng mạch đã có cô y tá khác.

Từ đấy căn phố nhỏ có chữ thập đỏ trên hộp kính mờ ấy trở lại lặn vào trong đám đông vô danh của nhà cửa đô thị. Chàng đi qua đi lại không chú ý đến nó, không nhớ gì về nó nữa. Nó lại trở về gia nhập vào những cái nhàm chán của cuộc sống thường nhật. Không ai có thể lưu ý đến từng ngôi nhà bên đường đô thành. Đường Võ Di Nguy, số lẻ, phía nào nhỉ? Cả nhà chàng lại không ai nhớ ra.

Có lần độ chừng một năm sau đó, ở ngã bảy Chợ lớn, đường bị kẹt vì một đám ma lớn kéo đi chậm chạp, chàng dừng xe ở đường này trông thấy một người con gái mặc chiếc áo vàng, tay xách chiếc giỏ mây, đi bên cạnh một người con gái khác, vừa đi vừa nói cười, cả hai tiến sâu vào một ngõ hẻm. Trông như họ vừa đi chợ về. Chiếc giỏ có vẻ nặng, cô gái hơi nghiêng người nhưng bước đi vẫn nhanh. Chàng nhận ngay cô « y tá » năm trước, và đột nhiên nhận rõ mỗi cảm tình của mình đối với cô ta. Chàng nghĩ đến một chi tiết chưa bao giờ nhớ tới. Từ hồi ấy đến giờ: lúc viên bác sĩ vào phòng mạch, cô ngừng câu chuyện đang nói với chàng, đứng lên, chợt bắt gặp mắt chàng đang nhìn vào cánh tay cô. Cô ta nhoèn cười lấy bàn tay kia xoa mấy vòng lên cánh tay bị nhìn. Nhiều sợi lông rơi tại, rồi bung ra. Cô ta ngượng vì những sợi lông ấy hay hãnh diện chúng? Chàng nghĩ: cô không nên ngượng ngịu, hãy cứ để yên thế, chúng nó kích thích.

Những cuộc gặp gỡ như thế không soi sáng, không giải thích gì thêm cho nhau. Chúng chồng xếp lên nhau, không liên hệ.

Bây giờ là ba mươi năm sau. Cuộc sống thường nhật càng đầy đầy những cái vô danh mù mịt, lu lút, nối nhau kế tiếp lướt qua đời chàng, không một khía động. Một buổi sáng, bỗng nhiên chàng nhớ đến cô y tá đêm nọ ở phòng mạch một bác sĩ trực.

Bây giờ mẹ chàng đã qua đời trên mười lăm năm, tóc trên đầu chàng mười phần bạc đến bảy tám, và rụng mỗi ngày một nhiều, phơi lộ những khoảng da đầu láng bóng.

Bây giờ, sau khi chàng có một người vợ thứ nhất, người ấy chết vì một mọt độc sau lưng, đưa con lớn đăng lính, lấy vợ, ở lại ngoài Bắc, không tin tức, không buồn liên lạc với chàng, đưa con gái kế lấy chồng làm thợ sửa máy thu thanh, sau khi chàng có người vợ thứ hai, người này gian díu với một thằng bạn khiến chàng nhúng tay vào một vụ sát nhân, sau khi mất tù về, ngán ngẫm chuyện vợ con, xế chiều chàng tình cờ gặp người đàn bà luống tuổi hiện đang ăn ở với chàng.

Bây giờ khi hầu hết những hy vọng, dự định về cuộc đời của chàng đã tan vỡ hết, trong một trăm điều dự tính có chín mươi chín điều sụp đổ, chàng sinh sống bằng nghề chăm nom vườn hồng ba mươi tám giống của một người chủ Huế kiều, thỉnh thoảng có dịp hưởng chút hãnh diện nhỏ nhất khi được thi thố một vài hiểu biết chuyên môn. Một buổi sáng trời kéo dài một trận mưa lơi thôi sùi sụt, ngồi buồn với tờ nhật trình cũ ngày hôm trước, bỗng nhiên chàng sức nghĩ tới những gì loáng thoáng xảy ra giữa chàng với cô « y tá » nọ, chàng, ngót sáu mươi tuổi đầu, và cô con gái mười chín.

Giữa khoảng cách từ sự việc loáng thoáng xảy ra đó đến ngày nay chàng đã ba lần vào dưỡng trí viện (lần sau cùng ở mãi hai năm rưỡi, tưởng không khỏi điên), chàng đã đến tội bốn năm ngoài Côn lôn, sáng sáng cùng đoàn tù nhân khổ sai nối đuôi nhau trên con đường trải nhựa độc nhất trên đảo, lặp lại muôn lần như một cuộc hành trình duy nhất suốt năm này qua năm nọ từ lao xá đến rừng, về chiều đến lại nối đuôi thả bộ mười cây số trở về chỗ nằm của mình, chàng đã tự tử hụt một lần.

suýt chết về bệnh lao phổi một lần v.v..., và ngày nay, một buổi sáng trời mưa, trong không gian kéo dài một điệu hát nhào nhào nhoẹt từ một máy thu thanh nào phát ra, chàng bỗng nhớ đến sự việc nhỏ nhất, loáng thoáng ấy.

Ngày nay sáu mươi tuổi già, đầu tóc mười phần bạc đến bảy tám, ngồi một mình với tờ nhật trình cũ và tách cà-phê ba đồng nhấm nghe chua chua, chàng chợt thấy lại sự việc cũ ; giống như một hôm, trưa nắng, một người đứng trên miệng giếng cúi nhìn xuống lòng giếng quang tĩnh chợt trông thấy cả đáy cát trắng, thấy một mẩu dây dừa, một chiếc gàu rách đứt giây nằm đó từ năm nào, thấy chiếc gương con bỏ túi của chị Hai bị tuột rơi hồi chị còn giúp việc trong nhà (bây giờ chị đã có chồng có con, đi làm ăn phương xa), và lẫn lộn giữa những thứ ấy là một món đồ chơi bằng nhựa (một chiếc máy bay, một chiếc xe hơi...) chính ta đánh rơi năm xưa. Hóa ra những cái ấy vẫn còn, còn cả, được giữ ở một nơi nào đó, giữ bầu như y nguyên mà vô dụng. Để một buổi trưa quang tĩnh, ta tựa hồ nheo mắt nhìn, ngắm nghía.

Chàng ngồi với tách cà-phê chua và nguội, bên kia đường, trong một gian nhà cửa đóng, từ bên trong lọt ra qua các khe lá sách ánh đèn vàng cách của một bóng điện độ bốn chục nến thấp suốt ngày. Cái ánh đèn bất động và ngoan cố ấy... À, đó cũng là ánh đèn chàng bắt gặp buổi sáng năm xưa, trong lúc ngồi nói chuyện với cô gái (vốn không phải là y tá), ở phòng mạch, mắt thỉnh thoảng nhìn sang căn nhà sát bên cạnh. Có lẽ đó là ngọn đèn chong trong kho chứa hàng của một tiệm tàu.

Trời, một ngọn đèn vàng cách tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đầu đó nơi chàng suốt ba mươi năm.

lê văn ngân
hàn dã thảo

Xuyến Và Vĩnh Biệt

Gởi Bưu Ý

giờ gặp lại nhau chắc Xuyến sẽ không nhìn ra tôi nữa
mười năm con đom đóm nơi khu vườn xưa
đã tắt hết ánh sáng
và người đàn ông đang bên Xuyến trong đêm mưa cuối năm
đang ở xa mùi trầm hương
đang ở gần cõi chết

phải bắt đầu từ quãng đường nào
để gặp đôi mắt Xuyến
đôi mắt mở to
đôi mắt lay động
đôi mắt những vì sao trời lạnh sớm
hồn áo rét mùa xuân đông

phải bắt đầu lại từ quãng đường nào
để gặp chiếc khăn quàng của Xuyến
chiếc khăn quàng tóc hương thời thiếu nữ
chiếc khăn quàng lướt qua đời ban mai như giải đèn đêm
... .. tại bờ lưu vực

giờ gặp lại nhau chắc Xuyến sẽ không nhìn ra tôi nữa
 chiến tranh đã vạch lên trái tim tôi nhiều dấu đỏ nát
 đến nỗi mắt tôi
 không còn nhìn ra vẻ đẹp
 như Xuyến sẽ không nhìn ra tôi

giờ gặp lại nhau chắc Xuyến sẽ không nhìn ra tôi nữa
 con đường đi qua cửa nửa khuya bao giờ cũng gần
 nhưng con đường đi qua dấu lửa bình
 sẽ xa vời như nước mắt
 như lời Xuyến nói trong gió
 như bước chân Xuyến vũng nước mưa trên sân trường như
 đôi guốc quai nhang đỏ
 như tiếng thì thầm vĩnh biệt

Lê Văn Ngăn

sáng thánh

Sớm mai em đi lễ về
 Dáng thơm lá cỏ nằm mơ hai hàng
 Em cười rưng rưng mùa trăng
 Hồ mơ nghe Thánh cũng thầm bước theo
 Hồn anh nghìn tiếng chuông reo
 Ngàn vang từ sáng đến chiều chưa tan
 Sớm mai em đi hàng hàng
 Biết đâu lá cỏ chưa vàng đêm nay
 Biết đâu trái ở trên cây
 Thương em cũng chín rưng đầy dấu chân.

Hàn Dã Thảo

vô hồng

Con Sơn Dương Bên Hồ Nước Ngọt

— Bắt đầu từ giây phút này chúng ta đang đi vào bán đảo. Hai bạn hãy hồi hộp đi. Vì nơi này có một giá trị lịch sử quan trọng một giá trị địa lý đặc hạng, và trong Tương lai khi Hòa bình vẫn hồi thì nó sẽ có một giá trị kinh tế vô song.

Đại úy Lực vừa nói to vừa ôm ghi tay lái, mắt chong ra đường trước. Thân xe lượn uốn vòng thật gấp, thật ngật qua những chương ngại vật nơi cổng gác. Thúc và tôi phải bấu chặt vào hông xe.

Những người lính ở trạm gác giơ tay chào và Lực giơ bàn tay trái lên đáp lễ. Trong khi xe vẫn không giảm tốc độ.

— Xin hai bạn đừng tưởng rằng vô đây dễ đó nghe. Dân sự như hai bạn cũng phải làm thủ tục rắc rối dài dòng. Khi mọi thủ tục đã hợp lệ đầy đủ, điều yêu cầu chót hết là bạn phải gửi căn cước của bạn lại trạm gác.

Thúc phản đối :

— Nếu phải gửi căn cước thì moa bỏ về ngay.

Phản đối hăng quá, Thúc thúc luôn cùi chỏ vào hông tôi. Lực cười hà hà :

— Thì xin mời bạn cứ về tự nhiên. Ai cấm ? Họ có năn nỉ xin bạn ở lại đâu ? Có nài mời bạn vô căn cứ đâu ? Uở lẹ. Làm như họ... Đủ mẹ thẳng chớ nào vác bỏ cái hòn đá chằm ầm ra giữa đường cái. Chơi nghịch cái kiểu Công gô gì lẹ vậy ?

Tôi lưu ý đến những luồng gió thổi thật mạnh, thổi phần phật lửa thẳng vào xe, mang đầy hơi nước mát. Xe lướt qua một cái cầu dài.

— Đây gọi là cầu Long Hồ. Do ông Thủ tướng Lộc khánh thành, năm nào mình quên mất.

— Có tới hai ông Thủ tướng tên Lộc, — Thúc nói.

— Ông Lộc sau.

Vượt qua khỏi cầu, xe chạy trên những con đường nhựa láng bóng thẳng tắp. Những khu doanh trại nằm từng dãy mang nhiều kiến trúc khác nhau. Có khi là những dãy nhà hai tầng bằng gỗ sơn màu xanh nhạt, có khi là những dãy nhà vòm tiền chế hình bán khuyên, trông như những con sấu khổng lồ. Có một số nhà gỗ đã ngã oẹp. Đại úy Lục liền có lời giải thích :

— Quân đội ta đến tiếp thu các cơ sở này của Mỹ để lại, nhưng quân số của ta ít không choán hết các ngôi nhà. Mà phạm nhà không có người ở thì mau hư hỏng lắm. Đã thế, có một số bị tháo gỡ ăn cắp. Ăn cắp vật dụng, ăn cắp ván lót, rồi gỡ cả mái tôn mà ăn cắp luôn.

Thúc :

— Tại người lính của mình nghèo.

Lục :

— Đó chỉ là một lý do trong nhiều lý do phức tạp khác. Như về tâm lý chẳng hạn. Nếu người cấp bậc lớn liêm khiết thì dù nghèo bao nhiêu, người cấp bậc nhỏ họ cũng cam chịu thiếu thốn một cách vui vẻ. Không có tệ nạn ăn cắp và nói láo nữa.

Xe chạy trên phi đạo. Đến nút cùng là bãi biển. Chúng tôi bước xuống xe.

Sóng vỗ ri rào ở mép một bãi cát bằng phẳng. Thúc bảo tôi :

— Bãi này gọi là bãi Dài. Có tài liệu nói rằng cá mập nơi vùng biển này là loại to nhất thế giới.

Thấy tôi đắm chiêu có vẻ hoài nghi, Thúc vội tiếp :

— Tôi chưa trực tiếp đọc tài liệu đó, nhưng đã nghe nhiều người có thẩm quyền kể lại.

Lục :

— Điều chắc chắn nhất là vùng này rất nhiều cá. Nguyên do vì khi quân đội Mỹ đóng nơi đây thì thuyền đánh cá không

được bện mảng tới. Cá tôm ở đây sống thành thoi, sinh sản đặc nước. Có một kỳ sóng đầy một bè ruốc lên bờ, ruốc nằm chếng lapa ngang chông chắt lên nhau dài đến hai cây số và đầy hàng tấc.

Tôi cười :

— Coi chừng ! Hồi đó bạn theo Sư đoàn đóng ở Ban Mê Thuột.

— Đúng. Nhưng lũ bạn làm cho cơ quan quân sự Mỹ ở đây mệt lại che mình biết. Và cũng do miệng của tụi nó mà mình biết rằng tụi Mỹ sử dụng đoàn cá heo để canh phòng hải cảng này. Tụi nó gắn máy điện từ vào trán con cá heo và thả cho nó bơi lội dưới nước. Nếu có người nhái của bên kia lộ dò lặn vô là được báo động liền. Hữu hiệu lắm. Chúng có là khi tụi Mỹ nó rút đi, mang đoàn cá heo đi về nước luôn thì lập tức người nhái bên kia xâm nhập. Vụ nổ kho đạn Alpha của Mỹ để lại với loại bom 500 ký nổ suốt đêm, người ta nghĩ...

Lục bỏ lửng câu nói. Chúng tôi lên xe và Lục đưa cho đi xem những nhà kho vĩ đại, những hầm chứa bom đạn, những máy phát điện khổng lồ, những dãy xe vận tải đậu ngút ngàn. Cứ tưởng tượng rằng khi quân đội Mỹ còn ở đây thì cái bộ máy chiến tranh mới khổng lồ làm sao.

Xe chạy theo con đường vòng quanh bán-đảo qua Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân, qua cầu tàu với những tấm bảng pier 3, pier 2. Xe vượt lên đồi, xe xõ xuống dốc. Những đồi cát mịn màu vàng thay thế cho những đồi cát trắng. Gió thổi làm gợn lượn tủa mặt đồi cát như làm gợn mặt nước. Tôi bảo Lục :

— Xin nhắc chừng ông Đại úy hào hoa là nhớ đưa chúng tôi đi tới Tiger Lake đó. Cứ nghe thiên hạ ca tụng cái hồ đẹp đó.

— Yên chí lớn. Chúng ta đang đi trên con đường dẫn tới hồ. Chỉ năm phút nữa thôi. Xe xuống con dốc này là tới Đồng bào mình gọi nó là hồ nước ngọt.

Y như lời Lục, khi xe tới đầu con dốc, nhìn xuống chân dốc thấy óng ánh mặt nước hồ. Xe hãm hờ lao đầu xuống, quanh sang tay trái, đậu cứng gác kê gổ một thân cây cao. Không khí chợt yên lặng, cái im lặng cao cả làm tâm hồn thốt nhiên hoang

đi lại gần Đoàn Chương. Mái tóc cắt ngắn bỏ lòa xòa à *la garçonne* rất hợp thời trang cách đây mấy năm bây giờ vẫn hợp thời. Màu da rám nắng khỏe mạnh. Tưởng mỗi chân lông chứa đầy muối mặn và đang thở ồn ào không khí của đại dương. Khuôn mặt tròn trặn no đầy với hai đường lông mày rậm đen vạm vỡ. Thật là mẫu người lý tưởng để hiện diện giữa sóng cát, trên bờ đại dương, miền đại dương nhiệt đới có nhiều ánh nắng và bóng dừa. Người đàn bà, — phải nói là con gái thì đúng hơn, vì tác không quá 25 tuổi, — đi lại gần Đoàn Chương nói nhỏ gì đó một hồi. Đoàn Chương trả lời lại ít hơn. Tức thì như nhận được mệnh lệnh, người con gái cất tiếng gọi to :

— Trinh ơi ! Trinh ơi !

Vừa vẫy tay rồi rít. Người mang tên Trinh rời bỏ chỗ đứng đi chậm rãi về phía chúng tôi. Áo tãp màu đỏ làm nổi màu da trắng. Thân hình hơi gầy, ngực nở lên một cách rut rề. Cặp đùi mạnh mẽ. Mái tóc chải dài, rẽ giữa buông xuống vai. Nàng cúi nhìn xuống chân, tình nghịch đá những hòn sỏi, đá vào nước cho tung toé trước mặt.

Khi đến gần chúng tôi, nàng ngẩng mặt nhìn lên, phác một nụ cười về hướng Đoàn Chương. Tôi lặng người tim đập rộn ràng : đoá hoa của đêm dạ vũ. Trinh. Sao tôi lại gặp nàng ở đây ? Tôi muốn quên nàng rồi mà ! Người con gái ấy đã hiện đến với tôi phiêu bồng như một bóng dáng liêu trai khởi đầu từ một party nơi nhà người em họ tôi. Đêm ấy tôi không có *partenaire* và nàng cũng đến dự một mình. Nàng ngồi nhàn nhả ly coca bên cạnh cái ampli, lặng lẽ nhìn người ta nhảy. Khi ban nhạc sống thổi bài *Limelight*, tôi tiến lại mời nàng. Nàng đứng lên không do dự và tôi đưa nàng đi những bước dật dìu.

Khi bản nhạc dứt, tôi đưa nàng lại bàn. Nàng cầm ly coca lên. Tôi nói .

— Cô là nữ sinh ?

Nàng mỉm cười không trả lời.

— Cô học ở trường Gia Long hay Trưng Vương ?

Nàng lại mỉm cười và lắc đầu.

— Bước nhảy của cô nhẹ nhàng.

— Cảm ơn.

Chúng tôi nhảy với nhau tiếp luôn ba bản nữa nhưng tôi không biết gì thêm về nàng. « Cám ơn » là câu nói độc nhất thốt ra từ đôi môi xinh xắn đó.

Đến mười giờ rưỡi nàng tỏ ý muốn về. Tôi tiễn nàng ra cửa. Tôi nói :

— Để tôi đưa cô về.

Nàng đưa ngón tay cái chỉ về chiếc Falcon màu đỏ đậu ở kề bậc thềm. Rồi nàng lặng lẽ đưa tay cho tôi bắt.

Tôi hỏi người em họ tôi về xuất xứ của nàng nhưng không ai biết.

— Thỉnh thoảng trong những party, — lời người em họ tôi, hiện đến và thoát đi những nhân vật lạ lùng như vậy. Y như những nhân vật liên trai.

— Anh đoán là một nữ sinh. Không son phấn. Không sắc mùi nước hoa. Không bôi đỏ móng tay.

Nỗi nhớ của tôi âm ỉ nhiều ngày. Nhớ khuôn mặt thanh tân, làn da trắng ngà, mái tóc xõa dài tỏa xuống ngang vai. Tôi muốn tìm biết nàng là ai nhưng chìm trôi cả nước, đâu dễ tìm một hạt cát giữa sa mạc mênh mông.

Khi tôi đã quên hẳn nàng rồi, như trang sách đã lật qua xếp nằm dưới nhiều trang sách khác thì bỗng trong một đêm dạ vũ nơi nhà người bạn nàng hiện đến bên cạnh một người đàn ông vạm vỡ có đôi hàm bạch, có nét mặt quăm quăm khó thương. Hỏi bạn tôi về người đàn ông, anh nói nhỏ :

— Trung tá Kỷ.

Hỏi về người con gái, anh nhún vai :

— Khất xư mơ hồ.

Đêm đó nàng nhảy liên miên với viên Trung Tá và khi đi qua chỗ tôi ngồi, rõ ràng là tôi thấy nàng chột khựng lại một chút nhưng rồi cúi xuống vội vã đi nhanh.

Sự việc xảy ra chỉ mới cách đây có ba hôm thôi. Hôm nay lại không hẹn mà gặp, và không gặp nơi đèn màu âm u mà giữa cảnh trí hùng vĩ sông nước này, cách xa thành phố của chúng tôi hơn bốn trăm cây số đường trường.

— Sao mấy anh không tìm ? Em đứng đợi hoài.

Đoàn Chức :

— Đợi nói chuyện một chút với mấy người hạn mới.

Đoàn Chước giờ bàn tay phác chỉ một vòng về chúng tôi.

— Còn Phượng, Phượng cũng bỏ mặc mình đứng một mình.

Người con gái tên Phượng không trả lời. Tôi đoán ý những nhà tư bản đến đây không phải cốt để nói chuyện nên giờ tay ra dấu hiệu cáo từ. Năm người vẫy đoàn đi xuống bờ nước, leo lên một cái plongeoir cao. Đoàn Chước ngồi kề Trinh. Phượng dựa vào lưng Du. Vĩnh Toàn Hưng đi đi lại lại.

Chúng tôi ba người chia nhau ngồi trên một cái băng gỗ đặt dưới gốc một thân cây cao. Gió thổi lá cây lao xao, thân cây màu nâu đậm rần rứt như vảy cá sấu. Không ai biết tên cây là gì. Nhiều bụi cây thấp, nhiều thân cây cao, đứng lúp xúp quanh đó, đứng ngạo nghễ quanh đó cũng chưa có tên. Thế giới thảo mộc còn giữ nhiều bí mật, loài người mới xâm phạm tới một phần nhỏ. Loài người có tính hay coi thường những vật mà nó biết. Thành ra như những cây vô danh, tôi chợt thấy chúng cao cả biết bao. Chúng như lạnh lùng khinh bỉ không thêm để ý đến chúng tôi.

Người con gái tên Trinh vẫn ngồi nép bên cạnh ông Giám đốc ngân hàng, mái tóc lòa xòa gác lên vai ông giám đốc ngân hàng. Ông này quàng tay ôm ngang lưng nàng. Tôi lại có niềm xót xa của đêm dạ vũ. Nàng là ai? Sao lại lặn gợn gợn từ cánh tay Trung tá sang cánh tay tài phiệt? Tấm thân mảnh mai nhỏ nhắn như còn thở mùi giấy vở học trò. Trung tá hay giám đốc ngân hàng đều có mùi giấy bạc. Những tờ giấy năm trăm loại mới màu đỏ đã có mùi hơi của mồ hôi tay. Những tờ giấy một ngàn đã mang chẳng chịt nhiều lần xếp.

Con sơn dương bé bỏng! Sao không nhảy chơi giữa thảm cỏ điểm hoa tím hoa vàng mà lại chạy nép mình vào cái chuồng hơi thối những thực phẩm hóa học? Con sơn dương xinh xắn! Nước suối trong và mát, những cộng dương xỉ cộng đã tiền mềm và ngọt nơi đầu lưỡi. Và mọi lá rừng, mọi hoa rừng đều có mùi thơm thanh khiết. Con sơn dương ngày thơ đã biết như vậy mà!

Bên tai tôi gió thổi vi vu. Tiếng của Đại úy Lục thoang thoang mơ hồ:

— Đúng vậy. Hồi xưa bộ Tư lệnh Mỹ cấm quân nhân Mỹ

không được bơi qua hồ này tới hai vòng. Đã có mấy trường hợp chết đuối nên mới có lệnh cấm như vậy.

Tiếng Thúc:

— Có mảnh lục vô hình nào gây ra chăng? Chắc không có đâu? Thời đại này mà còn tin như vậy thì quá yếu.

— Có một lối giải thích như thế này, — lời Lục. Đáy hồ không bằng phẳng mà có thể có những gộp đá tạo thành hang hốc. Người đi bơi hay có tạt lặn xuống sát đáy, di chuyển sát đáy, và khi trời lên mặt nước thì bị cái vách trần của hang đá giữ lại. Không tìm được lối ra, ngút hơi, chết luôn.

Con sơn dương mảnh mai uyển chuyển! Chân em thon và gót chân em nhỏ, thoát một cái em đã đứng gọn trên gộp đá màu xám cheo leo. Em....

— Thôi, đi chứ — Bàn tay Lục kéo mạnh cánh tay tôi. — Hay còn muốn ngồi đây nữa. Nhìn đã đủ chưa? Nhìn kỹ lại đi: núi cao, rừng cây, tảng đá lớn, mặt hồ có sóng...

Tôi uể oải đứng dậy. Hình như không ai để ý đến con sơn dương bé bỏng của tôi.

Xe trèo lên dốc.

— Chúng ta lên cái đồi nhỏ kia, ghé thăm biệt thự đã chiến của Tổng thống Johnson.

Vừa nói Lục vừa cho xe quật lên đồi không cần Thúc và tôi có đồng ý hay không. Xe quẹo hai vòng rồi đậu ngay trước cổng vào. Chúng tôi leo lên bậc.

Sân không được săn sóc nên cỏ sơ xác vàng mặc dù ở trong góc sân có để nằm một cái máy xén cỏ. Cửa đóng kín, nhưng từ trong nhà có tiếng nhạc thánh thót đưa ra. Thật là buồn, thật là cô quạnh, giữa một buổi trưa nắng vàng vắng lặng tiếng nhạc thồn thức một mình. Lục gõ cửa và chúng tôi đợi chừng năm phút. Cánh rèm hé mở, một khuôn mặt hiện ra. Thấy Lục là người quen, cánh cửa mở nhẹ nhàng. Lục bắt tay người Thượng sĩ:

— Mạnh giỏi.

— Cảm ơn Đại úy.

Chúng tôi bước vào phòng khách. Tường lót mi-ca có vân màu gụ. Thảm êm dưới gót giày. Màng cửa rộng màu nâu sậm.

Chúng tôi bước qua phòng ngủ. Màu thảm, màu tường và màu màn cửa hòa hợp với nhau một cách êm ái. Bước sang phòng ăn. Phòng tắm. Phòng làm việc. Nơi nào màu sắc cũng dịu dàng. Màu sắc ấm áp xoa dịu thần kinh, màu sắc dẫn dụ sự nghỉ ngơi, màu sắc làm trầm lắng tâm tư. Lược nói :

— Năm 1967, Tổng thống Johnson từ Honolulu bay ghé hẳn đảo Cam Ranh thăm các binh sĩ Mỹ và Đồng minh. Ông ghé lại đây có một ngày nhưng bộ Tư lệnh Mỹ đã huy động phải làm xong biệt thự này trong 24 tiếng đồng hồ để làm nơi nghỉ ngơi cho ông.

— Sao không chuẩn bị trước mà phải làm gấp gáp. Thúc bỏi.

— Vì phòng gian bảo mật. Một ông Tổng Thống Hoa Kỳ dẫn thân vào vùng có chiến trận, sự kiện đó đặt ra bao nhiêu vấn đề phức tạp hơn mình tưởng.

Ông Johnson đã từ trần năm 1973. Tôi đọc báo thấy nhắc đến cái ám ảnh đen tối nhất trong cuộc đời chính trị của ông là việc sa lầy trong chiến cuộc Việt Nam. Ông gửi sang Miền Nam Việt Nam đến nửa triệu quân Mỹ, chiến phí hàng ngày lên đến hàng tỉ bạc Việt Nam và muốn rút chân ra khỏi Việt Nam mà không được. Cảm thấy mình không thể là vị Tổng Thống đầu tiên của nước Mỹ bị thất trận, ông ra lệnh oanh tạc Bắc Việt và thế giới lên tiếng phản đối ông. Bây giờ ông đã chết rồi. Dù thành công hay thất bại, dù lưu xư hay lưu phương thì con người rồi cũng chết. Giữ bỏ hết mọi mưu toan sách lược, giữ bỏ hết mọi tham vọng ý đồ, mọi con người cuối cùng đều buông xuôi hai tay. Chiến cuộc Việt Nam đã chấm dứt không quá năm ngày sau khi ông Johnson từ trần. Ông chết thật đúng lúc. Ít nhất ông cũng tránh được nỗi buồn lòng rằng người kế vị của ông đã làm được điều mà ông chịu bất lực.

Tôi đứng giữa phòng khách tưởng như còn nghe hơi thở của ông Johnson phảng phất đâu đây. Tôi mở cửa ra đứng nơi hiên. Nhìn dãy núi trước mặt, nhũn nhặn hồ dưới chân. Rừng núi một màu xanh tốt, những tảng đá nâu sẫm và nước hồ xanh. Thật là một khung cảnh u trầm hùng vĩ phù hợp với những tâm hồn chịu nặng ưu tư.

Bộ áo tắm màu đỏ của Trinh hiện rõ, tung tăng ở bãi cát ven hồ. Tôi nhìn vào ống dòm. Nàng như vật đứng kề tôi năm thước, nụ cười tươi nở làm hàm răng trắng ngời. Hai hàng lông mày dài. Những hạt nước tròn long lanh ánh sáng đậu rải rác trên da mặt, trên da cánh tay. Bỗng nàng đổi sang thể chạy lúp xúp và chợt có đôi cánh tay đàn ông đưa tôi ôm chầm lấy nàng, siết mạnh và nàng ngã người vào đôi cánh tay rắn chắc đó. Cái sơ mi Montagut màu xám nhạt hiện rõ trong ống dòm, và trong ống dòm khuôn mặt người đàn ông cúi xuống kề khuôn mặt nàng. Đoàn Chức. Họ sắp hôn nhau. Tôi bỏ ống dòm xuống. Tôi bước vào nhà bảo Lục :

— Thôi, mình có thể già từ nơi đây.

Buổi trưa chúng tôi qua làng Cam Ranh để ăn trưa. Thị trấn nhỏ này được xây cất vội vã để sống bám vào lính Mỹ. Đường phố hẹp và lấm cát. Những tiệm tắm hơi khoa trương nghệ thuật quảng cáo ; tân tiến, theo phương pháp khoa học, đầy đủ dụng cụ máy móc tối tân... Cốt để lừa những du khách Việt Nam lạc bước tới đây, vì người lính Mỹ không đọc được chữ đó. Mà cho dầu có đọc được, họ cũng không tin, bởi máy móc là sở trường của họ. Và chẳng cái thứ máy móc mà họ đòi hỏi nơi các Steam bath này là... những cô gái Việt Nam. Thứ máy móc đó có thiệt và có dư. Nhiều hàng cold drink, cafeteria. Khá nhiều tiệm uốn tóc. Ở cuối bãi có một ngôi đền phát hình quẻ bói, xin cầu tài, cầu duyên. Nơi cầu nguyện của những cô gái bán bar, nhân tình của lính Mỹ.

Đời sống bình bằng của cái thị trấn nhỏ này dựa vào sự hiện diện của những người lính Mỹ. Năm 1973 khi người lính Mỹ cuối cùng rút đi thì sinh hoạt thu gọn lại còn một phần năm.

Buổi xế chúng tôi thăm một đỉnh núi cao ở cực nam bán đảo. Núi toàn đá dựng đứng sừng sững, đá màu trắng nhạt như vôi. Sóng bề gào thét dưới chân, sóng dựng ngược bờ 1 ăm vào những tảng đá lớn. Đá nằm chằng chịt quăn quít vào nhau, chồng chất lên nhau, im lìm thản nhiên. Sóng vẫn nhần nại xô đuổi nhau chạy tới, đập đầu vào đá, gào thét tung bùng, rồi rã toi bời.

Khuôn mặt người con gái tên Trinh bất ngờ hiện ra trên nền sông biển xanh nơi tôi dõi mắt chăm chú nhìn. Mái tóc xõa dài, đôi má thon thon của tuổi mười tám. Tôi lắc đầu, lắc đầu. Tôi không muốn nhìn thấy cái hôn kẻ đó sắp sửa xảy ra.

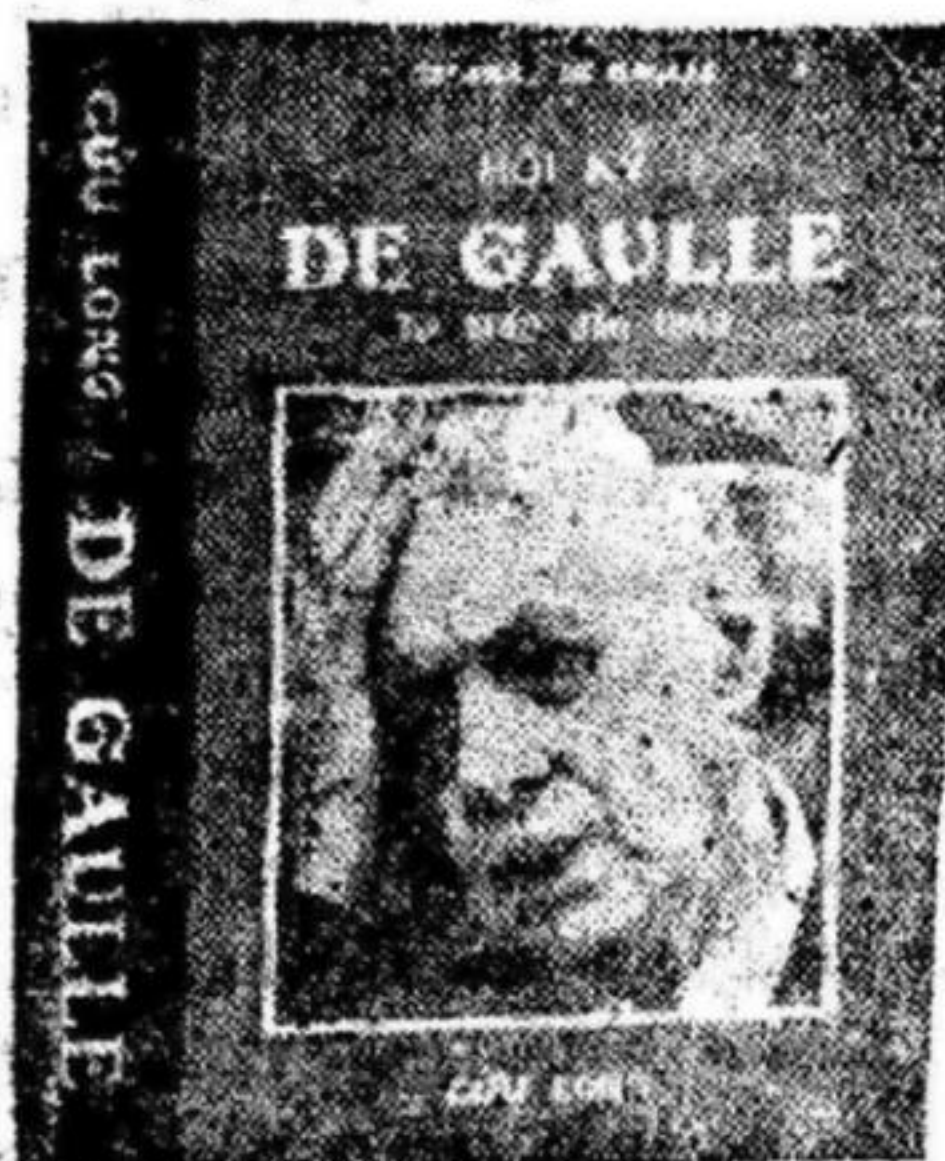
Võ Hồng

Đề hiểu rõ về Thế Giới Chính Trị và Ngoại Giao — những bí ẩn của trận đệ nhị thế chiến — tâm tư ray rứt của De Gaulle người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

HÃY ĐỌC

HỒI KÝ DE GAULLE

Dịch giả Vũ Đình Lưu
Đồng Nai tổng phát hành
vào ngày 6-7-64



Văn số tới :

Tuyển Tập Thơ Văn Tháng Tám

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ • VŨ HẠNH • MAI THẢO •
DU TỬ LÊ • VŨ HOÀNG CHƯƠNG • THANH TÂM
TUYỀN • TÚY HỒNG • NHÃ CA • DUYÊN ANH •

hoàng đình huy quan
nguyễn đức nhân
mường mán

Thơ Tình

nằm với thiên nhiên

Hôm qua tôi chết giữa trời
Rừng che bóng lá đất ngủi sương hoa
Hôm nay một giải trăng là
Sợi tim tôi rụng dưới bờ nhân gian
Tôi hai lần chết hai lần
Cổ trong máu thấm vườn trăng năm nào
Giờ nằm đây với sương sao
Thấy lan cõi mộng lối vào quên quên.

Hoàng Đình Huy Quan

đà lạt

Xa người về phố núi cao
Trèo lên dốc đứng cúi chào khói sương
Buồn tôi thung lũng hoang đường
Hải dầm lá cỏ để mừng tượng nhân
Mây đôi thú bảy về đâu
Cho tôi xin gửi hồn sầu bay theo

Nguyễn Đức Nhân

theo về

phổ về thối tiếng chia ly
dưới dòng xuân muộn thu đi rạc rời
lòng oanh dạ yến chia đôi
tan trong chút nhớ tuyệt vời chút đau

áo về phơ phất bông lau
trăm cảnh sương rụng rầu rầu giọt hoa
xé lờ kinh ước bước ra
nhân sắc em thắm hồng pha ráng chiều

chim về bóng tại hồn theo
nửa đêm gieo hạt mưa đến xuống thu
nhân gian mái rạ hiên mù
lòng anh như thể trái mù u rơi

xe về nhịp chậm như nói
ru ngàn dâu chết bên đời quên ca
hải tiên xuôi nẻo giang hà
hình em lồng bóng mù sa nhạt vàng
mới hay tình rẽ đò ngang
bèo trôi nghìn trước mây dãn nghìn sau

trăng về lững thững canh thâu
đồng hoang ngát liếng chó mầu nhiệm tru
theo rừng khoác áo khố lu
hình hia ai hát lời từ biệt nhau

đèn về bắc lạn dầu hao
mưa đan đợ khúc gió gào chia phôi
tạ tình nhân một nụ cười
người hôm nay đã là người hôm qua

Mường Mán

Nhà xuất bản TRẺ

LÊ THANH HOÀNG DÂN
68 và 84/8 Nguyễn-Biên Sài Gòn 5

TỦ SÁCH VĂN HỌC THẾ GIỚI

THÂN PHẬN CON NGƯỜI, André Malraux, Goncourt 1933

BỨC TƯỜNG, Jean Paul Sartre, Nobel 1964

CHĂN GỐI, Alberto Moravia

KẺ XA LẠ, Albert Camus, Nobel 1957

TRẦN GIAN MUÔN MÀU, André Gide, Nobel 1947

KẺ ĂN MÀY PHÉP LẠ, G.V. Gheorghiu

50 000 ĐÔ LA, Ernest Hemingway, Nobel 1954

KẺ LANG THANG, R. Tagore, Nobel 1913

THIÊN THẦN CHIẾN ĐẤU, Pearl Buck, Nobel 1938

BÓNG TỐI ĐÊM DÀI, Mikhaïl Cholokhov, Nobel 1965

NHỮNG NGÀY TRANH ĐẤU John Steinbeck, Nobel 1962

NHÀ TÀI PHIỆT CUỐI CÙNG, Scott Fitzgerald

SAU BỮA TIỆC, Yukio Mishima

NGÔI NHÀ CỦA MATRIONA, Alexandre Soljénitsyne, Nobel 70

THẦN TƯỢNG LẠ, Thomas Mann, Nobel 1929

MẶT TRÁI THẦN TƯỢNG, John O'Hara

ĐỜI CON GÁI, Vern Sneider

LẠC VÀO TỘI ÁC, James M. Cain

TỦ SÁCH KHOA HỌC NHÂN VĂN

1. **LỊCH SỬ ĐỜI SỐNG TÌNH ÁI**, của Richard Lewinsohn. Tiến sĩ
chánh trị học, Hội viên Hội nghiên cứu sinh lý Vienne

2. **LỊCH SỬ CHIẾN TRANH LẠNH I và II** của André Fontaine,
Trưởng ban chánh trị quốc tế nhật báo *Le Monde*

3. **LÀM THẾ NÀO ĐỂ BÁN MỘT TỔNG THỐNG?** J. Mc Ginnis,
trong bộ tham mưu tranh cử của Nixon

4. **NHỮNG DANH TÁC CHÁNH TRỊ I** của Jean Jacques Chevallier
Giáo sư Sorbonne. Tựa: Giáo sư Nguyễn văn Bông

5. **NHẬT BẢN: MỘT KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN** của Shigeru
Yoshida cựu Thủ tướng Nhật.

6. **YAMAMOTO và những trận đánh lịch sử trên Thái Bình Dương**
của Tameichi Hara, (Qu. I và II)

7. **YAMAMOTO, và trận đánh quyết định vận mạng T. B. Dương.**



Giai phẩm VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

— NGƯỜI HÀNH GIẢ VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ, tập thơ thứ ba của Ngô Nguyên Nghiễm, Khai Phá xuất bản. Ấn loát công phu, trình bày mỹ thuật. Giá 400đ.

— QUA CẦU GIÓ BAY của Nguyễn Mộng Giác. Suu tập 4 truyện này đã in trên Bách Khoa từ số 350 đến 357, được sao y theo lối master, nhà xuất bản Văn Mới gửi tặng. Sách dày 120 trang, bản đặc biệt không đề giá bán. Các bạn chơi sách muốn có tập truyện này, xin liên lạc với tác giả, tại sở Học Chánh Quy Nhơn.

— BÉ YÊU và BƯỚC KHẼ TỚI NGƯỜI THƯƠNG, hai tác phẩm mới nhất của Nhã Ca, trong tủ sách Trăng Mười Sáu, Thương Yêu xuất bản. Sách in đẹp. Bìa offset trang nhã do Đinh Tiến Luyện

— THẦN TƯỢNG LẠ, tiểu thuyết của Thomas Mann, bản Việt văn của Nguyễn Tử Lộc, trong tủ sách Văn Học Thế Giới do Lê Thanh Hoàng Dân chủ trương, nhà xuất bản Trẻ ấn hành. Sách dày 106 trang, giá 390đ.

HỘP THƯ

— Anh Thiên Di: Kiên nhẫn, đúng. Nhưng điều quan trọng là cố gắng tìm kiếm cho thơ mình những rung động mới. Sự lựa chọn đăng thơ các bạn trên Văn không khó khăn gì đâu. Chỉ làm thơ hay là khó thôi.

— Anh Bằng Tường: Tên người ghi trong sổ trước không phải anh. Trường hợp trùng tên nhiều lắm. Bao giờ Văn cũng dành một phần đất rộng lớn cho những người viết mới. Như anh đã thấy.

— Võ Trần Nguyễn: Gửi bài khác. Kêu thế nào cũng được.

— Anh Trần Hữu Nghiễm: Mấy tập thơ anh gửi cho, đã nhận được. Anh không thích các thể thơ khác? Sao lục bát hoài vậy?

— Trần Hoài Thư: Gọi Người Xa Vắng đã tới. Đang xem. Thân ái.

— Ngọc Thành: Đã nhận được Rồi Sau Mùa Mưa. Đang đọc. Bài vở gửi về Văn, xin đề tên người chủ trương.

— Anh Phạm Phú Ba : Gửi cho tôi những bài khác. Đến Văn nói chuyện, nếu có dịp về Sài Gòn. Thân.

— Lộc Trường Vũ (Quy Nhơn) : Đã nhận được thơ, cứ gửi, đừng ngại. Máy truyện ngắn đã gửi hồi trước để tìm coi lại, sẽ trả lời sau.

— Phạm Quang Phước : Chuyện thường, không phiền gì Phước hết. Đừng bận tâm. Chẳng nào có dịp về Sài Gòn, đến Văn nói chuyện. Cái truyện ngắn đã viết xong chưa ? gửi về cho tôi.

— Mang Viên Long : Tôi đã biết chuyện Long than trong thư ngay sau khi số báo được in ra. Coi đó là một kinh nghiệm và cho qua đi. Đã nhận được bài do cô L. chuyển giao.

— Anh Nguyễn Cao Thường : Rất tiếc không đăng được. Anh gửi cho những bài khác.

— Hoàng Đình Huy Quan : Đã nhận được thơ. Đã đăng một bài lục bát số này.

— Ô. Nguyễn Trịnh Đông : Xin trả lời ông, 1 : có. Chúng tôi gửi tới địa chỉ tác giả và tác giả cũng có thể tới nhận ở tòa báo. 2 : viết một mặt giấy.

— Ô. Trần Đình Bình : Rất tiếc Văn không có mục Giải Đáp Thắc Mắc nên không thể làm vừa ý ông được.

— Anh Vũ Phan Long : Thế nào

cũng có dịp ra Quy Nhơn gặp các anh. Đã nhận được thơ.

— Ông Giao Yên : Ông có thể gặp tôi ở báo quán, vào những ngày giờ làm việc.

Nhờ Văn nhắn tin :

N.M.G., Hà Vũ Giang Châu, và các bằng hữu cũ ; mong được liên lạc trở lại về tờ VỖ ĐẤT theo địa chỉ mới : Nguyễn Thái Dương, 206 Nguyễn Huỳnh Đức — Phú Nhuận (Gia Định).

CÁO LỖI

Trong số đặc biệt Vĩnh Biệt nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, câu đối của Vũ Hoàng Chương có in thừa một chữ. Xin đọc lại là « Chiều thứ tư hay thứ bao nhiêu » thay vì « Chiều thứ tư hay chiều thứ bao nhiêu ». Thành thực cáo lỗi cùng thi sỹ.

BÀI ĐĂNG
ONHAI DUNG

Giai phẩm VĂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những kỳ sau. Nếu sau bốn kỳ mà không thấy

tên trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ « yêu cầu miễn ghi » trên đầu bản thảo.

● THƠ

Nguyễn Thanh Châu . Thiên Phương . Nguyễn Biên Phổ . Lê Cầu Nhiên . Lê Huy Hoàng Chương . Nguyễn Thái Dương . Trần Bỉ Ngạn . Phù Vân . Nguyễn Bá Hoà . Đỗ Thủy Vân . Phan Cẩm Thuận . Hoài Mặc Thanh . Nguyễn Bạch Dương . Lê Thiên Hùng . Nguyễn Trọng Huy . Nguyễn Bích Đường . Trần Ngọc Diễm . Hồ Hoàng Hoa . Trầm Lăng . Nguyễn Duy . Trần Đức Oanh . Nguyễn Tri . Nguyễn Kinh Bắc . Nguyễn Bá Hoà . Trần Hoàng Vi . P.B.H. .

Tô Ngây . Ngô Sa Thủy . Phạm Tiên Sương . Nguyễn Tùng . Đông Triều . Đỗ Huy Sanh . Trinh Cao Châu . Trịnh Thế Mỹ . Huy . Lữ Thê . Trần Hoàng Vi . Như Mai . Trần Lạc Thiên . Hàn Linh Giang . Trần Hữu Dũng . Quan San . Quốc Bằng . Nguyễn Ngọc Nhã . Hùng Vân . Nguyễn Thừa Thoại . Ngô Văn Hùng . Nguyễn Minh Thoại . Băng Huỳnh Thảo . Nguyễn Nguyên . Thị Trâm Tư . Đinh Khánh Vân . Trần Hoàng Vy . Hồ Thy . Nguyễn Khắc Nhượng . Nguyễn Đăng Cử.

● VĂN

Võ Cung Hạ . Đặng Ngọc An . Minh Nguyễn . Trần Trang Thư . Đinh Quán . Nguyễn Tạo . Lê Anh Phương . Nguyễn Doãn Phạm Thiệu Thu.

HÃY TÌM ĐỌC :

Cuộc Tình Trong Ngục Thất

tác phẩm đang gây chấn động khắp văn giới

Truyện dài NGUYỄN THỊ HOÀNG

In tại nhà in riêng của Văn, 38 Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. 23.595
Phát hành ngày 01 tháng 8 năm 1974. Số lượng in 6.000 cuốn.
G.p. số 430/74/BDVCH/KSALP/GP, Sài Gòn ngày 29-7-1974.

Giáo sư và học sinh
trung học toàn quốc

THƠ SAY

thi phẩm của Vũ Hoàng Chương

*tập thơ được giảng dạy trong
chương trình Quốc văn lớp 12
kể từ niên khóa 74-75*

có bán

*tại nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng
38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn*

(Ấn bản 1971 của nhà Nguyễn Đình Vượng
đã được tác giả nhuận sắc)



Ngày nay sáu mươi tuổi già, đầu tóc mười phần bạc đến bảy tám, ngồi một mình với tờ nhật trình cũ và tách cà-phê ba đồng nhấm nghe chua chua, chàng chợt thấy lại sự việc cũ ; giống như một hôm, trưa nắng, một người đứng trên miệng giếng cúi nhìn xuống lòng giếng quang tĩnh chợt trông thấy cả đáy cát trắng, thấy một mẩu dây dừa, một chiếc gàu rách đứt giây nắn đó từ năm nào, thấy chiếc gương con bỏ túi của chị Hai bị tuột rơi hồi chị còn giúp việc trong nhà (bây giờ chị đã có chồng có con, đi làm ăn phương xa), và lẫn lộn giữa những thứ ấy là một món đồ chơi bằng nhựa (một chiếc máy bay, một chiếc xe hơi...) chính ta đánh rơi năm xưa. Hóa ra những cái ấy vẫn còn, còn cả, được giữ ở một nơi nào đó, giữ hầu như y nguyên mà vô dụng. Để một buổi trưa quang tĩnh, ta tựa hồ nheo mắt nhìn, ngắm nghía.

Chàng ngồi với tách cà-phê chua và nguội, bên kia đường, trong một gian nhà cửa đóng, từ bên trong lọt ra qua các khe lá sách ánh đèn vàng cách của một bóng điện độ bốn chục nến thấp suốt ngày. Cái ánh đèn bất động và ngoan cố ấy... À, đó cũng là ánh đèn chàng bắt gặp buổi sáng năm xưa, trong lúc ngồi nói chuyện với cô gái (vốn không phải là y tá), ở phòng mạch, mắt thỉnh thoảng nhìn sang căn nhà sát bên cạnh. Có lẽ đó là ngọn đèn chong trong kho chứa hàng của một tiệm tàu.

Trời, một ngọn đèn vàng cách tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đầu đó nơi chàng suốt ba mươi năm.

Ngày nay sáu mươi tuổi già, đầu tóc mười phần bạc đến bảy tám, ngồi một mình với tờ nhật trình cũ và tách cà-phê ba đồng nhấm nghe chua chua, chàng chợt thấy lại sự việc cũ ; giống như một hôm, trưa nắng, một người đứng trên miệng giếng cúi nhìn xuống lòng giếng quang lĩnh chợt trông thấy cả đáy cát trắng, thấy một mẩu dây dừa, một chiếc gàu rách đứt giây nằm đó từ năm nào, thấy chiếc gương con bỏ túi của chị Hai bị tuột rơi hồi chị còn giúp việc trong nhà (bây giờ chị đã có chồng có con, đi làm ăn phương xa), và lẫn lộn giữa những thứ ấy là một món đồ chơi bằng nhựa (một chiếc máy bay, một chiếc xe hơi...) chính ta đánh rơi năm xưa. Hóa ra những cái ấy vẫn còn, còn cả, được giữ ở một nơi nào đó, giữ hầu như y nguyên mà vô dụng. Đến một buổi trưa quang lĩnh, ta tựa hồ nheo mắt nhìn, ngắm nghía.

Chàng ngồi với tách cà-phê chua và ngụi, bên kia đường, trong một gian nhà cửa đóng, từ bên trong lọt ra qua các khe lá sách ánh đèn vàng cách của một bóng điện độ bốn chục nến thấp suốt ngày. Cái ánh đèn bất động và ngoan cố ấy... À, đó cũng là ánh đèn chàng bắt gặp buổi sáng năm xưa, trong lúc ngồi nói chuyện với cô gái (vốn không phải là y tá), ở phòng mạch, mắt thỉnh thoảng nhìn sang căn nhà sát bên cạnh. Có lẽ đó là ngọn đèn chong trong kho chứa hàng của một tiệm tàu.

Trời, một ngọn đèn vàng cách tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đầu đó nơi chàng suốt ba mươi năm.

12-1966

Võ Phiền